



Nhà bếp (hình TB)

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

- | | |
|------------------------------------|----------------|
| 1 Tự do cho Lê Chí Quang | D.Đ. |
| 4 Đại hội ĐCS Trung Quốc | Nguyễn Quang |
| 7 Tin / Thời sự | |
| 14 Thư Hà Nội | NSP |
| 15 Hà Nội trong mắt người trí thức | Nguyễn Huệ Chi |

văn hóa & khoa học & nghệ thuật

- | | |
|----------------------------------|-------------------|
| 20 Ea Sola | Đặng Tiến |
| 22 Đọc Hoàng Phủ Ngọc Tường | Ngân Hà |
| 23 Phạm Duy và truyền Kiều | Văn Ngọc |
| 24 Từ Jimi Hendrix đến Nguyên Lê | Vũ Trọng Phụng |
| 27 Cuộc vui ít có (truyện ngắn) | Phạm Hải Anh |
| 28 Đì hết đường mưa | Trần Hữu Dũng |
| 30 Đọc Ellsberg | Nguyễn Quang Riệu |
| 31 Văn minh trong giải ngân hà | |

Tác: Đỗ Quang Nghĩa (tr. 26)

TỰ DO CHO LÊ CHÍ QUANG

Theo TTXVN, ngày 8.11.2002, toà án Hà Nội đã tuyên án anh Lê Chí Quang 4 năm tù giam và 3 năm quản chế về tội “tuyên truyền chống nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam”.

Theo bản cáo trạng, anh Quang (một luật gia trẻ - 32 tuổi, mà bạn đọc Diễn Đàn đã từng biết. Xin xem bài viết “*Miệng tao là pháp luật*” của anh trong DĐ số 111) đã bị bắt ngày 21.2 khi đang “phát tán tài liệu có nội dung chống phá nhà nước”. Thực chất, như chính bản tin của TTXVN đã đưa, anh bị kết tội phát tán (trên Internet) những bài viết trên “từ tháng 4/2001”. Tháng 9.2001, anh đã từng bị công an chiếu cố, gọi ra truy hỏi về bài viết “*Góp ý sửa đổi hiến pháp 1992*”, và về việc tham gia “Hội nhân dân VN ủng hộ Đảng và Nhà nước chống tham nhũng” của các ông Phạm Quế Dương, Trần Khuê và nhiều cán bộ lão thành khác. Cuối năm 2001, anh Quang cũng ký tên vào bức thư chung của một số trí thức và lão thành cách mạng tố cáo bản hiệp định biên giới Việt - Trung.

Chín tháng biệt giam mới được đem ra xử, trong một phiên toà giám già (ngoài cha mẹ anh Quang, không một ai trong số bạn bè, người thân của anh được vào dự phiên xử), rồi một bản án 4 năm tù giam cho những bài viết chính trị, trong đó không hề có một lời kêu gọi, kích động sử dụng bạo lực nào (bất luận ý kiến chính trị của tác giả như thế nào). Chẳng thể có kết luận nào khác : đây là một bản án đòn áp chính trị, đòn áp tự do ngôn luận của người dân, hoàn toàn đi ngược lại trào lưu dân chủ của thời đại, đi ngược lại ý muốn hoà minh vào cộng đồng nhân loại mà chính nhà cầm quyền Hà Nội thường rao giảng ?

Một bản án phản động, một hình ảnh chẳng đẹp đẽ gì cho chính quyền.

Phải trả tự do cho anh Lê Chí Quang. Cũng như cho các anh Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, và nhiều người khác đang còn bị giam giữ vì chính kiến của họ. Đó cũng là cách giải quyết thoả đáng và đơn giản nhất cho chính quyền.

Diễn Đàn

Ban đợc và Diễn Đàn

Lâm Đức Thụ phản bội từ bao giờ ?

Xin cảm ơn Diễn Đàn đã tìm ra và đăng tải bản dịch bài viết của nhà sử học Trung Quốc Hoàng Tranh về bà Tăng Tuyết Minh, người vợ Trung Quốc của Hồ Chí Minh & Nguyễn Ái Quốc. Tôi thấy bài viết rất nghiêm chỉnh và công phu, rất đáng được phổ biến, vì nó mang lại những thông tin về một quãng đời ít ai biết của Hồ Chí Minh, qua đó, người đời sau hiểu được bi kịch của những con người trong một thời kì bão tố, và càng thương cảm cho số phận của bà Tăng.

Quý báo cũng cho biết, bài này đã được truyền tay khá rộng rãi ở Hà Nội nhưng không tờ báo nào được phép công bố. Điều này không làm tôi ngạc nhiên mấy. Theo tiêu chuẩn của một thời đã kéo dài mấy chục năm, ông Hồ lấy vợ như vậy là phạm nhiều điều cấm kị. Tăng Tuyết Minh rõ ràng là chưa được “giác ngộ”, thành phần xuất thân lại có hai cái tì vết lớn : cha là Hoa Kiều ở Mĩ vê, gia đình lại theo Thiên chúa giáo. Đó là không kể, mai mối lại là Lâm Đức Thụ là người đã phản bội. Để hiểu phản xạ đầu tiên của bộ máy tuyên huấn là cấm đoán, kiểm duyệt mọi thông tin đi chệch hình ảnh một

ông thánh, không có vợ con, nếu có lấy vợ thì phải do Hội Liên hiệp phụ nữ tuyển chọn (nghe nói thời kháng chiến 9 năm, các bà Phụ nữ Cứu quốc đã “chấm” mấy người). Nhưng bít như vậy, họ tưởng rằng sẽ bảo toàn được thần tượng như người ta bảo quản xác ướp ở trong lăng. Họ chỉ quên một điều là dân trí ngày nay, dù còn thấp đến đâu, cũng không thấp lè tè như họ nghĩ (hay muốn nghĩ), và trong thời đại thông tin này, mọi sự bít sẽ như cái boomerang, quay ngược lại mà phang vào đầu người chủ xướng. Nghiêm trọng hơn nữa, với sự căm đoán còn kéo dài như vậy, thử hỏi làm sao mà khoa học xã hội và nhân văn có thể tồn tại được, tồn tại chứ không nói phát triển ?

Nhân đây, tôi cũng xin hỏi một điều : ông Hoàng Tranh viết rằng “Lâm Đức Thụ sau năm 1927 (nghĩa là hai năm sau khi giới thiệu Tăng Tuyết Minh với Lý Thuy) đã từng bước phản bội, li khai hàng ngũ cách mạng Việt Nam...”. Sự thực có đúng như vậy không ?

N. T. M. (Lyon, Pháp)

→ Đúng là Lâm Đức Thụ đã phản bội hàng ngũ cách mạng, làm chỉ điểm cho mật thám Pháp. Nhưng tác giả đã viết sai thời điểm. Trung tâm vẫn khố hải ngoại (CAOM ở Aix en Provence, Pháp) còn lưu trữ 3 lá thư thủ bút của Phan Bội Châu gửi Nguyễn Ái Quốc, Hồ Tùng Mậu và Lâm Đức Thụ trước tháng 6 năm 1925 (là lúc cụ Phan, trên đường từ Hàng Châu về Quảng Đông, tới Thượng Hải thì bị mật thám Pháp bắt cóc). 3 lá thư ấy, Lâm Đức Thụ đều dịch và chuyển cho mật thám Pháp (xem bài của Vĩnh Sính, Về mối liên hệ giữa Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc 1924-1925, tạp chí Thời đại số 1, 1997).

Như vậy là Lâm Đức Thụ (tức Hoàng Chấn Đông) đã bội phản ít nhất là từ nửa đầu năm 1925. Chúng tôi không rõ tác giả Hoàng Tranh viết “sau năm 1927” vì ông không có những thông tin nói trên, hay vì những “lí do ngoại giao”.

Minh oan cho Phan Bá Ngọc

Trong Hồi ký của Hoàng Tùng (ĐĐ số 123), có nói đến trường hợp hổ phụ sinh khuyển tử, cha là Phan Đình Phùng, con là Phan Bá Ngọc đã đưa mật thám Pháp bắt Phan Bội Châu (trang 17). Phan Bội Châu bị bắt hai lần. Lần thứ nhất (không rõ năm 1914 hay 1917) thi do “Quan Nhân Phủ người Quảng Đông làm ‘trinh thám cho Pháp’” (theo lời kể của

Sinh hoạt nghệ thuật

Chương trình lưu diễn của Nguyễn Lê

Tháng 12.2002 :

- 3 - 5 : Duc des Lombards, Paris (N. Lê, Art Lande, Paul McCandless)
- 10 - 13 : Chambéry, F (Nguyễn Lê résidence /création)
- 14 : Matera (Paolo Fresu Angel 4tet)
- 15 : Bari (Paolo Fresu Angel 4tet)
- 16 : Napoli (Paolo Fresu Angel 4tet)
- 17 : Firenze (Paolo Fresu Angel 4tet)
- 18 : Genova (Paolo Fresu Angel 4tet)
- 22 : Bolzano (Paolo Fresu Angel 4tet)

Tháng 1.2003 :

- 24 : Annecy (Hương Thanh "Dragonfly")
- 25 : Faches Thumesnil (Nguyễn Lê Hendrix project)

Tháng 2.2003 :

- 4 : Caen (Nguyễn Lê Hendrix project)
- 7 : Vienne (Nguyễn Lê Hendrix project)
- 15 : Thonon les Bains (Nguyễn Lê Hendrix project)
- 16 - 23 : Holland tour (Eric Vloeimans 4tet)

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Ông **Phùng Công Khải**

đã từ trần ngày 11.11.2002 tại Meudon, thọ 90 tuổi. Lễ hỏa táng đã cử hành ngày 18.11.2002.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng các chị Dung, Liên Minh và toàn thể tang quyến.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Tân, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

chính Phan Bội Châu trong Phan Bội Châu niên biểu). Lần thứ nhì vào tháng 7 năm 1925 tại nhà ga Thượng Hải. Thế mà lúc đó Phan Bá Ngọc đã chết được ba năm hơn rồi : ông ta bị Lê Tân Anh (tức Lê Hồng Sơn) xử bắn ở Hàng Châu từ tháng 2 năm 1922. Tại sao Phan Bá Ngọc lại hảm oan như vậy, 80 năm sau khi chết ?

Nguyễn Thanh (Paris, Pháp)

→ Đúng như ông đã cho biết, Phan Bá Ngọc không có trách nhiệm nào trong các vụ bắt Phan Bội Châu. Chúng tôi đã hỏi nhà sử học Vĩnh Sính, tác giả nhiều công trình nghiên cứu về Phan Bội Châu, vì sao PBN bị coi là phản bội, theo Pháp, được trả lời tóm tắt như sau :

Phan Bá Ngọc bị dư luận coi là bán nước, một phần chính vì những lời lên án của Phan Bội Châu trong Phan Bội Châu niên biểu (viết năm 1929). Sự thật khá phức tạp :

Trong phong trào Đông Du, Phan Bá Ngọc có lẽ là người thông thạo tiếng Pháp nhất, (sau này có Lê Dư, sang Nhật sau Phan Bá Ngọc, về sau hợp tác với Pháp), nên được trao cho việc giao dịch, thư từ với chính quyền thuộc địa. Khoảng 1919, toàn quyền Albert Sarraut (đảng SFIO) đưa ra chủ trương “ liberté dans la modernisation ” cho Đông Pháp. Cùng lúc, Nhật Bản bành trướng mạnh ở Trung Quốc và Triều Tiên (phong trào Ngũ Tứ ở Trung Quốc, Samil Undong ở Triều Tiên cũng bộc phát lúc này). Chính trong bối cảnh ấy, Phan Bội Châu đã viết “ Pháp Việt đê huề chính kiến thư ”. Có cơ sở để nghĩ rằng Phan Bá Ngọc có đóng góp nhiều ý kiến, nếu không nói ông ta là người chấp bút. Chủ trương hòa hoãn với Pháp, xa lánh Nhật Bản này (không khác chủ trương lúc đó của Phan Châu Trinh) gặp phải sự chống đối quyết liệt của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để và những người cùng ý hướng. Theo Phan Bội Châu niên biểu, chính Cường Để đã trao súng cho Lê Tân Anh (tức Lê Hồng Sơn) đi Hàng Châu hạ sát Phan Bá Ngọc. Xong việc, Lê trở về Nhật báo cáo cho Cường Để và trả lại súng. Tuy liệu văn khố của Bộ ngoại giao Nhật cũng cho biết Kỳ Ngoại Hầu “ cho người hạ sát Phan Bá Ngọc vì hiềm khích cá nhân ”.

Lên án Phan Bá Ngọc trong Niên biểu, nhưng đến cuối thập niên 30, khi Nhật bành trướng sát tới Đông Dương, cự Phan lại chủ trương “ Pháp Việt đê huề ” và nhắc lại 20 về trước mình đã đưa ra đường lối “thức thời” này.

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 10 €, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 2 € (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 35 €, 1/4 trang : 60 €, 1/2 trang : 100 € trang, 1 trang : 200 € (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hóa đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 5 € (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS.

Châu Âu thuộc khối liên hiệp Âu châu UE : có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền 45 € vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn.

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về tòa soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, Numer Banku : 10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ tòa soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)
FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Trung tuần tháng 11, Đại hội lần thứ 16 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) đã bầu ra Ban chấp hành Trung ương (gần một nửa là uỷ viên mới) và cử Thường uỷ (Ban thường vụ Bộ chính trị), đứng đầu là ông Hồ Cẩm Đào, phó chủ tịch nước, trên nguyên tắc đến tháng 3.2003 tới đây, sẽ chính thức trở thành chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Trước đó, họ Hồ chỉ đứng hàng thứ 5 (sau Giang Trạch Dân, Lí Bằng, Chu Dung Cơ, Lí Thụy Hoàn), nhưng trên thực tế, mọi người đều biết, cách đây hơn mươi năm, ông đã được Đặng Tiểu Bình chọn sẵn làm “thế tử”. Việc Hồ Cẩm Đào lên làm tổng bí thư ĐCSTQ thay thế Giang Trạch Dân cũng đánh dấu cuộc chuyển giao “thế hệ” (người Trung Hoa gọi là “đời”), “đời” thứ 3 (những người lãnh đạo ở tuổi 70) nhường ngôi cho “đời” thứ 4 (lục tuần) : trong Thường uỷ cũ (7 người), 5 người theo Giang Trạch Dân rút ra, chỉ còn lại Hồ Cẩm Đào. Điều đáng chú ý, đây là lần đầu tiên trong lịch sử 70 năm của ĐCSTQ, sự chuyển giao đã diễn ra một cách “bình thường”, không đấu đá, không đảo chính, không khủng hoảng lộ liễu trong bộ máy hay ở ngoài đường phố. Chuyển giao bình thường, nhưng vẫn giữ tính liên tục : tổng bí thư Giang Trạch Dân đã “khóa chặt” bằng cách sắp xếp người thân tín của ông vào các vị trí then chốt và, cẩn tắc vô áy náy, ông vẫn giữ chức chủ tịch Quân uỷ trung ương, mà người ta coi là công cụ quyền lực tối cùng.

Chủ nghĩa thực dụng

Đúng như lời một nhà ngoại giao Tây phương, “Bắc Kinh học” không phải là một khoa học chính xác. Nói cho chính xác hơn, nó không phải là khoa học. Bưng bít, ngôn ngữ bí hiểm, chỉ thị tào lao, mỗi cơ quan quyền lực là một thâm cung, chính quyền tập trung trong tay một nhúm người (198 uỷ viên trung ương, 21 uỷ viên Bộ chính trị, và cụ thể hơn, 9 uỷ viên thường vụ quyết định vận mệnh của 1 300 triệu người Trung Hoa, và hơn một tỉ người ấy chỉ còn biết nhẫn nhục, thờ ơ), công việc của nhà phân tích chính trị Trung Quốc chẳng khác nào công việc của thày bói. Cũng như Đặng Tiểu Bình trước đây, ông Giang Trạch Dân muốn tiếp tục “ngồi sau bình phong” mà chỉ đạo theo truyền thống Từ Hi thái hậu. Mao đã có “Tư tưởng Mao Trạch Đông”, Đặng đã có “Lí luận Đặng Tiểu Bình”, thì ông Giang cũng ra sức vận động để Đại hội 16 ghi vào cương lĩnh cái gọi là chủ thuyết “tam cá đại biểu” của ông. Lê nào ta lại coi thường, lẩn tránh việc bình giảng “chủ thuyết Giang Trạch Dân”. May thay (cho bạn đọc và người viết bài), 600 trang sáo ngữ của “văn kiện đại hội” có thể tóm tắt vào một câu ngắn đã được Đại hội 16 nhất trí thông qua, sửa lại định nghĩa ĐCSTQ : ĐCSTQ không còn là “đội

ngũ tiên phong của giai cấp công nhân Trung Quốc” nữa, mà từ nay “Đảng Cộng sản Trung Quốc là đội ngũ tiên phong của giai cấp công nhân Trung Quốc, của nhân dân Trung Quốc và của dân tộc Trung Hoa”. Công thức này có thể hiểu theo nhiều cấp độ :

Trên thực tiễn, chủ thuyết “ba (cái) đại biểu” cho phép ĐCSTQ kết nạp vào đảng đại biểu của những “giai cấp mới đang lên”, nói huych toẹt là các nhà kinh doanh tư nhân. Mọi người còn nhớ, 30 năm sau đại họa của chủ nghĩa duy ý chí, tại Hội nghị Trung ương lần thứ 3 (tháng chạp 1978), ông Đặng Tiểu Bình đã đề ra khẩu hiệu “4 hiện đại hoá” (nông nghiệp, nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, quốc phòng), lấy thực dụng làm động cơ tư tưởng duy nhất. Câu nói cửa miệng nổi tiếng của “người lái thuyền thấp bé” là : “*Mèo trắng hay mèo đen cũng được, miễn là biết bắt chuột*”. Và cứ thế, ông khôi phục vai trò của tư doanh, trả lại vị trí ưu tiên cho chuyên môn (thay vì chính trị), và quan trọng hơn thế : thoả hiệp với chủ nghĩa tư bản. Hơn cả thoả hiệp, đó là một liên minh thực sự, mà điển hình là các đặc khu kinh tế, nghĩa là những ốc đảo “tự do” nằm trong lãnh thổ “xã hội chủ nghĩa”, được hưởng những quyền miễn trừ (trừ, thậm chí miễn thuế) nhằm lôi cuốn các nhà đầu tư nước ngoài (và làm giãy nảy các nhà giáo điêu trong bộ máy đảng). Các nhà lí luận chủ trương cải cách buộc phải nguy trang sự liên minh ấy bằng những ngôn từ “đúng lập trường”, nên họ đã tạo ra một khái niệm mới toanh : “nền kinh tế xã hội chủ nghĩa thị trường” trong đó vốn (tư bản) và các phương tiện sản xuất vẫn là “xã hội chủ nghĩa”, song nền kinh tế lại được “tự do hoá” (cạnh tranh tự do, giá cả tự do...). Ai muốn nghĩ sao về cái “mô hình lí luận” quái đản như những con khủng long trong phim Jurassic Park thì cứ nghĩ, song phải thừa nhận rằng, sau 20 năm thực hiện, chủ trương của ông Đặng xem ra đã thành công : mục tiêu nhân PIB lên gấp 4 trước năm 2000 đã đạt được ngay từ năm 1995 ; PNB đã vượt con số 700 tỉ USD, đưa Trung Quốc lên hàng thứ 6 trên thế giới ; cán bộ đảng viên đều tề chỉnh đứng dưới ngọn cờ “cải cách & khai phóng” (cải cách và khai phóng về mặt kinh tế thôi, cố nhiên) của “người lái thuyền thấp bé”. Ông Đặng vẫn thường nói : “*Thực tiễn là tiêu chuẩn chân lý duy nhất*”. Hai mươi năm đã trôi qua, chân lí mà thực tiễn của chủ trương “phú cường” (“nước mạnh dân giàu”), nếu muốn dịch ra ngôn ngữ chính trị Việt Nam) cho thấy rõ, là : nền kinh tế Trung Quốc ngày càng tuân theo “thị trường”, mỗi ngày mỗi xa “chủ nghĩa xã hội”. Khu vực quốc doanh chỉ còn giữ tỉ trọng 1/3 trong nền kinh tế quốc dân ; các xí nghiệp Nhà nước năm 1978 còn chiếm 78 % nhân dụng ở các thành thị, ngày nay chỉ còn non nửa ; không những thế, Nhà nước còn bắt đầu bán các xí nghiệp lõi lã, trước hết là các xí nghiệp nhỏ (người ta đưa ra con số 20 000) cho khu vực tư nhân. Trong điều kiện như vậy, việc (bắt đầu) chấp nhận tính đại diện chính trị của những giai cấp sản xuất mới (trong văn bia gọi là những “phản tử tiên tiến”) không còn đơn thuần chỉ là chuyện ngôn từ lí luận, nó chứng tỏ chính quyền Trung Quốc, trên thực tiễn, đang cần xây dựng lại tính chính đáng cho bản thân mình.

Tính chính đáng

Vấn đề đặt ra cho thuyết “3 đại biểu” chính là ở đó : tính chính đáng. Có một thời, dư luận đã ôn ào sôi nổi khi các đảng

cộng sản ở phương Tây tuyên bố từ bỏ quan niệm “ chuyên chính vô sản ”, một quan niệm hoàn toàn không phù hợp với hiện thực của xã hội phát triển. Thế mà bây giờ ĐCSTQ lại muốn kín đáo tiến hành một cuộc canh tân quan trọng gấp bội : thay đấu tranh giai cấp bằng hợp tác giai cấp. Chính quyền Trung Quốc vẫn ra rả khẳng định mục tiêu tối hậu là chủ nghĩa cộng sản, huỷ bỏ mọi giai cấp, song nếu coi chân lí là thực tiễn như ông Đặng vẫn thường nhấn mạnh, thì phải nói : Trung Quốc đang quá độ sang thời đại hậu - cộng sản, tiến tới một chế độ cực quyền tư bản chủ nghĩa và quốc gia chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của ĐCSTQ. Là chính đảng của giới thượng lưu và chủ nhân, nó còn giả tăng là chính đảng của nông dân và công nhân, nhưng sự hư cấu ngày càng khó giữ kín :

* Nông dân là nạn nhân đầu tiên và chủ yếu của các cuộc cải cách :

Khởi đầu, tình hình nông dân tương đối khả quan. Sau 30 năm dưới chế độ Mao – nông dân thực sự phải sống như những “ nông nô đỗ ”, tích luỹ của nông nghiệp bị dốc toàn bộ vào công nghiệp hoá (*) – những biện pháp đầu tiên được ban hành trong thập kỷ 80 (giải thể công xã nhân dân, nâng giá nông sản, hạ giá hàng công nghiệp...) đã thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất nông nghiệp và sức tiêu thụ của nông dân. Đầu thập kỷ 90, các xí nghiệp “ hương trấn ” ở vùng nông thôn đã phát triển mạnh mẽ : năm 1994, sản xuất của khu vực này chiếm một nửa tổng sản phẩm quốc gia ! Nhưng vào cuối thập kỷ 90, tình hình đã xấu đi, chủ yếu vì ba nguyên nhân : nhà nước bỏ mặc cho giá cả hàng công nghiệp, phân bón và thuốc trừ sâu tăng vọt ; thương mại chạy theo luật chơi ác liệt mới ; cuối cùng và nghiêm trọng hơn cả, một chế độ “ nông nô đỗ ” mới bị chính quyền địa phương áp đặt, thay chỗ Nhà nước trung ương. Tại một số địa phương nông thôn, hơn 60 ban ngành đủ loại bày ra hơn 100 loại thuế má, đóng góp để moi túi của nông dân và các doanh nghiệp hương trấn nhỏ, đó là không kể các khoản “ tín dụng đặc biệt ” dùng cho những tiêu phung phí của các quan chức (tiệc tùng, mua xe limousine, viễn du tham quan, hội nghị...), các “ phí tổng hợp ”, nghĩa là các khoản hối lộ nộp cho các “ mạng lưới quan hệ ” mà dân Trung Hoa quen gọi là “ hầm trú ẩn phòng không ” (*)... Thế là thu nhập của nông dân tụt xuống mức thu nhập năm 1978, bằng một phần ba thu nhập bình quân của thành thị. Nghiêm trọng hơn, ván bài kinh tế mới đã tạo ra một cuộc di dân khổng lồ, 200 triệu người rời bỏ nông thôn, trôi dạt từ thành phố này sang đô thị kia, ngày ngày bán sức lao động tại những chợ nô lệ kiểu mới. Được gọi bằng những mĩ từ “ dân công ”, “ đại công muội ” (chị làm công), mấy trăm triệu “ kẻ tramped luân ” ấy là những “ phu hầm lò ” của cuộc bùng nổ kinh tế của Trung Quốc, nhưng họ là một con số không về mặt pháp lí, họ sống không “ hộ khẩu ” trong cảnh bị bóc lột, bấp bênh, cung cực (*). Khối lượng người to lớn là nguồn bất ổn ở đô thị, cũng là mối lo đối với chính quyền. Chính quyền trung ương hiểu rõ và biết xử lý các cuộc nổi dậy của nông dân (đó cũng là truyền thống các chính quyền Trung Quốc từ bao đời nay), song thật khó kiểm soát 200 triệu người vô sản cùng khốn kia khi có bùng nổ xã hội mà nạn thất nghiệp có thể gây ra.

* Nạn nhân thứ nhì của cải cách là giai cấp vô sản công nghiệp :

Thành phần “ vô sản lưu manh ” ấy, những phu phen quần quật dưới tầng hầm của “ xưởng máy của thế giới ” là Trung Quốc ngày hôm nay, ta không có số liệu chính thức nào cả (điều này không có gì lạ). Ngược lại, không thiếu các thống kê về tầng lớp “ thương lưu ” cũ của giai cấp vô sản công nghiệp, nghĩa là các công nhân làm việc ở các “ đơn vị ” (xí nghiệp quốc doanh). Trước đây là mũi nhọn của công nghiệp Trung Quốc (thép, than, hoá dầu), ngày nay các xí nghiệp quốc doanh đã trở thành gánh nặng : về vốn cố định, khu vực này nhận được 65 % tổng số đầu tư công cộng, nhưng chỉ tạo ra được 30 % PIB ; theo số liệu chính thức, 2/3 các doanh nghiệp Nhà nước làm ăn thua lỗ. Chính phủ Bắc Kinh thừa nhận là cuộc cải cách công nghiệp phát động từ năm 1984 đã không đạt được mục tiêu là làm cho các xí nghiệp quốc doanh trở thành tự quản và có lời. Chủ trương “ hợp lí hoá kinh tế ” tiến hành trong 20 năm qua rốt cuộc là bán (thường là bán đứng) các xí nghiệp nhỏ cho tư nhân, và tiếp máu duy trì các xí nghiệp lớn. Kết quả là nhờ các “ mạng lưới quan hệ ”, các xí nghiệp tư nhân hoá vẫn tiếp tục được trợ cấp, còn các đại xí nghiệp thì sống thoih thóp chờ chết. Có một kết quả cụ thể của chủ trương “ hợp lí hoá ”, đó là nó đã khai tử huyền thoại “ cái bát sắt ” (người công nhân được bảo đảm có công ăn việc làm đến mãn đời). Mười năm về trước, hai chữ “ thất nghiệp ” không có trong ngôn ngữ chính trị Trung Hoa, cùng lắm, chỉ nói tới những “ người lao động đang đợi việc ”. Bây giờ không còn cấm kị nữa, thống kê chính thức năm 2000 đưa ra con số 21 % người thất nghiệp, nghĩa là 150 triệu người không có việc làm, không có trợ cấp xã hội, không có bảo hiểm sức khoẻ (số này chỉ tính những người có hộ khẩu, không tính “dân công”). Cho đến nay, chưa có một phong trào đấu tranh rộng lớn của công nhân, song đã có nhiều cuộc đình công, biểu tình, điều trước đây không thể tưởng dưới một chế độ stalinién. Các uỷ ban trọng tài trong tranh chấp lao động cho biết từ đầu năm 2002 đã có 200 000 vụ tranh chấp. Chưa có một phong trào công đoàn theo kiểu Solidarnosc, nhưng chính quyền bị ám ảnh bởi một ác mộng : sự bất bình của công nhân ở các “ đơn vị ” và sự tuyệt vọng của “ dân công ” là một thùng thuốc nổ mà một cuộc khủng hoảng kinh tế có thể châm ngòi.

Máu thuẫn

Đối với nông dân và công nhân, hai giai cấp một thời đã là nền tảng của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, thì “ nguyên tắc chân lí ” trân quý của ông Đặng buộc chúng ta phải nói rằng chính quyền hiện nay ở Trung Quốc chẳng còn gì là xã hội chủ nghĩa nữa, cho dù họ có nói trời nói biển gì đi nữa. Sự chính đáng duy nhất của họ là những thành tựu về kinh tế, và chỗ dựa xã hội thực sự của họ là tầng lớp trung lưu mới (khoảng 200 triệu) ra đời từ những thành tựu đó. Chế độ Trung Quốc ngày nay thực ra không khác gì chế độ các nước châu Á trong vùng (chủ yếu là các nước hán hoá) đi theo mô hình “ phát triển cực quyền ”, của Singapore : bất bình đẳng, gia trưởng chủ nghĩa, và nếu cần thì độc tài. Trên trang báo này, chúng tôi đã nhiều lần phân tích ưu điểm và khuyết tật của mô hình tân Không giáo này, nên xin miễn nhắc lại (**). Có chăng là trong trường hợp đặc thù của Trung Quốc, các khuyết tật,

nghĩa là những mâu thuẫn cơ bản của mô hình này, càng gay gắt hơn :

1) Với chế độ tự cung tự cấp thời Mao, Trung Quốc tất yếu bị lạc hậu, nhưng trong bối cảnh cuộc đổi mới giữa “ chủ nghĩa xã hội ” và “ chủ nghĩa đế quốc ”, đó cũng là hệ quả của những ràng buộc sách lược mà ngày nay ta có thể thấy rõ. Ngày nay Trung Quốc trở thành “ công xưởng của thế giới ”, thì hậu quả, dù muốn hay không, là nền kinh tế Trung Quốc nhập cuộc, xen kẽ vào kinh tế thế giới : đổi tư nước ngoài dẫn tới lệ thuộc ở mức độ nhất định đối với tư bản ngoại quốc (như cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 cho thấy rõ), thương mãi phát triển thì cần tới những thị trường bên ngoài (thí dụ gần đây nhất là cuộc đình công của công nhân bến cảng Mĩ trong mùa hè vừa qua ở bờ biển Thái Bình Dương), gia nhập các tổ chức quốc tế như WTO (Tổ chức thương mại thế giới) buộc phải tuân thủ các luật chơi ở một mức độ nào đó (tác quyền, quan thuế...). Tóm lại, dù muốn hay không, biên độ thao tác của “ kinh tế xã hội chủ nghĩa thị trường ” chỉ còn tồn tại trong những bài diễn văn chính thức.

2) “ Mở cửa sổ thì ruồi nhặng bay vào ”, câu nói đó của ông Đặng thể hiện khá đạt cái lưỡng đê mở cửa kinh tế - khoá chặt chính trị. Ruồi nhặng đây là những ý tưởng khác lạ đối với một hệ thống tư duy đơn nhất, tràn vào trong nước bằng con đường du lịch, điện ảnh, video, internet... Với thời gian, không một hệ thống khép kín nào có thể kháng cự lại sự xâm nhập ấy. Đối với chúng ta, Vạn lí trường thành quả là biểu tượng hội chứng của một thứ não trạng Trung Hoa nhất định. Trớ trêu là lịch sử sẽ ghi nhận rằng, lần này, bức Trường thành Đỏ lại do chính các Hoàng đế Đỏ phá sập. Âm mưu “ diễn biến hoà bình ” mà họ cứ tố điêu từ cả chục năm nay, thật ra chính họ đã tạo ra, và chính họ sẽ là nạn nhân.

3) Chính quyền trung ương bị suy yếu. Điều này thoạt trông khó ai tin, nhất là khi ta nhớ rằng cơ sở của riêng bộ máy công an Trung Quốc lên tới 2 triệu, được trang bị bằng những phương tiện kiểm soát và trấn áp hiện đại nhất (mua của “ bọn tư bản ”), chẳng hạn về điện tử và tin học. Song, có thể khẳng định rằng sự suy yếu của chính quyền trung ương là hệ quả tất yếu khi Nhà nước “ giải kết ” (*désengagement*), ngay từ những ngày đầu “ cải cách & khai phóng ”. Trung ương “ phủi tay ” nhưng lại giữ nguyên si bộ máy chính trị to lớn, nghĩa là trao toàn quyền cho các cơ quan địa phương (công an, sở thuế, thanh tra) dưới trướng của sứ quân là bí thư đảng bộ địa phương (*), là người nắm gọn trong tay cái mà người dân Trung Quốc gọi là “ 3 tuỳ tiên ” (tiền thuế, tiền phạt và các loại đóng góp tài chính). Khi chính quyền Trung Quốc bác bỏ mọi ý kiến về dân chủ hoá, họ thường đưa ra luận điểm : Trung Quốc có một hệ thống kiểm tra các cơ quan, định chế ở mọi cấp. Ngày nay, mọi người thấy rõ rằng họ không có khả năng dẹp bỏ một “ tông phái ” như Pháp Luân Công... Mà lịch sử mấy nghìn năm của Trung Quốc cho thấy : khi chính quyền trung ương bị suy yếu, thì nhân dân cũng giống như “ cái chậu cát ” (hình ảnh của Tôn Dật Tiên), cát rơi tuột đi lúc nào không biết.

4) Một triệu chứng nữa cho thấy sự suy yếu của Nhà nước là nạn tham nhũng, tràn lan và có hệ thống. Đây dứt khoát không phải là bệnh “ thiếu thời ” của cuộc cải cách & khai

phóng, mà là căn bệnh trầm kha của chế độ. Nạn tham nhũng bắt nguồn từ “ chính quyền ở con dấu ”, thứ quyền hành tùy tiện, vỗ đoán của người cầm quyền trong một Nhà nước không pháp quyền – bất luận đó là viên chức không đủ sống với đồng lương 100 USD/năm, hay là các “ hoàng tử đỏ ” mà tổng cộng các chương mục ngân hàng ở nước ngoài lên tới 30 tỉ USD, theo một báo cáo mật của Ngân hàng Trung Quốc. Người dân Trung Quốc thường nói tới “ Mặt trận thống nhất đỏ-den-vàng ” – đỏ là cán bộ, đen là bọn mafia, vàng là bọn ma cô – để thấy nạn tham nhũng đã lan tràn tới mức nào. Dột từ nóc dột xuống (người ta thường nói tới “ Thái tử đảng ” để chỉ quyền lực và gia tài của con cái các lãnh tụ, từ Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, tới Lí Bằng, Chu Dung Cơ...). Thi thoảng cũng quét vài vụ ngoạn mục (như vụ đô trưởng Bắc Kinh), nhưng chính quyền bị trói chặt bằng chính những mối liên hệ của nó đối với bộ máy đàn áp. Chữ “ nhân ” của triết lí Không giáo, mà chính quyền đã huy động để cứu vãn hệ tư tưởng đang phá sản, vẫn là một khái niệm xa vời. Còn nói gì đến quan niệm một Nhà nước hiện đại.

Nguyễn Quang

(*) Có thể đọc một loạt chứng từ dễ sợ trong cuốn sách của Ursula Gauthier : *Le Volcan Chinois*, 2ème édition, Denoël, 2002.

(**) Xin xem *Dân chủ 5 năm sau*, Diễn đàn số 34 (10.1994)

Đời thứ tư

Đại hội thứ 16 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bầu ra một **Ban chấp hành trung ương** gồm 198 ủy viên. Cơ quan này đã bầu ra một “ Trung ương Chính trị cục ” (tức là **Bộ chính trị**) gồm 24 người (theo thứ tự số nét của chữ họ) : Wang Lequan, Wang Zhaoguo, Hui Liangyu, Liu Qi, Liu Yunshan, Li Changchun, Wu Yi, Wu Bangguo, Wu Guanzheng, Zhang Lichang, Zhang Dejiang, Chen Liangyu, Luo Gan, Zhou Yongkang, Hu Jintao, Yu Zhengsheng, He Guoqiang, Jia Qinglin, Guo Boxiong, Huang Ju, Cao Gangchuan, Zeng Qinghong, Zeng Peiyan et Wen Jiabao và một ủy viên dự khuyết : Wang Gang.

Quyền lực chủ yếu nằm trong tay **Ban thường vụ Bộ chính trị** (Trung ương Chính trị cục Thường uỷ) gồm 9 người :

Hu Jintao (Hồ Cẩm Đào), tổng bí thư
Wu Bangguo (Ngô Bang Quốc)
Wen Jiabao (Ôn Gia Bảo)
Jia Qinglin (Giả Thành Lâm)
Zeng Qinghong (Tăng Khánh Hồng)
Huang Ju (Hoàng Cúc)
Wu Guanzheng (Ngô Quan Chính)
Li Changchun (Lý Trường Xuân)
Luo Gan (La Cán)

Cũng không thể quên câu nói nổi tiếng của Mao Trạch Đông : “ *Quyền lực ở đâu súng* ”. Ông **Giang Trạch Dân** thôi giữ chức tổng bí thư, và nếu không có đổi thay giờ chót, tháng 3.2003 tới, sẽ thôi làm Chủ tịch nhà nước, nhưng ông vẫn đứng đầu **Quân uỷ trung ương**.

TIN TỨC

Ông Trần Đức Lương thăm Pháp

Chuyến thăm chính thức nước Pháp của chủ tịch Trần Đức Lương (28-31.10) đã được đánh dấu bằng việc ký kết nhiều văn kiện hợp tác, và lời hứa của tổng thống Jacques Chirac tích cực hỗ trợ Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, ủng hộ Việt Nam ứng cử vào vị trí uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ khóa 2008-2009.

Qua những văn kiện được ký kết, Pháp nhận hỗ trợ hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí Việt Nam ; Trung tâm bồi dưỡng công nghiệp thuộc đại học Bách khoa Hà Nội ; Dự án cấp nước và vệ sinh cho các thị xã, thị trấn Việt Nam lần thứ ba... Hai bên cũng ký ý định thư về lập trường đại học Pháp ở TP Hồ Chí Minh ; ý định thư về hợp tác khoa học xã hội ; bản ghi nhớ về hợp đồng nghiên cứu khả thi khôi phục cầu Long Biên...

Nhân dịp này Việt Nam cũng đã ký hợp đồng mua 5 máy bay chở khách A-321 của công ty Airbus. Pháp hiện là đối tác hàng đầu của Việt Nam ở châu Âu về hợp tác phát triển, thương mại và đầu tư. Hiện có gần 200 công ty, xí nghiệp của Pháp có mặt ở 30 tỉnh, thành phố của Việt Nam. Đầu tư trực tiếp của Pháp vào VN lên trên 2 tỉ USD... (theo VNTTX)

Trung Quốc - ASEAN, quan hệ mới ?

Thế là đề nghị của thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ hai năm trước về việc thành lập khu vực mậu dịch tự do (FTA) giữa các quốc gia Đông Nam Á và Trung Quốc đã trở thành hiện thực. Hiệp định khung đã được các bên (TQ và 10 nước ASEAN) ký ngày 4.11.2002 tại Phnom Penh trong khuôn khổ hội nghị cấp cao "ASEAN+1", một ngày sau khi các nguyên thủ 10 nước ASEAN họp riêng trong hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 8. Những ngần ngại của một số nước, như Indonesia, Malaysia (bên cạnh sức ép về cạnh tranh, việc đẩy Nhật Bản ra khỏi vị trí đầu tàu kinh tế ở Đông Á là một quan tâm chính trị dễ hiểu), đã bị gạt qua trước sức ép của thực tế. Trung Quốc đã là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), trong khi ASEAN chưa hoàn toàn vệc dậy được sau cơn khủng hoảng tài chính tiền tệ 1997. Đầu tư trực tiếp (FDI) vào ASEAN năm 2000 là 10 tỷ USD, giảm 37% so với năm 1999 (16 tỷ USD). Trước cuộc khủng hoảng, con số đó là 27 tỷ USD.Thêm vào đó, Trung Quốc đưa ra những ưu tiên nhất định - hứa hẹn mở cửa thị trường cho các nước ASEAN, đồng thời ưu đãi các nước kém phát triển trong khối, gồm Việt Nam, Lào, Campuchia và Myanmar.

Theo ông Noordin Azhari, phụ trách hợp tác kinh tế trong ban thư ký ASEAN, thì : "Trung Quốc đã có thiện chí, chúng tôi cũng đáp lại". Điều đó không ngăn cản các nhà thương

lượng tiên liệu những khó khăn trong việc đưa thị trường chung vào thực tế : FTA sẽ chỉ hình thành vào năm 2010, bước đầu với TQ và 6 nước ASEAN cũ, 5 năm sau đó các nước Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam mới tham gia.

Hàng rào thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa và dịch vụ bị xoá bỏ, đây sẽ là khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới, với một thị trường 1,7 tỷ dân, tổng thu nhập quốc gia (GDP) 2000 tỉ USD và dòng thương mại hai chiều ước lên tới 1 230 tỉ USD/năm. Theo ban thư ký ASEAN dự báo, nhờ FTA, xuất khẩu của khối sang Trung Quốc sẽ tăng 48%, nhập khẩu tăng 55%.

Một viễn tượng không mấy phấn khởi với Nhật ! Một ngày sau lễ ký thoả thuận Trung Quốc - ASEAN, thủ tướng Nhật Junichiro Koizumi cũng ký một thoả thuận sẽ tiến tới tự do thương mại với ASEAN. Nhưng mới chỉ là thoả thuận về nguyên tắc, không kèm theo lịch trình thực hiện. Ông Koizumi còn nhiều trở ngại phải vượt qua, như việc các nhà sản xuất nông sản Nhật rất e ngại viễn cảnh không còn hàng rào thuế quan để ngăn chặn hàng nông nghiệp ASEAN (rẻ hơn hàng Nhật rất nhiều) được tự do vào Nhật. Hiện nay, khối lượng nông sản từ ASEAN vào Nhật đã gấp 14 lần chiều ngược lại.

Sau thắng lợi về thoả ước thương mại, Trung Quốc đã đồng ý ký với các nước ASEAN một thoả thuận về tranh chấp trên biển Đông..., nhưng chỉ dưới dạng một Tuyên bố chung, không có tính cách trói buộc như một bộ " quy tắc ứng xử " (code de conduite) mà các nước này mong muốn. Bắc Kinh cũng quyết định xóa mọi khoản nợ từ trước đến nay cho Phnom Penh. Người ta cho rằng các khoản nợ đó ít nhất cũng lên đến 210 triệu USD.

Theo Tuyên bố chung về ứng xử ở biển Đông, các bên sẽ kiềm chế những hoạt động có thể gây xung đột, như đưa người lên cư trú ở các đảo. Quan chức quốc phòng của các nước ký kết sẽ trao đổi quan điểm và báo trước cho nhau về các cuộc tập trận trong khu vực.

Sau lễ ký kết Tuyên bố chung, thủ tướng Chu Dung Cơ phát biểu: "Bước tiến triển quan trọng trong quan hệ Trung Quốc - ASEAN này đánh dấu sự tin tưởng lẫn nhau giữa hai bên và sẽ đóng góp vào hòa bình, ổn định khu vực ". Tổng thư ký ASEAN Rodolfo Severino thì bình luận: " Thỏa thuận này sẽ mang lại ổn định cho khu vực Đông Á ".

Quan điểm này dĩ nhiên không phải hoàn toàn vô lý : mỗi cử chỉ làm dịu căng thẳng đều có thể được coi như một bước tiến trong quá trình giải quyết các tranh chấp. Tuy nhiên, nhiều nhà quan sát không khỏi không nhấn mạnh việc Trung Quốc từ khước không chịu ký kết một văn kiện có tính chất trói buộc hơn, cũng không chấp nhận ghi rõ trong Tuyên bố chung những tên cụ thể của các vùng biển còn diễn ra tranh chấp chủ quyền giữa các nước. Họ cũng có lý khi nói rằng những từ khước ấy cho thấy thái độ nước lớn của Trung Quốc cản bản không có gì thay đổi.

Chí ít, cảnh báo ấy chẳng có thể bỏ qua nếu người ta muốn tương lai diễn ra suôn sẻ như mong muốn !

(theo tin VnExpress 30.10, 6.11 ; The Guardian 7.11 ; The Economist 9.11 ; FEER 14.11.2002)

Hợp tác kinh tế tiểu vùng Mekong

Trước khi diễn ra hội nghị cấp cao ASEAN 8, một hội nghị cấp cao đầu tiên về “*hợp tác kinh tế tiểu vùng Mekong mở rộng*” đã được tổ chức tại Phnom Penh ngày 3.11.

Phát biểu tại hội nghị, thủ tướng Phan Văn Khải đã nhắc lại Việt Nam tiếp tục ủng hộ 6 nguyên tắc hợp tác đã được tất cả các nước chấp thuận, trong đó nhấn mạnh nguyên tắc 6 về các dự án hợp tác dù là đa phương hay song phương sẽ không làm tổn hại lợi ích của bất kỳ quốc gia nào.

Dự kiến hội nghị thượng đỉnh về hợp tác kinh tế tiểu vùng Mekong mở rộng lần thứ 2 sẽ được tổ chức tại Côn Minh, Trung Quốc vào năm 2005.

Cùng ngày 3.11, thủ tướng Phan Văn Khải đã có cuộc gặp với thủ tướng Campuchia Hun Sen. Hai bên đã nhất trí thúc đẩy uỷ ban liên hợp về biên giới sớm họp lại để giải quyết những vấn đề tồn tại, đồng thời cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ trên các diễn đàn quốc tế. Thủ tướng Phan Văn Khải khẳng định Việt Nam ủng hộ Campuchia sớm trở thành thành viên của Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM).

(Theo TTXVN 4.11.2002)

Mỗi sinh viên chỉ có hơn 2,7m² để học tập

Tại hội nghị thiết bị trường học bậc đại học, cao đẳng diễn ra ở Đà Lạt ngày 31 - 10, viện Nghiên cứu thiết kế trường học (Bộ GD- ĐT) cho rằng : các chỉ tiêu về cơ sở vật chất ở hệ thống các trường ĐH, CĐ trong cả nước đang ở mức báo động về số lượng (quá thiếu) và chất lượng (quá kém). Riêng ở khối trường dân lập, có nhiều nơi còn không bao đảm những điều kiện học bình thường, diện tích không thích ứng cho giảng dạy bậc đại học.

Theo nhận xét này, ngay hệ thống trường công lập phần lớn cũng mới chỉ đáp ứng số lượng chỗ học, trong khi chất lượng trường lớp như phòng bộ môn, thư viện, giảng đường lớn chuyên dụng và đặc biệt là phòng thí nghiệm, thực hành còn thiếu rất nhiều. Số liệu thống kê cho thấy hiện chỉ tiêu diện tích bình quân (tính cả công trình cấp 4) mới chỉ đạt 2,74m² học tập/sinh viên trong khi tiêu chuẩn quốc tế tối thiểu cũng là 9-10m² (riêng các trường kỹ thuật đến 16-18m²)/sinh viên.

Vụ Kế hoạch - tài chính (Bộ GD-ĐT) cũng đưa ra con số về thực trạng còn quá khiêm tốn so với khu vực và thế giới về hệ thống giá trị thiết bị tại các trường ĐH, CĐ. Tính bình quân trên mỗi sinh viên : giá trị này chỉ mới đạt 8 triệu đồng/sinh viên khối kỹ thuật, 4,5 triệu/sinh viên khối y dược, 6 triệu/sinh viên khối nông - lâm, 4 triệu/sinh viên khối sư phạm, 3 triệu/sinh viên khối kinh tế và vốn vẹn 2 triệu/ sinh viên khối văn hóa - nghệ thuật và các trường Cđ.

Cũng theo vụ Kế hoạch - tài chính, hiện bình quân mỗi nghiên cứu sinh và học viên cao học được Nhà nước đầu tư thực tế chỉ đạt 2,77 triệu đồng/năm (theo định mức : đào tạo nghiên cứu sinh 5 triệu đồng/năm, cao học 4,7 triệu đồng/năm). Mức chi này giảm sút chỉ còn bằng 50 % so với năm 1994 do nguồn kinh phí đầu tư không tăng đáng kể trong khi chỉ tiêu đào tạo sau đại học đã tăng mạnh.

Thống kê từ các cơ sở đào tạo sau đại học cho thấy với mức đầu tư này cùng với nguồn học phí do nghiên cứu sinh học viên đóng góp chỉ đủ chi trả giờ giảng, không còn kinh phí cho hoạt động chuyên môn, đặc biệt là tổ chức thí nghiệm thực tập cho nghiên cứu sinh. (Theo báo Tuổi trẻ)

Lượng kiều hối của năm 2002 sẽ đạt hơn hai tỉ USD

Theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), lượng kiều hối gửi về nước qua các kênh ngân hàng thương mại, hải quan, doanh nghiệp và qua bưu điện trong ba quý đầu năm là 1,5 tỉ USD, dự kiến trong quý IV sẽ vào khoảng hơn 500 triệu USD. Như vậy, tổng số kiều hối trong năm nay sẽ khoảng hơn 2 tỷ USD, vượt gần 20 % so với năm 2001.

NHNN đánh giá rằng, lượng kiều hối đạt mức kỷ lục trong năm nay có đóng góp không nhỏ của khu vực doanh nghiệp, thể hiện ở lượng kiều hối chuyển qua các doanh nghiệp lên tới hơn 500 triệu USD, tăng gần bốn lần so với năm 2001. NHNN cũng nhấn mạnh yêu cầu mở rộng các loại hình đại lý chi trả kiều hối, ưu tiên các địa phương, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm phí chuyển tiền cho người nhận (mức phí mà một số ngân hàng áp dụng đối với chuyển tiền qua tài khoản khoảng 0,22 % tổng số tiền nhận).

(theo báo Đầu tư)

Cháy tòa nhà Fafilm TP HCM

17h45 ngày 21.1, TP HCM lại cháy lớn - lần này, tại tầng 6 của toà nhà Công ty Fafilm VN, số 6 Thái Văn Lung, quận 1. Ngọn lửa phát ra kèm theo tiếng nổ lớn và mù khét. Khói bốc cao trùm lên các khu vực bên cạnh. Vụ cháy xảy ra vào đúng ngày cuối cùng của đợt tổng kiểm tra phòng cháy chữa cháy (PCCC) trên địa bàn thành phố.

Điểm phát cháy được xác định là ở phòng lồng tiếng của Fafilm VN. Phòng cảnh sát PCCC đã điều 12 xe cứu hỏa và trên 80 cảnh sát xuống hiện trường. Cảnh sát giao thông cũng được huy động dẹp đường để xe cứu hỏa đi vào và ngăn dòng người tiến đến khu vực cháy. Đội cứu hỏa đã đưa vòi phun nước lên tầng 6 bằng đường cầu thang và một thang cứu hỏa cao từ bên ngoài. Đến 18h10', đám cháy được dập tắt hoàn toàn.

Ngọn lửa đã thiêu rụi toàn bộ vật dụng, thiết bị thu âm, lồng tiếng, nhiều cuộn phim, dụng cụ khác trong phòng thu (có diện tích khoảng 50 m²). Thiệt hại vật chất ước tính khoảng 80 triệu đồng, không có thiệt hại về người.

Tòa nhà Fafilm gồm 7 tầng, 3 tầng dưới được sử dụng làm rạp chiếu phim, các tầng trên là nơi làm việc của nhân viên. Khi xảy ra hỏa hoạn, các rạp đang hoạt động, nhưng nhờ hệ thống báo cháy kịp thời nên mọi người đã thoát được ra ngoài.

(Theo Tuổi Trẻ, Thanh Niên)

Chưa thể xử vụ Năm Cam trước Tết

Theo VnExpress ngày 18.11, một thẩm phán cao cấp (yêu cầu giấu tên), thành viên ban chỉ đạo chuyên án Năm Cam, cho rằng việc chọn ngày 12.12 - tròn một năm kể từ khi bắt Năm Cam - để mở phiên tòa xét xử là không khả thi, bởi tài

liệu của chuyên án này quá nhiều và đến nay VKSND Tối cao vẫn chưa ra được cáo trạng.

Hồ sơ do ban chuyên án của bộ Công an chuyển sang VKS gồm hơn 600 trang kết luận điều tra và hàng nghìn bút lục. Theo thẩm phán trên, khó có thể nghiên cứu thấu đáo hồ sơ như vậy trong 3-4 tháng. Phía VKSND tối cao trước đây tuyên bố sẽ có cáo trạng trong vòng 1 tháng sau khi có kết luận điều tra, nhưng đến nay tòa án vẫn chưa nhận được...

Đến nay, cơ quan điều tra bộ Công an đã in xong 500 cuốn kết luận điều tra vụ án Năm Cam. VKSND tối cao vẫn đang xem xét đề nghị truy tố 156 bị can với 24 tội danh khác nhau.

Sau ông Bùi Quốc Huy, một thứ trưởng công an thứ hai vừa bị xử lý vì dính líu tới vụ Năm Cam. Đó là ông Hoàng Ngọc Nhất, người đã làm công văn giải trình về sự “tiến bộ” của Năm Cam với văn phòng chính phủ và ký lệnh tha cho “ông trùm” ra khỏi trại cải tạo sớm 8 tháng, hồi năm 1995. Nhưng khác với ông Huy, ông Nhất không (chưa?) bị đưa ra toà, mới chỉ bị cách chức thứ trưởng bộ Công an và hạ một cấp từ thiếu tướng xuống đại tá (quyết định của thủ tướng ngày 15.11).

Theo báo Thanh Niên 16.11, ông Hoàng Ngọc Nhất còn có nhiều chuyện mờ ám ngay từ khi làm giám đốc công an tỉnh Thanh Hoá. Chính quyền trung ương đã nhận được rất nhiều đơn, thư tố cáo về ông Nhất khi ông được đề bạt giữ chức thứ trưởng bộ Công an và phong hàm thiếu tướng,

Khi một Ủy ban nhân dân bắt đèn xanh cho phá rừng đặc dụng

Theo báo Lao Động ngày 11.11.2002, chính phó chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận, ông Nguyễn Văn Dũng, đã “bật đèn xanh” cho công ty du lịch của tỉnh phá rừng nằm trong “phân khu bảo vệ nghiêm ngặt” của khu Bảo tồn thiên nhiên núi Tà Cú (Bình Thuận). Đây là một khu rừng đặc dụng cấp quốc gia, được xác lập trong một quyết định của thủ tướng chính phủ.

Vụ phá rừng xuất phát từ một dự án cáp treo và khu du lịch núi Tà Cú của tỉnh Bình Thuận. Tháng 7.2002, UBND tỉnh Bình Thuận có công văn đề nghị bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình chính phủ cho phép chuyển mục đích sử dụng một diện tích trên 28 000 m² (gần 3ha) thuộc phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu Bảo tồn thiên nhiên Tà Cú sang làm du lịch. Mặc dù bộ nông nghiệp trả lời không đồng ý, ông Dũng vẫn ký quyết định của UBND cho phép “ chặt cây và phát dọn lùm bụi trong khu vực hành lang tuyến cáp khu du lịch cáp treo Tà Cú ”.

Trung tuần tháng 9.2002, quyết định này được chi cục kiểm lâm tỉnh cho thi hành. Kết quả, khi sự việc bị tố giác hơn một tháng sau : 299 cây trong rừng đặc dụng của khu Bảo tồn thiên nhiên này đã bị chặt hạ. Khối lượng gỗ bị chặt hạ là 67,13m³, diện tích rừng bị tác động trái phép lên tới 6.574m².

Việc chính các quan chức tỉnh Bình Thuận cho phép chặt cây phá rừng trái với những quy định của chính phủ có vẻ như đã thành “ truyền thống ” ! Cũng chính báo Lao Động (ngày 23.9) đã tố cáo chủ tịch UBND xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận ngang nhiên cho máy cày phá 22,5ha rừng trồng thử nghiệm của xí nghiệp Giống lâm sản vùng Nam Bộ (XN GLSVNB). Sự việc xảy ra ngày 17.8.2002.

Ngày 23.8, XN GLSVNB đã gửi văn bản đến UBND tỉnh Bình Thuận, sở nông nghiệp, chi cục Kiểm lâm và các cơ quan chức năng trong tỉnh nhờ can thiệp nhưng không được cơ quan nào hồi âm. Việc phá rừng đặc dụng tại khu bảo tồn thiên nhiên Tà Cú cho thấy cả Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận coi pháp luật ra sao. Liệu họ có bị xử lý ?

Tồn tại nhiều đường dây buôn người xuyên quốc gia

Theo ông Nguyễn Sinh Xô, cục phó cục Trinh sát, bộ Tư lệnh biên phòng, từ khi hai nước VN và Trung Quốc mở cửa biên giới, đã hình thành các tổ chức tội phạm chuyên tìm kiếm dụ dỗ, lừa gạt phụ nữ VN để bán sang Trung Quốc. Bọn này hoạt động mạnh nhất ở các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Thanh Hoá, Nghệ An, với tính chất, mức độ, quy mô ngày càng tăng. Năm 1993, bộ đội biên phòng phát hiện, xử lý 67 vụ với 106 người bị hại, thì năm 1997, phát hiện 97 vụ với 173 người bị hại và năm 1999 là 154 vụ với 193 nạn nhân.

Đường dây đưa người VN sang hoạt động mại dâm tại các nhà hàng, karaoke ở Campuchia cũng phát triển mạnh. Cuối năm 2001, sau khi chính phủ nước này tuyên bố cấm các hình thức kinh doanh không lành mạnh, nạn mua bán phụ nữ và trẻ em đã giảm. Trong 9 tháng đầu năm nay, bộ đội biên phòng VN chỉ phát hiện 8 vụ với 15 đối tượng (giảm 55 vụ so với cùng thời điểm năm 2001).

Ông Vũ Ngọc Bình, chuyên viên Quỹ nhi đồng LHQ, cũng khẳng định, buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em không hề có dấu hiệu suy giảm mà đang gia tăng. Theo ước tính của LHQ và Tổ chức di cư quốc tế (IMO), hàng năm có từ 700.000 đến 4 triệu người bị mua bán, đem lại khoản lợi nhuận kếch xù 7 tỷ đôla cho các băng nhóm tội phạm. Riêng khu vực Đông Nam Á, mỗi năm có 200.000 phụ nữ và trẻ em trở thành hàng hóa. (theo N.T., VnExpress 21.11.2002)

Festival Jazz châu Âu tại HN và TP HCM

Đây là lần thứ hai Hà Nội mở một liên hoan quốc tế nhạc Jazz. So với lần thứ nhất, liên hoan lần này nhiều hơn hẳn về số lượng thành viên tham gia, lại được mở rộng sang TP Hồ Chí Minh.

Đêm mở đầu của liên hoan được dành cho nhóm tứ tấu Katrine Madsen, “giọng ca hay nhất vùng Scandinave”, người Đan Mạch, nước được bầu làm chủ tịch luân phiên của liên hoan năm nay. Chương trình biểu diễn của nhóm ngũ tấu Basso - Albano (Italy) mang phong cách Jazz cổ điển, với hai tên tuổi Saxophone Gianni Basso và Fulvio Albano. Từ Hà Lan, có Hans Dulfer, người được gọi là “Huyền thoại sống của mọi thời đại” và nổi tiếng tại hầu hết các nước châu Âu.

Với bảy thành viên, Swing (Cộng hòa Czech) là ban nhạc châu Âu đồ sộ nhất liên hoan lần này. Felix Slovacek Swingtet – người sáng lập ban –, là một trong những thành viên sáng lập của ban nhạc Jazz Big Band huyền thoại.

Từ Pháp, Mezcal Jazz Unit và song tấu Thomas Carbou - Pierre Diaz sẽ biểu diễn một phong cách Jazz nhiều màu sắc, sôi nổi, vui tươi, mang đậm dấu ấn quê hương Địa Trung Hải, và đặc biệt, sẽ thể hiện một số bài hát của nhạc sĩ Ngọc Đại...

Về phía VN, người ta chờ đợi : ban nhạc Âu Cơ (trưởng ban - Nguyễn Lương Bình (guitare), Nguyễn Trung Đông (Trumpet), Đỗ Quốc Bảo (piano), Nguyễn Mai Kiên (bass), Nguyễn Hoàng Long (trống) và Hà Huy Hoan (drum) ; Hai nghệ sĩ Vương Ngọc Hà (guitar bass), Hà Đình Huy (drum) sẽ tham gia nhóm tứ tấu Voeten - Bernay (Pháp - Hà Lan) ; ban nhạc Sông Hồng do "cây đa cây đề" của làng Jazz Việt Nam – Quyền Văn Minh sáng lập.... Các ca sĩ Thanh Lam, Trần Thu Hà sẽ song ca với những ngôi sao jazz châu Âu.

Các buổi biểu diễn ở Hà Nội sẽ được tổ chức tại Nhà hát Tuổi trẻ từ ngày 22 đến 30-11, và ở Nhạc viện TP Hồ Chí Minh sẽ diễn ra từ 23-11 đến 5-12.

Đua hoa hậu thế giới

Cuộc thi hoa hậu thế giới năm nay cuối cùng đã không diễn ra ở Nigeria (Phi châu) : ngày 22.11, ban tổ chức đã quyết định dời cuộc thi sang Luân Đôn, sau những cuộc bạo loạn đẫm máu do dân Hồi giáo cực đoan gây ra, làm hàng trăm người thiệt mạng. Thế là, gián tiếp, những người phản đối việc chọn Nigeria làm nơi thi hoa hậu, vì nước này còn giữ hình phạt ném đá đến chết những người đàn bà bị kết tội ngoại tình, đã đạt thắng lợi ngoài dự tính !

Lần đầu tiên VN “hội nhập” thế giới những người đẹp với việc cử hoa hậu VN 2002 sang thi đua cùng các ban. Hoa hậu VN là cô Phạm Thị Mai Phương. Trước khi lên đường đi tranh đua nơi xứ người, Mai Phương đã được chuẩn bị từ những trang phục, điệu múa dân tộc, tới ứng xử, phát âm tiếng Anh cho chuẩn...

Tin Ngắn

* Ngày 21.11, hải quan Cảng Sài Gòn đã phát giác **vụ xuất lậu đồ cổ lớn nhất trong cả nước từ trước đến nay**. Hải quan đã thu giữ hai container xuất khẩu chứa hơn 430 cổ vật quý hiếm có niên đại từ thế kỷ thứ 11 đến 19. Trong đó chủ yếu là đĩa, chén, tô, nậm rượu, hũ... bằng gốm men xanh trắng.

* **Nhạc sĩ Nguyễn Hữu Thiết đã qua đời** tại nhà riêng ngày 31.10.2002. Sinh ngày 16-6-1928, Nguyễn Hữu Thiết là một trong những nhạc sĩ có tác phẩm được yêu thích trong thập niên 50-60 như *Anh đi chiều thu ấy*, *Người đã đi rồi*, *Mưa chiều nhớ nhau...* qua giọng ca nữ ca sĩ Ngọc Cẩm (phu nhân của ông).

* Các công ty sản xuất xe gắn máy của Nhật ở VN (Honda, Suzuki, Yamha...) đã giành thắng lợi trong vụ tranh chấp với nhà nước VN về việc nhập linh kiện : ngày 31-10, phó thủ tướng Nguyễn Tân Dũng đã ký quyết định **cho phép nhập khẩu bổ sung 185 000 bộ linh kiện xe gắn máy** hai bánh năm 2002 cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhằm duy trì sản xuất bình thường như trong 9 tháng đầu năm.

* Tại cuộc **đàm phán vòng 7 về vấn đề biên giới trên biển**, tổ chức tại Hà Nội ngày 12-14.11, hai bên Việt Nam và Trung Quốc đã khẳng định cùng tuân thủ Tuyên bố ASEAN - Trung Quốc về cách ứng xử ở Biển Đông trong việc tìm kiếm một giải pháp cơ bản lâu dài có thể chấp nhận được. Vòng 8 cuộc đàm phán sẽ được tổ chức tại Trung Quốc trong năm 2003.

Tình trạng ô nhiễm môi trường nước

(Thuyết trình của uỷ ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội)

LTS. Ngày 13.11, tại kỳ họp QH khoá XI, uỷ ban KH-CN-MT đã có báo cáo về tình trạng ô nhiễm môi trường nước ở VN. Chúng tôi xin trích đăng dưới đây một số nội dung chính của báo cáo (được đăng trên Nhân Dân điện tử). Phần cuối (Nguyên nhân và kiến nghị) do chúng tôi tóm tắt.

(...)

Nước ta có 2.360 con sông, 10 lưu vực sông có diện tích hơn 10.000 km². Tổng lượng nước mặt trung bình hàng năm là 880 tỷ m³. Tuy nhiên, do nằm ở vùng cuối hạ lưu sông Mê Công, sông Mã, sông Cá và sông Hồng, cho nên 62,5 % lượng nước (khoảng 570 tỷ m³) là từ lãnh thổ các quốc gia ở thượng lưu chảy vào. Lượng nước tạo ra trong lãnh thổ Việt Nam chỉ khoảng 325 tỷ m³/năm, chiếm 37,5 %. Về nước ngầm, theo báo cáo của Viện Quy hoạch thủy lợi tại Hội thảo đánh giá tổng hợp tài nguyên nước (tháng 6-2002), trữ lượng nước động thiên nhiên khoảng 50 - 60 tỷ m³ và trữ lượng có thể khai thác khoảng 10 - 12 tỷ m³/năm. Hiện chỉ khoảng 20 % dự trữ nước ngầm đang được khai thác. Theo đánh giá của nhiều cơ quan và chuyên gia thì lượng nước mặt ở nước ta không thật dồi dào, đặc biệt là trong mùa khô, khi các quốc gia ở thượng nguồn sử dụng nhiều nước; trữ lượng nước ngầm cũng ở mức trung bình so với các nước trên thế giới. (...)

Mặc dù các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường, nhưng tình trạng ô nhiễm nước là vấn đề rất đáng lo ngại.

Ô nhiễm nước ở các đô thị và khu vực sản xuất công nghiệp

Tốc độ công nghiệp hóa và đô thị hóa khá nhanh và sự gia tăng dân số gây áp lực ngày càng nặng nề đối với tài nguyên nước trong vùng lãnh thổ. Môi trường nước ô nhiễm đô thị, khu công nghiệp và làng nghề ngày càng bị ô nhiễm bởi nước thải, khí thải và chất thải rắn. Ở các thành phố lớn, hàng trăm cơ sở sản xuất công nghiệp đang gây ô nhiễm môi trường nước do không có công trình và thiết bị xử lý chất thải.

Qua trực tiếp giám sát, xem xét báo cáo của nhiều ngành và địa phương, ủy ban chúng tôi thấy ô nhiễm nước do sản xuất công nghiệp là rất nặng. Thí dụ : ở ngành công nghiệp dệt may, ngành công nghiệp giấy và bột giấy, nước thải thường có độ pH trung bình từ 9 - 11; chỉ số nhu cầu ô-xit sinh hóa (BOD), nhu cầu ô-xit hóa học (COD) có thể lên đến 700 mg/l và 2.500 mg/l; hàm lượng chất rắn lơ lửng... cao gấp nhiều lần giới hạn cho phép. Ở một số ngành công nghiệp hóa chất, phân bón, khai thác chế biến khoáng sản, lượng nước thải ra khả lớn. Hàm lượng nước thải của các ngành này có chứa cyanua (CN-) vượt đến 84 lần, H2S vượt 4,2 lần, hàm lượng

NH₃ vượt 84 lần tiêu chuẩn cho phép (TCCP) đã gây ô nhiễm nặng nề các nguồn nước mặt trong vùng dân cư.

Mức độ ô nhiễm nước ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung là rất lớn. Tại cụm công nghiệp Tham Lương, TP Hồ Chí Minh, nguồn nước bị nhiễm bẩn bởi nước thải công nghiệp với tổng lượng nước thải ước tính 500.000 m³/ngày từ các nhà máy giấy, bột giặt, nhuộm, dệt. Nước thải ra kênh Tham Lương có màu đen, mùi hôi thối, ô nhiễm nặng, hàm lượng thủy ngân cao tới 1,7 mg/l. ở TP Thái Nguyên, nước thải công nghiệp thải ra từ các cơ sở sản xuất giấy, luyện gang thép, luyện kim mâu, khai thác than; về mùa cạn tổng lượng nước thải khu vực TP Thái Nguyên chiếm khoảng 15 % lưu lượng sông Cầu; nước thải từ sản xuất giấy có pH từ 8,4 - 9 và hàm lượng NH₄ là 4 mg/l, hàm lượng chất hữu cơ cao, nước thải có màu nâu, mùi khó chịu. Nước thải của sản xuất gang có mùi phè-non, hàm lượng NH₄ cao, từ 15 - 30 mg/l, hàm lượng chất hữu cơ cao, từ 87 - 126 mg/l.

Khảo sát một số làng nghề sắt thép, đúc đồng, nhôm, chì, giấy, dệt nhuộm ở Bắc Ninh cho thấy có lượng nước thải hàng nghìn m³/ngày không qua xử lý, gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường trong khu vực.

Tình trạng ô nhiễm nước ở các đô thị thấy rõ nhất là ở TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh. Ở các thành phố này, nước thải sinh hoạt không có hệ thống xử lý tập trung mà trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận (sông, hồ, kênh, mương). Một khác, còn rất nhiều cơ sở sản xuất không xử lý nước thải, phần lớn các bệnh viện và cơ sở y tế lớn chưa có hệ thống xử lý nước thải; một lượng rác thải rắn lớn trong thành phố không thu gom hết được... là những nguồn quan trọng gây ra ô nhiễm nước. Hiện nay, mức độ ô nhiễm trong các kênh, sông, hồ ở các thành phố lớn là rất nặng. Ở TP Hà Nội, tổng lượng nước thải của thành phố lên tới 300.000 - 400.000 m³/ngày ; hiện mới chỉ có 5/31 bệnh viện có hệ thống xử lý nước thải, chiếm 25 % lượng nước thải bệnh viện ; 36/400 cơ sở sản xuất có xử lý nước thải; lượng rác thải sinh hoạt chưa được thu gom khoảng 1.200 m³/ngày đang xả vào các khu đất ven các hồ, kênh, mương trong nội thành; chỉ số BOD, ô-xit hòa tan, các chất NH₄, NO₂-, NO₃- ở các sông, hồ, mương nội thành đều vượt quá quy định cho phép nhiều lần.

Ở TP Hồ Chí Minh thì lượng rác thải lên tới gần 4.000 tấn/ngày; chỉ có 24/142 cơ sở y tế lớn là có xử lý nước thải; khoảng 3.000 cơ sở sản xuất gây ô nhiễm thuộc diện phải di dời.

Không chỉ ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh mà ở các đô thị khác như : Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Nam Định, Hải Dương... nước thải sinh hoạt cũng không được xử lý. Độ ô nhiễm nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải đều vượt quá TCCP, các thông số chất lơ lửng (SS), BOD; COD; ô-xit hòa tan (DO) đều vượt từ 5 đến 10 lần, thậm chí 20 lần TCCP.

Ô nhiễm nước ở nông thôn và khu vực sản xuất nông nghiệp

Hiện nay, nước ta có gần 76 % số dân đang sinh sống ở nông thôn là nơi cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, phần lớn các chất thải của con người và gia súc không được xử lý, cho nên thâm

xuống đất hoặc bị rửa trôi, làm cho tình trạng ô nhiễm nguồn nước về mặt hữu cơ và vi sinh vật ngày càng cao. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số vi khuẩn Feca coliform trung bình biến đổi từ 1.500 - 3.500 MNP/100 ml ở các vùng ven sông Tiền và sông Hậu, tăng lên tới 3.800 - 12.500 MNP/100 ml ở các kênh tưới tiêu.

Theo thống kê của Bộ Thủy sản, tổng diện tích mặt nước sử dụng cho nuôi trồng thủy sản đến năm 2001 của cả nước là 751.999 ha. Do nuôi trồng thủy sản ô ạt, thiếu quy hoạch, không tuân theo quy trình kỹ thuật, đã gây nhiều tác động tiêu cực tới môi trường nước. Lượng nước thải của các xí nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh cũng rất lớn, từ vài chục nghìn đến hàng trăm nghìn m³/năm, phổ biến ở mức 300 - 400 m³/ngày/xí nghiệp. Nước thải của các xí nghiệp này có mức độ ô nhiễm vượt nhiều lần so với quy định cho phép.

Ngoài ra, do không có quy hoạch khai thác và sử dụng hợp lý giữa các tiểu ngành, cho nên dẫn đến sự thâm nhập mặn sâu trong lục địa, có nơi tới hơn 100 km tại một số khu vực ở miền nam.

Nguyên nhân và một số kiến nghị

Sau khi nêu lên những nguyên nhân khách quan và chủ quan phổ biến, dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nước, như sự gia tăng dân số, mặt trái của quá trình công nghiệp hóa..., báo cáo nhấn mạnh tới một số “ nguyên nhân từ sự bất cập trong hoạt động quản lý, bảo vệ môi trường nước” .

– Nhận thức của nhiều cấp chính quyền, cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm... chưa đầy đủ về loại ô nhiễm nguy hiểm và khó khắc phục này.

– Các quy định về quản lý và bảo vệ môi trường nước còn thiếu... Cơ chế phân công và phối hợp giữa các cơ quan, các ngành và địa phương chưa đồng bộ, còn chồng chéo, chưa quy định trách nhiệm rõ ràng.

– Chưa có chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo lưu vực và các vùng lãnh thổ lớn.

– Chưa có các quy định hợp lý trong việc đóng góp tài chính để quản lý và bảo vệ môi trường nước... Ngân sách đầu tư cho bảo vệ môi trường nước còn rất thấp (một số nước ASEAN đã đầu tư ngân sách cho bảo vệ môi trường là 1% GDP, còn ở nước ta mới chỉ đạt 0,1%).

– Các chương trình giáo dục cộng đồng về môi trường nói chung và môi trường nước nói riêng còn quá ít. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường nước còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng (Hiện nay ở nước ta trung bình có khoảng ba cán bộ quản lý môi trường/một triệu dân, trong khi đó ở một số nước ASEAN trung bình là 70 người/một triệu dân).

Một số kiến nghị mà uỷ ban nêu ra phản ánh những nhận định về các nguyên nhân có tính “ quản lý ” ấy :

- Cho xây dựng chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng nguồn nước theo lưu vực và các vùng lãnh thổ lớn. đánh giá lại tài nguyên nước ngầm, nước mặt.

- Xây dựng chính sách hợp lý hơn về giá nước và cơ chế thu “phí môi trường” cho việc xử lý nước thải...

Hoả hoạn tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chữa cháy chứ không cứu người...

Ngày 29.10, ngay ở trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh, tòa nhà 6 tầng và 8000 m² của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), thường được biết đến với tên gọi là Intershop (còn gọi là Thương xá Thanh Đa trước năm 1975) đã thiêu rụi trong vụ hoả hoạn gây thiệt hại lớn nhất về người và của từ trước đến nay tại thành phố. Mặc dù toàn bộ lực lượng chữa cháy được huy động đến, ngọn lửa đã hoành hành suốt 6 tiếng đồng hồ trước khi những toán cứu hộ có thể bước vào toà nhà tìm kiếm tử thi : theo những thống kê cuối cùng, có 60 người thiệt mạng (trong đó có 4 người nước ngoài) và 102 người bị thương. Hình ảnh những nạn nhân chết cháy trên lan can hoặc nhảy lầu bị chết đã gây sốc mạnh cho cả nước. Nhưng, từ vụ hỏa hoạn này, dư luận mới phát hiện được nhiều điều kinh ngạc về hoạt động phòng cháy chữa cháy ở Việt Nam.

Cảnh sát chữa cháy không có biên chế cứu hộ !

Trả lời phỏng vấn của báo chí, một người trách nhiệm cảnh sát phòng cháy chữa cháy, trung tá Trần Hữu Dực, cho biết luật phòng cháy chữa cháy do Quốc hội mới ban hành năm 2001 không hề nói đến cứu người. Cầm cuốn sách *Luật phòng cháy chữa cháy* giơ lên cao, ông Dực khẳng định : “ *Đọc hết cả cuốn này, tôi không thấy từ ‘cứu hộ’ nào cả !* ”. Phải chăng nó lý giải điều mà người chúng kiến cuộc hoả hoạn ngày 29.10 không ai không sững sờ : trên gần 500 lính cứu hoả chuyên nghiệp được điều động đến ITC, hầu như không ai có áo chống lửa, mặt nạ phòng độc, bình khí... cho nên không ai tìm cách xâm nhập vào toà nhà để cứu nạn mà chỉ đứng bên ngoài phun nước lên tường ? Những trang thiết bị tối thiểu để đập phá tường hay đơn giản hơn như dây thừng hay thang dây để trèo tường đều vắng bóng (phải đợi 2 giờ sau khi phát cháy thì quân đội mới mang thang dây đến, và hơn 3 tiếng sau thì lính cứu hoả mới tiến hành đập tường). Bất nhẫn nhất là lực lượng cứu hoả đã phải đứng nhìn 37 người tuyệt vọng lao từ các tầng cao xuống lề đường mà không có lối vồng hay ném hoi để đỡ. Trung tá Lê Tân Bửu, phó phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy TPHCM và là người chỉ huy cứu hoả ở ITC, xác nhận : “ *Những phương tiện cứu hộ rẻ tiền như thảm hơi, lưới hoặc các phương tiện như xe chuyên dụng có thể phá tường ở tầng cao... cũng không có* ”.

Bác sĩ Lê Thế Thự, viện trưởng vệ sinh dịch tễ, có nhận xét rằng thành phố “ *huy động hàng trăm xe cấp cứu nhưng không cứu được ai, các đội cấp cứu muốn làm nhưng không có việc gì làm : không có mặt nạ phòng độc, đi vào là chết* ”. Thượng

tá Phạm Văn Minh, phó giám đốc công an TPHCM, cơ quan quản lý lực lượng phòng cháy chữa cháy, thừa nhận : “ *Thành phố không có lực lượng cứu hộ chuyên nghiệp. Lực lượng này chỉ cứu được... người chết* ”.

Đúng ra, Thành phố Hồ Chí Minh có một tiểu đội cứu hộ gồm 10 người và một xe cứu thương đa năng được trang bị quần áo chống nóng, dụng cụ cứu sập, các loại dây cứu người, xe chuyên dụng... Tiểu đội này có từ trước năm 1975 và được sở công an TPHCM giữ lại. Theo trung tá Bửu, đó cũng là đội cứu hộ duy nhất trong cả nước Việt Nam !

Bất lực, thụ động, đám đông đứng xem cái chết...

Nhiều hộ dân sống chung quanh khu vực ITC nêu câu hỏi vì sao thành phố mới vừa tổ chức diễn tập chữa cháy tại khu vực này, nhưng khi cháy thật thì diễn biến cứu chữa lại quá kém ? Họ còn nhận xét rằng những cuộc tập huấn chỉ tập trung vào đập tắt lửa mà không hề đề cập đến các biện pháp cứu hộ người ở trên nhà cao tầng. Riêng toà nhà ITC thường xuyên được cảnh sát phòng cháy kiểm tra và có phát hiện rằng những tường ngăn cháy đều làm bằng vật liệu dễ cháy. Song như trung tá Bửu thừa nhận : “ *Sông phẳng mà nói, chúng tôi chưa kiên quyết đối với những vi phạm về phòng cháy chữa cháy tại toà nhà ITC nói riêng cũng như hàng loạt toà nhà khác nói chung* ”. Trưởng phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy TPHCM, ông Nguyễn Mạnh Hùng than phiền rằng, nói chung, khi đi làm công tác kiểm tra phòng cháy, công an bị nói là ‘làm khó’. Nhưng phó chủ tịch ủy ban nhân dân Mai Quốc Bình thì đặt câu hỏi ngược lại : “ *Vì sao công án đến kiểm tra phòng cháy chữa cháy, người dân lại sợ, lẽ ra họ phải mừng chứ ! Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nên tự kiểm điểm trước. Chúng nào dân còn sợ lực lượng kiểm tra phòng cháy chữa cháy thì nguy cơ càng tăng* ”.

Trong vụ cháy toà nhà ITC, một điều khác đã đập vào mắt mọi người : đó là cảnh tượng của đám đông, bất lực, thụ động, đứng xem cái chết. Mặc dù chung quanh ITC toàn là cửa hàng vải và quần áo, nhưng không ai có phản ứng trưng dụng làm thành nêm hay lưới bảo hộ để cứu người. Báo chí, ngược lại, đều phản ánh nghĩa cử của nhiều người nước ngoài đã tự động xông vào cứu nạn. Như là trường hợp của ông Mark Gillin, giám đốc của một công ty : “ *Không có ai tổ chức cứu hộ. Tôi và một nhóm khoảng 10 người tự tổ chức, người đứng trên cao, người đứng dưới, chuyền nhau, tiếp sức nhau bồng người bị nạn xuống đất. Rất nóng, khói mù mịt, không thể thở nổi* ” (cho đến khi mệt lả, không thở được nữa thì ông đã bồng ra được khoảng 50 người). Báo Sài Gòn Giải Phóng ghi nhận như sau : “ *Từ hình ảnh đó, nhìn lại mình mới thấy việc tuyên truyền giáo dục ý thức phòng cháy chữa cháy cho người dân của chúng ta còn quá xa rời thực tế, thiếu căn bản. Không có mặt nạ chống nóng, người dân ông ngoại ấy đã lột áo, tháo nước che ngang mặt cho chính mình và cho người khác đang tham gia cứu hộ, nhờ vậy, ông và những người ấy mới có thể áp sát lan can lâu 1 dưới sút nóng gay gắt của lửa mà cứu người. Điều đơn giản đó, có lẽ vì quá đơn giản chăng, nên không được ngành hữu quan để ý khi tập huấn ?* ”.

Xe thang ở đâu, trực thăng ở đâu ?

Thành phố Hồ Chí Minh có một đội xe cứu hỏa gồm 101 chiếc, tuy nhiên đại tá cục trưởng cảnh sát phòng cháy chữa cháy, Bùi Văn Ngân, cho biết có đến hơn phân nửa (68 chiếc) “đã quá hạn sử dụng và đang chờ thanh lý”. Ngày hoả hoạn tại ITC, chỉ có ba xe thang hoạt động (giải thoát cho khoảng 100 người), trong lúc thành phố có nhiều xe thang và xe cẩu (ở công ty điện lực, công ty công viên cây xanh, các công ty xây dựng...) không được huy động đến.

Các lực lượng cứu hỏa không được trang bị máy bay trực thăng, nhưng đại tá Ngân cho biết có đề xuất lãnh đạo TPHCM huy động trực thăng đến giải cứu người bị kẹt ở sân thượng, song “rất tiếc máy bay không đến vì lý do nào đó”. Được hỏi, đại tá Nguyễn Kim Sơn, ở bộ tư lệnh phòng không không quân, giải thích rằng quân đội có máy bay trực thăng làm công tác canh giữ vùng trời, tuần tiễu tàu ngầm, thăm dò dầu khí, vận tải du lịch... “nhưng chữa cháy trên các tòa nhà cao thì hoàn toàn không làm được”. Giám đốc công ty dịch vụ hàng không Vasco (chuyên cho thuê trực thăng) thì nhận xét rằng “dường như trực thăng cứu hỏa không có trong danh sách các loại trực thăng cần có ở Việt Nam...”

Đừng trông mong vào xe cứu hỏa thang cao !

Năm 2001, Thành phố Hồ Chí Minh đã chi 22,5 tỉ đồng để hỗ trợ trang thiết bị cho ngành công an, rồi tài khoá 2002-2003 đã đầu tư thêm 70 tỉ đồng, tuy nhiên, khi xem bản liệt kê các trang thiết bị được mua sắm, người ta thấy phần dành cho hoạt động phòng cháy chữa cháy chỉ vỏn vẹn có 3,6 tỉ đồng cho vòi chữa cháy, ngoài ra không có gì khác.

Trong buổi họp báo của uỷ ban nhân dân TPHCM về vụ cháy tòa nhà ITC, phó giám đốc sở công an Phạm Văn Minh nhấn mạnh xu thế phát triển nhà cao tầng ở thành phố, nhưng cho rằng “những tòa nhà này phải tự cứu, chứ đừng trông mong gì xe cứu hỏa thang cao”. Ông giải thích: “Xe thang càng cao, tam giác để càng lớn mà đường xá quá chật”; và ông dẫn chứng, trong vụ hoả hoạn ITC, lực lượng cứu hỏa đã không điều được xe thang cao nhất (70m). Chủ tịch Uỷ ban nhân dân Lê Thanh Hải đã phải lên tiếng: “Thành phố chỉ 17-18 tỉ đồng mua một chiếc xe thang cao cứu hỏa, bây giờ nói không hiệu quả, không phù hợp là sao?”

Tạ tội...

Cơ quan cảnh sát điều tra cho biết có truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với những cá nhân liên can đến vụ hoả hoạn ITC, gồm có : - ba người thợ hàn (Phạm Viết Thanh, Nguyễn Phú Tín, Giang Quốc Trung) gây ra cháy khi bắt cản sử dụng que hàn để lắp đặt một khung sắt tại vũ trường Blue Club ở tầng 2 của tòa nhà ; - chủ tiệm sắt Thông Nam (Lâm Nghĩa Hoà) đã thuê mướn ba người thợ hàn ; - chủ Blue Club (Paul Nguyễn, Việt kiều ở Mỹ) ; - đơn vị quản lý tòa nhà ITC ; - những đơn vị phòng chống cháy. Ngày 4.10, Viện kiểm sát TPHCM ra lệnh khởi tố và bắt tạm giam bốn người — hai người thợ hàn, chủ tiệm sắt Thông Nam và hai người quản lý Blue Club — trong thời gian bốn tháng vì những hành vi “thiếu trách nhiệm

gây hậu quả nghiêm trọng ”. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại nhân mạng và vật chất cũng được công ty bảo hiểm Bảo Minh xúi tiến. Duy chỉ không nghe nói đến trách nhiệm chính trị của lãnh đạo Thành phố Hồ Chí Minh. Chí ít, cho đến nay, người dân thành phố chưa thấy ai từ chức hay bị cách chức, cũng không thấy ai đứng ra nhận lãnh trách nhiệm cá nhân và công khai nhận lỗi. Dường như trách nhiệm chính trị không ở trong danh sách các phạm trù trách nhiệm cần có ở Việt Nam...

Đến nay, chỉ có người chủ tiệm sắt, ông Lâm Nghĩa Hoà, đến tìm báo chí để xin gửi lời xin lỗi tại gia đình các nạn nhân : “Mặc dù tôi không phải là người trực tiếp gây ra vụ cháy, nhưng để xảy ra hậu quả nặng nề này, cho dù pháp luật xử lý như thế nào, tôi cũng xin ngàn lần xin lỗi gia đình các nạn nhân. [...] Gia đình tôi làm nghề này từ năm 1985, chưa bao giờ tôi mắc phải một sai lầm nào mang lại hậu quả nặng. Nếu như đó là sự bất cẩn của các thợ hàn thì hôm nay ông trời đã bắt tội tôi. Tôi có chết cũng xin ngàn lần xin lỗi gia đình các nạn nhân ”.

[Hải Vân tổng hợp và bình luận, từ tin các báo Lao Động, Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, Sài Gòn Giải Phóng, từ 30.10 đến 4.11.02]

Trách nhiệm sẽ thuộc về ai ?

Sự kiện cháy tòa nhà ITC là một sự kiện đau thương, một sự mất mát lớn đối với thành phố. Tôi rất đau buồn cho các nạn nhân, người bị thiệt hại về tài sản. Tôi cảm thấy khá bất bình đối với các cách giải quyết vụ cháy trên.

Thứ nhất, đội chữa cháy gần nhất, đầy đủ nhất chỉ cách khoảng 1km mà mất 15 phút mới tiếp cận được hiện trường. Đến nơi lại không có nước để tiếp. Các phương tiện thiếu và chậm trễ. Các vòi phun chỉ phun được bên mặt ngoài tòa nhà. Mọi người đổ thừa nước không phun vào được do các tấm làm bằng bêtông. Nó chỉ là phần che trang trí, tại sao không dùng máy xúc chọc sập, dùng mìn loại nhỏ để phá, móc dây dùng xe kéo giật sập... và còn nhiều cách khác. Lính chữa lửa không có mặt nạ phòng hơi độc. Quá nhiều thiếu thốn với thành phố hiện đại nhất Việt Nam và ngay tại trung tâm thành phố ?

Thứ hai, tại sao không huy động các tấm nệm của các nhà dân, khách sạn xung quanh để các nạn nhân nhảy xuống ? Như thế số người tàn phế sẽ giảm rất nhiều và cứu thêm được nhiều người. Bên cạnh đó, việc cháy nhà cao tầng và có nhiều người bị kẹt (ai cũng biết) lớn như vậy mà không dùng trực thăng cứu hộ, chữa cháy. Tại sao không điều động ? Thực đau lòng quá !

Những vấn đề trên và các vấn đề khác, trách nhiệm sẽ thuộc về ai ?

Vocuongquoc

[Thư điện tử gửi Tuổi Trẻ 4.11.2002]

Thư Hà Nội

Tháng 11 dương lịch này Hà Nội thời tiết rất kì quái. Khoảng mồng mười, trời nóng như mùa hè, hàn thử biểu lên hơn 30 độ. Mấy ngày sau, mát trở lại, đúng trời thu. Mùa thu, với cỏm, rươi, với hương hoa sữa ngọt ngào phố Nguyễn Du, Phan Chu Trinh..., Hà Nội đẹp vô cùng.

Thời tiết chính trị thì ngược lại, đã sang đông từ nhiều tháng nay. Lạnh run, co ro, lèn gân. Anh chị hỏi chuyện Đơn Dương. Đó là một ví dụ. Chuyện bên ngoài thì các bạn xa cũng biết cả rồi : báo chí (đặc biệt là các tờ *Công An* và *Quân đội Nhân dân*) đã dùng chữ “ phản quốc ” để nói tới hai người : Đơn Dương và Dương Thu Hương. Thảm hại cực kì là để đánh Dương Thu Hương, họ lại mượn lời một nhân vật điên khùng có hạng mà các bạn biết cả, là ông Trần Trường, người đã gây chuyện ôn ào năm trước ở Orange County, California. Cách đây mấy năm, họ đánh ông Trần Độ bằng cách nguy tạo ra một ông Việt kiều “ Ca-li-phoo-nia ” tên là Hoài Việt gì đó để dạy lão tướng bài học yêu nước. Lần này có tiến bộ hơn, ông Trần Trường có thật. Có điều, người ta quên nói rằng trước khi treo ảnh Hồ Chí Minh ở giữa quận Cam, ông ấy đã từng tạo lập giáo phái, và năm 1995, đã tự xưng là Hoàng đế Việt Nam !

Vụ đánh Đơn Dương cho thấy rõ thực trạng và tương quan lực lượng trong thâm cung. Phát súng đầu, như thường lệ, xuất phát từ mày tay “ gác cổng văn hoá ” mà động cơ nhiều khi chỉ là đố kị, trâu buộc ghét trâu ăn. Bộ văn hoá không phải không thấy, nên đã rụt tay lại, không nhân hòn than hồng, ra chỉ thị “ Đơn Dương là chuyện của Thành phố, Thành phố phải giải quyết ”, và rỉ tai các báo không được thổi phồng vì chính trị (Mel Gibson và giới điện ảnh Hollywood đã gửi kiến nghị phản đối). Nhưng đó là không tính tới Tổng cục 2 (quân đội) và A25 (Cục bảo vệ văn hoá của công an). Hoạn nạn không chỉ xảy ra cho diễn viên Đơn Dương, mà cho cả cuốn phim Mê Thảo, “ trong khi chờ đợi giải quyết vấn đề Đơn Dương, không được giới thiệu phim Mê Thảo ở nước ngoài, không được gửi phim này đi dự các festival điện ảnh ”. Bởi vì nỗi lo sợ to lớn của các ngài là liên hoan nước ngoài chơi khăm, tặng giải diễn viên nam cho Đơn Dương. Ôi, năm nay là kỉ niệm 90 năm ngày sinh của Vũ Trọng Phụng. Bao giờ văn học nước ta mới có những Số đỏ, Lục Xì... của thế kỉ 21 ?

Xin các bạn đừng trách tôi diễu cợt, cười đùa với những chuyện đáng buồn. Đó là phản xạ tự nhiên để giữ thăng bằng tâm lí, vì những chuyện tôi kể dưới đây, còn đáng buồn hơn.

Một loạt “ vụ việc ” cho thấy không khí co cụm, run rẩy hiện nay. Đầu tiên là chuyện Internet (tôi đọc trên mạng, đã thấy Diễn Đàn nói tới rồi). Trung ương họp, đã quyết định trao việc quản lý mạng điện tử cho Bộ công nghệ thông tin. Ra đến Quốc hội, quay 180 độ, chuyển sang Bộ Văn hoá, nghĩa là cho A25 (Công an Văn hoá). Chẳng phải “ Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất ” gì đâu, mà vì phe co cụm đã thắng bàn nhì.

Từ đấy, các anh chị hiểu nguyên uỷ của bản án mấy năm tù dành cho anh Lê Chí Quang, mà cái tội duy nhất là gửi thư, phát biểu ý kiến chính trị qua internet.

Điều mỉa mai, Lê Chí Quang hai lần là nạn nhân của bộ máy đàn áp. Lần này là bản án tù và quản chế 7 năm. Lần trước, anh đã vô tình làm nạn nhân của một cuộc đấu đá nội bộ về vấn đề Hiệp định biên giới. Bài đầu tiên gửi qua internet chính là của anh ấy. Chắc chắn anh đã tin rằng với Hiệp định biên giới, Việt Nam bị mất 700 cây số vuông vào tay Trung Quốc. Và với nhiệt huyết của tuổi trẻ, anh đã dũng cảm lên tiếng cảnh báo. Điều mà anh không ngờ, cái thông tin ấy lại là một “ tin xám ”, do Tổng cục 2 phịa ra : đó là chiêu mà ông Lê Đức Anh tung ra để lật đổ cựu đàn em Lê Khả Phiêu, khi biết là đàn em dùng cục A10 để điều tra về các vụ bê bối và gia tài kếch sù của ba ông cố, nhất là của vợ, con trai, con gái, con rể, cháu chắt và họ hàng các ông. Trong một xã hội mà thông tin bị bưng bít, lời đồn “ mất đất ” là một điều dễ tin : trong bao nhiêu năm, người ta đã được học tập về những vụ lấn đất dọc theo biên giới, vụ quân đội Trung Quốc dời các cọc mốc, vụ Bắc Kinh lợi dụng đường ray của hỏa xa Trung Quốc ở Nam Quan, vì lí do kĩ thuật, kéo dài thêm mấy trăm mét, để nói chỗ nối đường ray là biên giới..., lời đồn lan ra (lại xuất phát từ những nguồn tin “ quân báo ” chứ không phải từ “ bọn phản động nước ngoài ”), chính quyền càng im lặng, càng làm tăng độ tin cậy của “ mất đất ”. Bằng chứng là tướng Trần Độ lúc đầu cũng tin như vậy và đã kí vào bản kiến nghị cuối năm ngoái. Tôi muốn nhấn mạnh chuyện này để cho rõ trách nhiệm của những kẻ, vì tranh giành ghế ngồi, đã không ngần ngại kích động tình cảm dân tộc thiêng liêng, rồi ngày nay, lại dàn áp ngay cả một thanh niên nhiệt tâm như Lê Chí Quang.

Tôi có đọc trên mạng những thông tin của Diễn Đàn về đám tang tướng Trần Độ. Về mấy dòng chữ trên vòng hoa của đại tướng Giáp, tôi xin xác nhận là hai chữ “ vô cùng ” đã bị gỡ đi, cũng như các vòng hoa khác, điều này khiến ông Giáp rất giận và, điều này ít khi ông làm, nói ra sự giận dữ đó. Câu chuyện bên trong đám tang còn thảm hại hơn. Trong gần 3 tuần ông Độ nằm ở bệnh viện 108, chính quyền đã có thời giờ chuẩn bị. Phía an ninh chính trị lần này tỏ ra hiếu臾, kiến nghị tổ chức đám tang trọng thể, cáo phó đăng trên trang nhất báo Nhân Dân, ủy ban lễ tang phải do một phó chủ tịch Quốc hội đứng đầu, hoặc do một ông tướng phó chủ nhiệm Tổng cục chính trị (hai chức vụ mà tướng Độ từng đảm nhiệm) làm trưởng ban, điều văn chỉ nói công lao, tránh nói tới những “ tiêu cực ”. Nếu nhà cầm quyền có bản lĩnh (và tư cách tối thiểu) thì đó là thượng sách, về mặt ngoài không ai chịu trách, còn tâm địa các vị thì mỗi người có ý kiến của mình. Phương án đưa đến ban bí thư, tổng bí thư Nông Đức Mạnh không dám quyết định, phải hỏi ý kiến hai người tiền nhiệm. Giới thâm cung nói rằng ông Phiêu tán thành “ chăm phần chăm ”, còn ông cố Mười thì chống lại đến cùng. Đám tang Trần Độ, hay là sự phô bày tâm địa và trình độ văn hoá của một bộ máy, đã diễn ra thế nào, anh chị đều biết cả rồi.

Tại sao có sự lén lút bịa và có vẻ “ vô cớ ” như vậy ? Có người liên hệ tới vụ Năm Cam (phải siết chặt để bút dây mà không động rùng), có người cho rằng đó là sự thủ thế trong khi chờ đợi Đại hội 16 của ĐCS Trung Quốc cải cách thêm một bước. Cũng có thể, nhưng có một nguyên nhân cụ thể và thiết thân hơn : sang năm 2003 dự trù có những thay đổi nhân sự “ giữa nhiệm kì ”. Cho nên những miếng võ kể trên chỉ là mào đầu cho những cuộc đám đá sấp tới.

N. S. P.

HÀ NỘI TRONG MẮT

NGƯỜI TRÍ THỨC

Trò chuyện với Giáo sư Nguyễn Huệ Chi

Đào Tuấn thực hiện

LTS : Chúng tôi xin đăng dưới đây toàn văn bài phỏng vấn mà Nguyễn Huệ Chi đã có nhã ý gửi “ đọc cho vui ”. Những ý kiến nêu ra chắc chắn sẽ gây ra tranh luận. Đó phải chăng là mục đích của mọi phát biểu về văn hoá, giữa lúc, hơn lúc nào hết, người Việt Nam đang và cần “ nhìn lại mình ”.

Đào Tuấn (ĐT) : Thưa Giáo sư, nhiều người nói rằng bây giờ “ toàn nhà quê ” ra Hà Nội. Nhưng đó vốn là chuyện bình thường, vì Hà Nội là nơi quần anh tụ hội.

Nguyễn Huệ Chi (NHC) : Và thanh lọc, quy luật của một trung tâm là thế. Bao giờ cũng là các nơi hội tụ về và thanh lọc đi, cuối cùng những gì láng đọng lại chính là Hà Nội.

ĐT : Chắc sẽ không có khái niệm người Hà Nội theo nghĩa thâm niên sống ở thủ đô. Ví dụ như ông Nguyễn Du và bà Hồ Xuân Hương. Họ không sinh trưởng ở Thăng Long nhưng chính môi trường văn hoá Thăng Long đã nuôi dưỡng và phát triển tài năng của họ. Một tài năng thực sự phải đúng được ở Thăng Long, phải được Thăng Long công nhận, bằng không sẽ bị đào thải như giáo sư vừa nói.

NHC : Đó là chuyện bình thường, nhưng trong những giai đoạn có xáo động lớn như mấy thập kỷ lại đây, sự thay đổi dân số cơ học tại Thăng Long có làm vơi bớt đi những tính cách được kết tinh từ lâu đời và đưa vào những tính cách chưa thật hoàn hảo, chưa thật đẹp. Những cái như thế thay thế nhau một cách khiên cưỡng, không theo quy luật, và để lại trong lòng những người vốn gắn bó với Hà Nội xa xưa một sự luyến tiếc, và sự luyến tiếc ấy là rất chính đáng. Nhưng cũng phải thấy rằng, trong diễn tiến bình thường, quy luật bổ sung và thanh lọc là tất nhiên. Còn trong những khoảnh khắc lịch sử có những thay đổi không bình thường, sự biến đổi về chất của những tính cách Hà Nội vốn đã được quan niệm, được nhận thức hay đã đi vào tiềm thức cũng là điều dễ thấy. Tiếc là thời buổi xáo động này đã làm mất đi nhiều tinh hoa, trong đó có tinh hoa của tính cách.

ĐT : Luyến tiếc nhưng không phải là lo ngại ?

NHC : Đúng ! Không phải lo ngại vì thực ra một trung tâm lớn nó có khả năng bao chứa hết mọi thứ. Sau một thời gian rất dài tự nó lại thanh lọc trở lại. Những cái không có quy luật phải vào lại quy luật. Tinh hoa sẽ còn lại, phù phiếm sẽ mất đi. Hà Nội là thế. Văn hoá Thăng Long chính là sự bồi đắp từ thế hệ này qua thế hệ nọ để trở thành một cái gì, và là cái luôn luôn vận động chứ không đứng im. Nếu anh quan niệm cái đó là cái đứng im và chỉ có như thế thì đó là sự không hoàn thiện.

Thăng Long không phải là một “ động hình ” cứ thế mãi trong tâm trí bất cứ người nào.

ĐT : Giáo sư có thấy những con đường của Hà Nội thật đặc biệt không ?

NHC : Những con đường tĩnh lặng của Hà Nội giúp ta chiêm nghiệm về cuộc sống và tự mình hướng nội. Như anh Lê Đạt nói, nó giúp ta đuổi sạch mọi tà khí trong đầu. Những con đường ấy cứu vớt mình. Nó cho mình trở lại sự hồn toàn, trở lại chính là mình. Cách đây mấy năm tôi có gặp một người bạn Hà Lan vừa chân ướt chân ráo đến Hà Nội. Anh ta cứ xuýt xoa rằng Hà Nội mới thực là Việt Nam, Hà Nội mới đây đủ là Phương Đông. Tôi nói là Sài Gòn rất đẹp, có những góc phố lộng lẫy như ở Paris vậy. Anh ta nói Sài Gòn không là cái gì cả, có đến Hà Nội mới đích thực gặp được Việt Nam.

ĐT : Phải chăng khi đi trên những con đường của Hà Nội, đường Phan Đình Phùng, đường Nguyễn Du, đường Thanh Niên... ông ấy cảm nhận được cuộc sống của mình và của những người khác. Đó chính là Hà Nội, là Á Đông. Đi dưới những con đường lung linh ánh đèn, những ngôi nhà vút cao với rất nhiều biển quảng cáo, người ta không thể cảm nhận thấy mình, thiên nhiên đất trời như không phải của mình nữa thì chắc không phải là Á Đông, là Hà Nội.

NHC : Triết lý Á Đông là cuộc sống phải hoà hợp với tự nhiên. Mỗi người là một tiểu vũ trụ hài hoà trong đại vũ trụ. Chính thiên nhiên Hà Nội giúp người ta hoà hợp một cách dễ dàng cái tôi chủ thể với bản thể vũ trụ huyền bí và mênh mông. Tự thân mình trong môi trường ấy đã có sự hoà hợp rồi. Ở Sài Gòn mình khó tìm thấy sự hoà hợp đó. Tất nhiên là Sài Gòn rất đẹp nhưng Sài Gòn khác với Hà Nội. Đi giữa Sài Gòn mình có cái bồn chồn của một doanh nhân đi tìm mối hàng, hay đi tìm quán nhậu, còn đi giữa Hà Nội tự nhiên ta thư thái như một lâng tử. Ngôi ở một góc nào đấy tại Hà Nội là có thể nghĩ về đất trời, về tất cả mọi thứ và quên đi xung quanh mà không cần phải có một cố gắng nào hết. Hà Nội vẫn giữ được những cái đó. Nhưng mấy chục năm nay người ta đã phá hoại quá nhiều môi trường sinh thái văn hoá tự nhiên láng đọng từ hàng nghìn năm. Hà Nội bây giờ cũng buôn chải, đua chen một cách ghê gớm. Phải giữ cho được môi trường Hà Nội để mình tìm được sự hài hoà giữa mình với thiên nhiên, giữa mình với đại vũ trụ. Đây cũng là nhiệm vụ cấp bách của tầng lớp trí thức. Chỉ có trí thức mới có nhu cầu giải tỏa mình bằng cách tắm mình vào thiên nhiên như vậy. Người dân thường mà lấn được Hồ Tây kiểm chố bán hàng thì họ lấn ngay. Kể cả quan chức cũng ít cần thiên nhiên (tất nhiên họ có thiên nhiên của riêng họ, mênh mông là khác, nhưng hình như họ không nghĩ đến thiên nhiên của cả cộng đồng). May mà dự án thuỷ cung Hồ Tây thất bại chứ không Hồ Tây cũng đã bị xâm hại rồi. Chỉ anh trí thức mới nhận thấy cái Hồ Tây này là quan thiết tới vận mệnh dân tộc cả về sau này nữa. “ Đứng cạnh Hồ Tây có thể quên được trời đất ”. Đó là lời của ông Tham tán văn hoá đại sứ quán Phần Lan tại Việt Nam nói với tôi trong buổi tối chia tay với ông, một buổi tối Hồ Tây mù sương. Nhưng sau một lúc ngẫm nghĩ ông ấy nói thêm : “ Không biết

khi tôi có dịp sang lại Việt Nam thì Hồ Tây có còn là Hồ Tây như bây giờ hay không ". Nghe câu nói ấy chúng tôi đều trầm hản xuống và man mác buồn.

ĐT : Một tờ tạp chí xuất bản ở Hà Nội giải thích hai chữ thanh lịch của người Hà Nội thế này : Chữ " thanh " trong thanh lịch là thanh tao, thanh tịnh, thanh nhã, thanh đạm, thanh khiết ... Chữ " lịch " là lịch lâm, lịch thiệp, lịch duyệt, lịch các kiểu, miễn có nghĩa đẹp là được. Có đúng thế không ?

NHC : Đó chỉ là suy ngụyên về mặt ngôn từ thôi, còn muốn hiểu thanh lịch của người Tràng An thực sự thì phải hiểu từ bản chất. Thanh lịch nên được hiểu nôm na là " nền nã " thì đúng hơn. Tràng An là nơi hội tụ của bốn phương đất nước sớm nhất trong lịch sử và đã trải qua gần mươi thế kỷ. Chính chiêu dày lịch sử đó đã tạo nên con người với một sự ứng xử thế nào cho đẹp và quan trọng là có được cái ý thức về sự tự do. Xã hội Tràng An nổi bật lên vì trong cả một cái biển mênh mông là nông thôn và làng mạc với tư tưởng tiểu nông và nền dân chủ công xã " cá đối bằng đầu ", bên trên thì rất sợ mấy ông chánh phó lý, không làm gì có sự tự do – giới hạn trong cái gọi là được mặc sức làm ăn sinh sống. Khi anh ra đến môi trường Hà Nội với các nghề thủ công và buôn bán, với các phuờng hội, anh bắt đầu cảm nhận được vòng dây trói bấy lâu thít chặt nay đã nới lỏng ra ít nhiều. Anh bắt đầu có chút tự do, được cải tiến nghề nghiệp và cạnh tranh với người khác để tăng tiến trong nghề, nên trong ứng xử anh phải cố giữ cho được cái đó. Thế giới của những người thợ thủ công và những người dân buôn bán còn có thêm ảo vọng về việc thoát khỏi cái xiềng tập tục tư tưởng nào đấy mà nông thôn không thoát được. Thế nên càng phải tôn trọng cái đó để xử sự cho đẹp, tôn trọng tự do của nhau. Những cái đó cứ được cố kết lại, đúc lại dần dần. Đồng thời thêm vào đó là học vấn, là văn hoá ; sự cưng xù phù hợp với học vấn và văn hoá càng góp phần tạo ra nét thanh lịch của Hà Nội.

ĐT : Nhưng hình như cái thanh lịch của người Hà Nội giờ đã khác xưa lắm ?

NHC : Hà Nội bây giờ mất thanh lịch đi nhiều. Sự tăng dân số một cách cơ học quá nhanh và quá lớn đã làm văn hoá truyền thống của Hà Nội phai nhạt đi. Cấu trúc gia đình cũ của Hà Nội bị phá vỡ cũng là một nguyên nhân quan trọng. Vào khoảng sau 1954, một ngôi nhà từ đời ông đời cha để lại bị chia xẻ thành năm bảy cái nhà con, cho rất nhiều hộ từ đâu đâu về ở, khiến cho ứng xử của họ không còn giống như khi ngôi nhà ấy còn là một biệt thự êm đềm, trong đó có tôn ti, có nhường nhịn, có đi nhẹ nói khẽ nuga. Trật tự văn hoá đã thay đổi. Để trở lại thanh lịch như mong muốn thì phải chờ thời gian xác lập lại trật tự hợp với quy luật. Không phải bằng giáo dục một cách " nhân vi " mà được. Ngày xưa tôi thấy bố tôi nói, người ta đi ngoài đường không nói những lời sổ sàng, bây giờ thì chuyện ấy có nhiều, nhất là với những người trẻ tuổi.

ĐT : Thỉnh thoảng trên đường thấy mấy thanh niên ăn mặc lịch sự thế mà bỗng nhiên quay ngang nhổ toẹt một bãi nước bọt, rồi bình thản đi thẳng.

NHC : Khi tôi sang Tàu, tôi thăm Di Hoà Viên và Thập Tam Lăng, người các nơi đến tham quan đông nghìn nghịt, nhưng không ai vứt bừa bãi một tờ giấy nào.

ĐT : Và họ không khạc nhổ theo thói quen Tàu nữa chứ ? Họ đã bỏ được thói quen khạc nhổ mấy nghìn năm.

NHC : Những việc họ làm được như thế khiến tôi nể và sợ. Nhưng ông anh tôi là Giáo sư Từ Chi lại nói tương tự : Cậu đừng tưởng thế mà vội mừng. Ở nhà mình tuy rằng thế nhưng còn có một khoảnh được là mình kia đấy. Cái " nhôm nhoam " của mình chính là một chân trời để chúng ta còn nhâm nhi cuộc sống. Còn để vào được khuôn phép, người Tàu đã phải sát phạt nhau ghê lám, phải đổ bao nhiêu máu từ không biết bao cuộc " đại cách mạng văn hoá " mới tạo được thứ khuôn phép kia. Mà làm thế thì cái giá trả cho nó lớn biết bao nhiêu ! Như nước Nga 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội đã dựng nên một nền văn hoá mà mình thấy cực kỳ đẹp đấy, nhưng nó là " nhân vi " nên khi sụp đổ một cái thì bộ mặt của nó trở nên ghê sợ biết chừng nào. Cô bạn tôi vừa từ Nga về kể rằng, người nước ngoài, nhất là dân tộc đen như chúng ta, bây giờ đến Nga dễ bị bắt cóc như chơi. Cái gì đã là " nhân vi " thì không phải là kết quả của sự diễn tiến tự nhiên, tức là theo quy luật . Nó sẽ mất đi rất nhanh thôi. Tôi chỉ mong rằng có một cơ chế biết thuận theo quy luật tự nhiên để dân Hà Nội, dân Việt Nam được hưởng cái gọi là sự phát triển một cách bình thường, hồn nhiên, hồn toàn để mà đi tới. Cái đó sẽ đẹp hơn là nhân vi. Với nhân vi, anh cứ ép cho người ta một cái tốt đẹp nào đó theo ý anh mà người ta không tiếp nhận được thì rốt cuộc cũng chẳng được lâu bền. Tuy thế, trong đời sống cũng cần có kỷ luật và nề nếp. Và cũng phải thấy về nhiều phương diện, nhất là văn hoá nghệ thuật, Trung Hoa hiện nay đã hết sức cởi mở mà mình chưa theo được, hoặc chưa dám theo.

ĐT : Còn văn hiến Thăng Long, thưa Giáo sư, chúng ta phải hình dung thế nào về nó ?

NHC : Muốn hình dung cái gọi là văn hiến Thăng Long thì trước hết phải hiểu " văn hiến " là gì. Gần đây có một vị Viện sĩ định nghĩa văn hiến là văn học để hiến dâng cho Đảng. Kể cũng là một cách hiểu không phải không chân thành, xét từ lý thuyết " tiếp nhận ". Tiếc rằng trong gốc gác của nó, hai chữ " văn hiến " lại chẳng liên quan gì đến Đảng cộng sản vì hai chữ đó ra đời ở Trung Quốc trước khi Đảng cộng sản Trung Quốc xuất hiện hàng mấy nghìn năm. Có lẽ chữ " đảng " mà ông Viện sĩ nói đây là " hương đảng " dưới thời Khổng Tử chẳng. Hiểu thật văn tắt thì " văn hiến " bao gồm hai thành tố là diển tích và hiền tài. Đó là hai thành tố không tách rời nhau, làm nên bộ mặt văn hoá của một nước. Thăng Long để lại một truyền thống văn chương sach vở không kém phong phú (ý là so sánh một cách tương đối trong kho tàng sách vở văn chương của cả nước), mặc dầu trải qua các biến cố lịch sử cũng bị mất mát nhiều. Còn hiền tài thì đương nhiên Thăng Long đời nào cũng có. Không thể đã không có mấy chữ " sĩ phu Bắc Hà ".

ĐT : Tính độc đáo của nền văn hóa Thăng Long nằm ở đâu ? Có thể coi văn hóa Thăng Long là đại diện cho nền văn hóa Bắc Hà được không ?

NHC : Cũng có thể coi văn hoá Thăng Long là văn hoá Bắc Hà khi đất nước mở rộng biên giới về phía Nam sông Gianh kể từ thời nhà Trần trở về sau, và dần dần hình thành nên một khu vực dân cư rộng lớn cũng là một khu vực văn hoá quan trọng có tên là văn hoá Nam Hà. Chia nhỏ ra thì Bắc Hà cũng có nhiều tiểu khu vực văn hoá mang đặc trưng riêng như văn hoá Kinh Bắc, văn hoá Nghệ Tĩnh v.v..., nhưng hình như có một hiện tượng xảy ra từ rất sớm, là những tiểu khu vực văn hoá này luôn luôn lấy Thăng Long làm điểm quy tụ để giao thoa, xuyênn thắm vào nhau; vì thế vô hình trung tinh hoa của những vùng văn hoá nói trên đều góp phần bồi đắp cho văn hoá Thăng Long thêm rực rỡ. Hơn nữa, nếu bản thân các thành tố văn hoá nói trên chưa được cọ xát, thanh lọc trong môi trường Thăng Long thì trước sau chúng vẫn là một thứ văn hoá “ mộc ” hay văn hoá “ vườn ” mà chưa được “ đóng dấu ” là văn hoá Đại Việt, nghĩa là chưa nâng cấp vượt bậc để trở thành những giá trị phổ biến và có sức sống lâu bền. Ngược lại, văn hoá Thăng Long cũng không còn là một cái gì thuần tuý sản sinh trong lòng nó, mà nó mặc nhiên trở thành một dòng sông lớn tiếp nhận nguồn nước của các con sông nhỏ chảy từ xứ Đông, xứ Đoài, xứ Bắc, và xứ “ Trại ” (Thanh, Nghệ, Tĩnh) để thay đổi lưu lượng và hoạt tính trong chất nước của mình. Tuy nhiên, đó quyết không phải là một sự hồn hợp – đó là cả một quá trình lượng biến thành chất, khiến người Thăng Long như được uống một thứ nước mới, có vị trong trẻo và đậm ngọt hơn hẳn. Tranh Hàng Trống không hơn tranh Đông Hồ, chữ khắc và mô típ trang trí trên bia đá một số ngôi chùa Hà Nội không đẹp hơn chữ khắc và mô típ trang trí trên bia đá nhiều ngôi chùa trong nước, vì đó là sản phẩm của những địa phương đem so sánh với nhau. Nhưng tranh do người Pháp thuê các họa sĩ dân gian bậc thầy tập trung ở Thăng Long vẽ đầu thế kỷ XX thì đa dạng hơn tranh hai địa phương kia rất nhiều ; chữ khắc và trang trí trên bia đá ở Văn Miếu lựa chọn đội ngũ thợ khắc có truyền thống lâu đời của nhà nước phong kiến rõ ràng là sắc sảo chỉnh tề hơn chữ khắc và mô típ trang trí trên những tấm bia ở nhiều nơi ta đã gặp ; và *Truyện Kiều* gắn bó với ngôn ngữ nghệ thuật Thăng Long và cả nước thì khác xa *Thác lối trai phường nón* chỉ gắn bó với ngôn ngữ địa phương Nghệ Tĩnh, tuy đều là tác phẩm của Nguyễn Du. Yếu tố bác học được nâng lên rõ hơn, tính điển phạm cũng được nâng lên rõ hơn. Cho nên cái độc đáo của văn hoá Thăng Long có lẽ nên nhìn ở ba phương diện : 1. Kết tinh được các tố chất của nền văn minh châu thổ sông Hồng trải dài trong lịch sử ; 2. Thu hút được sự sáng tươi rói từ mọi vùng miền để thanh lọc những yếu tố già cỗi như một chu trình luân lưu không ngừng ; 3. Được hệ thống hoá và điển phạm hoá để trở nên cân đối hơn, nền nếp hơn, có bài bản hơn.

ĐT : Chính nền văn hoá ấy đã sản sinh ra cốt cách sĩ phu Thăng Long. Ai tiêu biểu cho cốt cách ấy ? Lý Thường Kiệt được chăng ?

NHC : Sĩ phu Thăng Long có mặt hay và mặt dở. Một mặt, họ được đào tạo chu đáo về học vấn, về nhân cách nên phần lớn biết giữ phẩm chất người sĩ quân tử. Về mặt ứng xử cá nhân có những người tỏ ra rất khí tiết. Nhưng mặt khác họ lại gắn mình với bộ máy hành chính trung ương, là sự nối dài quyền

lực của giai cấp thống trị, nên cũng không ít người mang nặng tư tưởng bảo hoàng. Sống giữa một nơi đô hội, lại là nơi tập trung tai mắt của triều đình, họ thường nhạy bén với thời tiết chính trị, nhiều người có được một tâm nhàn khoáng đạt. Nhưng sự trói buộc của cơ chế nhà nước đối với họ cũng trực tiếp hơn ở địa phương nên nhiều người cũng lại cảm thấy rõ thân phận hèn mọn của mình. Đó là những mâu thuẫn tồn tại thường xuyên trong bất kỳ một trí thức Thăng Long nào ở bất kỳ thời nào. Lý Thường Kiệt cũng không ngoại lệ.

ĐT : *Tháp Bút ở Hồ Gươm mang hàng chữ “ tả thanh thiên ” của cụ Nguyễn Văn Siêu, một trong hai “ bồ chữ ” của thiên hạ. Không biết cụ Nguyễn Văn Siêu do nghĩ nhiều quá, mong muốn nhiều quá mà không làm được gì hay sao mà dành viết lên trời xanh như vậy ?*

NHC : Nguyễn Văn Siêu là hình ảnh lộn trái của Cao Bá Quát. Cao Bá Quát có nói mấy câu đại khái thế này : “ Một đêm tôi nằm ngủ bỗng nghe mùa xuân đến phá tan cái rét cuối đông, sáng mai trở dậy thấy khắp nơi hoa nở thắm rực. Tôi ước sao việc đời cũng giống như việc hoa, sau một cơn giông tố thế là ở đâu non sông cũng đều đổi mới hết thảy ”. Cần phải có một cơn bão quét sạch bụi bặm để đổi mới chóng vánh mọi cái cũ trên đồi, đó là ý thức nung nấu trong lòng Cao Bá Quát. Sí phu thuở ấy muốn gì ? Muốn có một sự thay đổi và tất cả như dồn lại trong tâm hồn nhà chí sĩ họ Cao. Cao Bá Quát chính là sự bột phát nhẫn nại bén nhạy của sĩ phu Thăng Long. Nguyễn Văn Siêu thì không thế. Mọi điều suy nghĩ ông đều nén lại trong lòng. Nén lại đến mức không còn tìm ra lời giải cho những điều mình nghĩ. Không tìm ra, không biết hỏi ở đâu thì hỏi ở trời xanh.

ĐT : Tại sao phải nén lại như vậy ?

NHC : Họ là hai người bạn, cùng chí hướng nhưng tính cách có khác nhau. Nguyễn Văn Siêu là một người nhẫn nhục chịu đựng, tự thấy những cái nguồng không vượt được. Không vượt được cả chính mình. Ông rất khâm phục Cao Bá Quát. Nhưng hành vi quá khổ của Cao Bá Quát thì tư tưởng của ông không bắt kịp. Khi hai anh em họ Cao tử nạn, ông làm câu đối điếu : “ Thương thay tài diệu tốt vời, khó anh khó em, một cặp cùng sinh lại cùng thâc ; Thôi nhỉ cơ sự đến vậy, đáng thương đáng ghét, nghìn năm dây xấu cũng dây thơm ”. Chỗ đau đớn nhất trong tiếng khóc bạn của Nguyễn Văn Siêu là ông phải thừa nhận theo thói đời lúc ấy, rằng việc Cao Bá Quát làm là để lại tiếng xấu muôn thuở. Nhưng sâu trong tiềm thức, ông lại phải nói với trái tim đang nhở máu của mình rằng đó mới thực là tiếng thơm. Đó chính là cái mâu thuẫn ông không giải quyết được cho chính mình. Phải viết lên trời xanh là vì lẽ ấy. Mỗi ông đều có cái hay. Người mà như Cao Bá Quát thì ít.

ĐT : Số đông trí thức nhẫn nhịn như Nguyễn Văn Siêu là do một thói quen ngàn đời hay do một điều gì khác ?

NHC : Do đào tạo kiểu nhà nho phải chấp nhận cái khuôn, không vùng ra khỏi khuôn nhưng bản thân lại thấy chật hẹp. Cái khuôn luôn ràng buộc mình và luôn phải đi tìm một lối thoát. Lối thoát ấy có thể là quay về với đạo Phật để giải thoát

gánh nặng trần tục trong con người phận vị của mình, hoặc là tìm vào với Lão Trang để được hoà mình vào bản thể, được đồng nhất mình với thiên nhiên vô vi tự tại. Những cách thoát ly ấy đều giúp nhà nho trở thành người tự do trong những thời khắc nào đấy, nghĩa là họ được sống trong những giây lát mà trong tâm tưởng, cái khuôn đường như không còn ràng buộc được mình. Nhưng thực tế thì cái khuôn vẫn cứ lù lù khuôn chặt lấy họ. Hai cách giải thoát, Phật hay Lão Trang, đều có tính chất ảo tưởng, nhưng cũng chính là cách mà Nguyễn Văn Siêu và nhiều nhà nho ở nhiều thời đại chọn lựa. Sĩ phu Bắc Hà, sĩ phu Việt Nam ngày xưa là như thế. Văn hoá Việt Nam theo tôi là văn hoá dung hợp, tức là không chịu ép mình trong một thứ văn hoá độc chuyên. Luôn luôn tìm cách hoá giải sự độc chuyên bằng việc điều hoà cái học chính thống và cái học phi chính thống, cái vốn bác học và cái vốn dân gian, nó giúp làm mềm mại hơn tư tưởng của mình. Cái độc chuyên – bất kỳ hình thù thế nào, dưới cách gọi mỹ miều nào – cũng là từ ngoài mang đến cho người Việt chứ không phải là sản phẩm gốc của người Việt. Đạo Nho có phải là của người Việt đâu. Đặc điểm tư duy của người Việt là thu nhận tất cả mọi thứ và dung hoá chúng với mục đích thực dụng, và cũng chẳng thứ nào đến đâu đến đuôi. Bản sắc văn hoá Việt Nam phải chăng chính là cái đó.

ĐT : *Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát sống dưới thời phong kiến. Mà thời phong kiến thì không thể nói là có dân chủ được. Nếu có thì chỉ là sự mạnh nha, nhở một điều kiện hân hữu nào đấy. Vụ lý do chính là thiếu dân chủ. Vì thiếu dân chủ mà người ta không nói được nên bị kìm nén. Như cầu giải thoát tư tưởng là nhu cầu tự nhiên nhất của con người. Với trí thức, nhu cầu ấy còn mãnh liệt hơn. Cụ Nguyễn Văn Siêu phải bức bách lầm mới phải viết lên trời xanh. Cái áp lực “không được là mình” nó phải lớn lắm đúng không ạ ? Hà Nội bây giờ có thể không ?*

NHC : Nếu nhìn trên tổng thể, chúng ta đã có một xã hội công dân từ hơn 50 năm nay, bởi vì một nước đã gọi là “dân chủ cộng hoà” tức là có dân chủ. Có xã hội công dân tức là có quyền làm chủ tư tưởng của mình, có quyền phản bác người khác hay là người trên mình, và đặc biệt có một lớp người cấp tiến, đại diện và phát ngôn cho tư tưởng của mình. Nhưng xem kỹ một chút thì mọi thứ ấy đều có mà chỉ chưa có năng động tính. Không có một nền công nghiệp cao, một nền kinh tế thị trường thật phát triển thì cái nhu cầu bức bách vận hành thật hoàn hảo, liên tục và tự động “cỗ máy” xã hội công dân cũng làm gì có. Mà không vận hành thì cỗ máy sẽ hoen rỉ, nhất là không thể từ trong đó, do chọn lọc tự nhiên mà nẩy sinh ra một tầng lớp ưu tú, có năng lực hướng xã hội đi tới, có tầm nhìn xa, đóng vai trò như một lực lượng định hướng xã hội. Ở những nước văn minh, tầng lớp trí thức phải đóng được vai trò này. Ở chúng ta thì ai ? Sự chọn lọc tự nhiên không có nên dành thay bằng sự chọn lọc nhân tạo : bộ máy chính quyền và bộ máy đảng kiêm luôn việc định hướng ấy (nhưng tôi nghĩ, những người nắm quyền lực có thể là rất giỏi đấy song chức năng lại khác hẳn ; còn lực lượng định hướng xã hội là sản phẩm hữu cơ của xã hội công dân, họ được kết tinh từ xã hội công dân như một sự phát sáng về mặt trí tuệ, tinh thần, có khả

năng dự báo cao, chứ đâu có nhất thiết cứ phải nắm quyền chấp chính). Bởi thế, trong nếp nghĩ của số đông chúng ta hình như vẫn có thói quen thụ động, hễ đã có người thay mình làm việc quản lý là thôi, cứ phó mặc cho họ thay luôn cả “cái đầu” của mình. Thế là “cái khuôn” dù muốn dù không cũng cứ bắt buộc phải tồn tại. Tôi nhớ trong đám tang của Trung tướng Trần Độ, mọi người đến rất đông, tôi cũng đến, nhưng đến nơi mới biết hoá ra lòng mong muôn được bày tỏ niềm thương tiếc người mình kính trọng cũng có khuôn phép của nó cả. Thế nên khi mà người con trai tướng Trần Độ phát biểu từ chối lời điếu văn vừa đọc trước đấy thì tự nhiên như một tiếng lòng kêu gọi, cả ngàn con người đột ngột vỗ tay như sấm ran. Bởi vì nỗi bức xúc phải dồn nén lại những tình cảm thiêng liêng ở trong mỗi người đã ứ tràn, nên có cơ hội là lập tức bùng phát. Ngay người đọc điếu văn hình như cũng chỉ làm một việc không thể không làm. Giọng đọc đều đều của ông càng khiến người ta bức xúc hơn. Khi nghe đến chỗ phê phán người đã khuất thì nhiều người đều bật khóc, trong đó có tôi. Về sau tôi cứ thử giải thích lý do vì sao mình đã khóc nức nở mà đành chịu, không hiểu vì sao.

ĐT : *Thân phận ông ấy không nói lên hình ảnh của số đông, nhưng nói lên một điều gì đó mà không cần phải nói. Tại sao thân phận sĩ phu Thăng Long lại cô đơn đến vậy. Khi Nguyễn Văn Siêu viết “tả thanh thiên” chắc ông ấy phải cô đơn lắm.*

NHC : Hết sức cô đơn. Phàm là trí thức thì bao giờ cũng cô đơn. Chỉ một mình mình vượt ngọn núi của chính mình. Không ai thay mình được cả. Không thể có bạn đồng hành. Trí thức Thăng Long thế kỷ XVIII nằm ở giữa hai súc ép, một bên là vua Lê, một bên là chúa Trịnh. Như tôi đã nói ở trên, trong xã hội phong kiến, trí thức Thăng Long thế nào cũng gắn mình với quyền lực. Không có trí thức tự do không gắn mình với quyền lực mà tồn tại được. Nhưng là trí thức thì lại luôn luôn ảo tưởng là mình có một khoảng trời tự do. Anh ta nằm ở thế mâu thuẫn ấy. Mà ở đây quyền lực lại được xé đôi ra (vua Lê và chúa Trịnh). Anh gắn với quyền lực này thì bị quyền lực kia chi phối. Nó đe nẹt anh cho nên anh phải di len vào giữa. Và vì vậy trí thức Thăng Long càng cô đơn hơn và càng phải giữ mình hơn rất nhiều.

ĐT : *Họ chấp nhận cô đơn hay là họ hèn ?*

NHC : Họ có phần hèn nhưng phần hèn ấy đáng thương hơn đáng trách. Đến một lúc nào đấy, có một chỗ nào đấy anh bột phát và trở lại tính cách hồn toàn của mình mà anh đã giấu đi trong đời sống bình thường. Ở một thời điểm nào đấy, với một điều kiện thích hợp nào đấy anh bột phát và trở lại là anh. Cao Bá Quát cũng thế đấy. Anh trí thức Bắc Hà giữ được cái đó như một điểm sáng của lương tri làm cho người ta kính trọng, nhưng đồng thời cũng làm người ta thương. Bởi vì anh ta bị những sức ép khác nhau giữa những mâu thuẫn không giải quyết nổi.

ĐT : *Tức là những trí thức ấy không hèn. Họ biết họ giỏi nhưng không thắng được mệnh trời. Họ biết con đường phải đi nhưng không đủ sức để đi. Đành chờ cho thế cuộc xoay vần sao ?*

NHC : Cũng còn do ở hoàn cảnh. Khoảng năm 1958 sau khi nhóm Nhân Văn Giai Phẩm bị tai nạn thì người nào cũng giữ mình. Không ai dám lên tiếng bênh ai dù biết rằng những tiếng nói như *Mười năm*, *Sắp cưới*, *Mở hầm*, *Vào đời*, *Phở* và nhiều bài trên tuần báo *Văn...* chẳng liên quan gì đến Nhân văn Giai Phẩm. Nhưng cũng có một ít người như Nguyễn Hồng cương trực bô Hà Nội đưa cả gia đình về ấp đồi Cháy, Hữu Loan bỏ Hà Nội về Thanh Hoá đi cày... Tất nhiên không nhiều. Giữa một xã hội mà ai ai cũng chấp nhận sự cào bằng thì còn ai dám làm một cái gì gọi là sáng tạo độc đáo được. Thứ nữa là mấy chục năm gần như là không được đọc gì cả. Những cuốn sách vô thưởng vô phạt như của *Tự lực văn đoàn* cũng là sách cấm rồi. Nhưng chủ yếu thì vẫn là do người trí thức tự giới hạn mình, tự kiểm duyệt mình và lâu dần điều đó trở thành tiềm thức, như một thứ phản xạ có điều kiện. Giống như con cá trong bể, mới bò vào bể nó nhìn ra tưởng ngoài kia cũng là nước liền đâm đầu vào mặt kính và cố nhiên phải quay trở lại, nhưng sau nhiều lần đâm như thế nó biết rằng chỗ này đi qua không được bèn nẩy sinh một thứ phản xạ có điều kiện, hễ đến sát mặt kính là quay lại thôi. Ông Nguyễn Khắc Viện đã đưa ra ví dụ trên đây để nói trí thức chúng ta tạo được thói quen tự kiểm duyệt mình như thế nào.

ĐT : *Thói quen do anh tạo ra rồi anh cứ tưởng là tự nhiên. Nhưng bây giờ có ai ép buộc anh đâu, anh cứ tự do thoải mái mà suy nghĩ, mà nói, cứ nói đi sao không nói. Nhưng nói thì lại sợ !*

NHC : Nếu trong xã hội anh chỉ được nghĩ có chừng ấy, và cũng chỉ biết xoay quanh có chừng ấy suy nghĩ thì làm sao tạo ra sự khác nhau. Khổng Tử nói : “Quân tử hoà nhì bất đồng”. hoà ái với nhau nhưng không phải anh nào cũng giống nhau như hai giọt nước. Rất cần sự khác nhau trong tư tưởng, trong cách kiến giải những vấn đề đời sống. Nhưng từ lâu rồi, ta đã không được khác, ta quan niệm khác là chống, vì vậy làm gì có điều kiện để bật nẩy thiên tài. Nếu cho rằng ý nghĩ của một ai đấy ban bố ra là giới hạn cuối cùng của sự nghĩ rồi thì làm sao vốn liếng trí tuệ chung của xã hội còn bùng tỉnh dậy và nhân lên được.

ĐT : *Ý Giáo sư nói là về mặt tư duy, cần phải có đua tranh lành mạnh, văn hoá và công bằng ?*

NHC : Và phải được coi là một điều kiện đương nhiên. Khác không phải là chống. Khổng Tử cũng nói phải nghiên cứu “dị đoạn” tức là những trường phái khác với hệ tư tưởng của mình. Có nghiên cứu thì cái tốt cái đẹp của mình mới lộ ra. Ông khuyến khích học trò như vậy. Theo tôi đã đến lúc cần phải nghiên cứu những cái khác với cái truyền thống, và việc đó phải được coi là bình thường. Nó phải trở thành một học phong. Trí thức Thăng Long giữ được truyền thống đó là rất giỏi. Năm 1956 mà giáo sư Nguyễn Mạnh Tường đã yêu cầu xây dựng nền dân chủ pháp quyền. Hay vừa xong cải cách ruộng đất mà giáo sư Trần Huy Liệu đã viết bài *Thủ xét lại hồ sơ của giai cấp địa chủ*, chỉ ra rằng địa chủ Việt Nam đại đa số có vai trò là người tổ chức sản xuất và là lực lượng quan trọng ở nông thôn, và họ lại yêu nước. Lại như Nguyễn Khắc

Viện từng báo hiệu nguy cơ sụp đổ của nền kinh tế bao cấp nhiều năm trước khi đổi mới xảy ra. Đó đều là những người có cái nhìn sáng suốt vượt thời đại, là những người có gan, có tài, và gắn bó thiết thân với quyền lợi dân tộc. Sĩ phu Bắc Hà có tầm nhìn xa như vậy đấy. Nhưng tập hợp lại thành lực lượng có thể dự báo và để cho người dân nhìn vào đấy như một chỗ dựa thì lại chưa có.

ĐT : *Chưa có, vậy phải chờ đợi ở đâu ?*

NHC : Cả hai phía, ở chính quyền và ở trong lòng xã hội. Tôi cho là ở Việt Nam, yếu tố dân chủ ban đầu có được là do có sự mạnh nha từ trên xuống. Những người sáng suốt nhất trong giới cầm quyền có tầm nhìn xa (Hồ Chí Minh năm 1945 chẳng hạn) đã đưa dân chủ từ bên ngoài vào cho dân chúng. Nhưng dần dần dân chủ khi đã trở thành một nhu cầu của sự sống, tự nó sẽ nội sinh. Hai cái đó phải trở thành một mẫu số chung. Khi có một mẫu số chung rồi thì mới có cơ hội cho sự phát triển.

ĐT : *Theo Giáo sư thì có thể phác họa những nét đặc trưng của diện mạo trí thức Hà Nội ngày nay không ? Đặc biệt là trí thức trẻ. Khi thế giới đã bước những bước rất dài, chúng ta “dường như” đã bị tụt hậu về tư tưởng, và lối đó trước hết thuộc về trí thức ?*

NHC : Thì đúng thế. Nhưng biết làm thế nào được. Diện mạo trí thức Hà Nội hôm nay xét cho kỹ vẫn chưa xa sĩ phu Thăng Long thuở xưa bao nhiêu đâu. Đời sống bao giờ cũng có sự kế thừa, và một bước nhảy đứt đoạn là ảo tưởng. Phải tích cực tạo ra những điều kiện xã hội cho bước nhảy ấy.

ĐT : *Thế thì làm sao họ đáng gọi là sĩ phu Thăng Long của hôm nay ? Của một thế giới đang toàn cầu hóa và hiện đại ?*

NHC : (cười rất to).

ĐT : *Cảm ơn Giáo sư Nguyễn Huệ Chi rất nhiều.*

Hà Nội 8/2002

Chú thích : Giáo sư Nguyễn Huệ Chi sinh năm 1938, hiện sống tại Hà Nội. Trưởng ban văn học Cổ cận đại, Viện Văn học thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Từng giữ chức Chủ tịch Hội đồng khoa học Viện Văn học trong hai nhiệm kỳ, 7 năm. Đã xuất bản một số tác phẩm chính : *Thơ văn Lý-Trần* nhiều tập ; *Mấy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi* ; *Mấy vẻ mặt thi ca Việt Nam thời kì cổ cận đại* ; *Hoàng Ngọc Phách đường đời và đường văn* ; *Nguyễn Trãi khí phách và tinh hoa của dân tộc* ; *Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung Quốc xâm lược* ; *Hoàng đế Lê Thánh Tông* ; *Suy nghĩ mới về Nhật ký trong tù* ; *Truyện truyền kỳ Việt Nam* nhiều tập ; *Lieu trai chí dị* (nghiên cứu và dịch)...

“ Nghệ thuật tiền phong đang xuất hiện ở Việt Nam ”

Trao đổi với Ea Sola *

Truyền thống và hiện đại là các xuất phát điểm trong tác phẩm của chị. Có những mối liên hệ nào giữa tiểu sử của chị và những đề tài này ?

– Truyền thống và hiện đại là hai giá trị khác nhau. Giá trị thứ nhất thì khuyết danh, lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ; truyền thống là thứ do tập thể tái nhận diện. Ngược lại cái hiện đại là một suy ngẫm thẩm mĩ, đạo đức và chính trị từ giác độ cá nhân. Sống ở Pháp nên tôi phát hiện ra nghệ thuật do cái nhìn riêng của nghệ sĩ sinh ra, còn trước đó tôi mới chỉ biết nghệ thuật mà ông bà, tổ tiên tôi từng biết. Ở châu Âu, tôi làm quen với nhiều hình thức diễn đạt cá nhân có nguồn gốc ở cuộc sống đô thị và thế giới phương Tây. Từ đó tôi đã bắt đầu xây dựng cho mình một con đường đi riêng. Con đường này liên hệ mật thiết về văn hoá và chính trị với quê hương Việt Nam của tôi, và với cuộc sống mới của tôi ở Pháp. Việt Nam, không gian trong tôi, và Pháp, không gian trước mắt tôi, tạo nên độ căng của mối quan hệ này. Nhưng sống thế nào với cái quan hệ đó ? Làm thế nào để truyền thống Việt Nam trong tôi có thể sống đôi với tinh thần đương đại ? Tôi bèn trở về Việt Nam, tôi cảm nhận rằng cái đương đại này phải được kết hợp với nền văn minh Việt Nam. Nền văn minh này, đó là ông bà tôi, là cụ kỵ tôi, là biết bao hình dung có ở trong tôi và cũng là một phần ngôn ngữ của tôi. Cắt đứt mối liên hệ với lịch sử thì cảm nhận về tính vô hạn, tức cơ sở cho sự tồn tại của tôi, cũng sẽ chết đi. Như thế thì mọi sự đều hết hẳn.

Voilà Voilà (Thế đấy thế đấy) tiếp nối các tác phẩm Sécheresse et Pluie (Hạn hán và Cơn mưa) và Il a été une fois (Ngày xưa ngày xưa). Có mối liên hệ nào giữa các tác phẩm này ? Liệu đây có phải là một tác phẩm bộ ba hay không ?

– Sécheresse et Pluie và Il a été une fois là những tác phẩm về ký ức, về truyền thống và hiện đại. Ở đó tôi đã phát triển tiếp các truyền thống âm nhạc của Việt Nam. Tôi đã tạo ra một vũ trụ sân khấu bằng cách tìm cảm hứng từ những yếu tố của đời sống thôn dã. Thông qua vũ điệu và xuất phát từ lịch sử đương đại của Việt Nam, tôi đã phát triển nền chủ đề về ký ức. Nếu như ta lưu ý rằng những cơ sở trí tuệ và văn hoá của đất nước này bắt nguồn từ dân quê, từ cuộc sống thôn dã, rằng nghệ nông và nhịp điệu mùa màng đã khắc hoạ bản ngã của dân tộc này thì tôi đang đối diện với một nền mĩ học thật giản dị và không màu mè. Voilà voilà là tác phẩm xây dựng trên cơ sở của công trình về truyền thống và hiện đại mà tôi tiến hành ở Việt Nam từ 1992. Tuy vậy đây không phải là một tác phẩm bộ ba. Đây là kết quả của một giai đoạn hướng về cái quá khứ trong sáng tạo nghệ thuật. Trong tác phẩm này tôi tiếp cận với ba truyền thống âm nhạc, tức là với ba thứ ngôn ngữ khác

nha. Một bản tổng phổ đương đại đã hình thành, xuất phát từ bộ gõ, một hệ nhạc cụ chung cho tất cả các truyền thống ấy. Những truyền thống đó hình thành trong các bối cảnh khác nhau : chế độ quân chủ ở Tuồng, tính chất cá nhân, đô thị ở Ca Trù và cái thôn dã, quan hệ gắn bó với thiên nhiên ở Chèo. Đặc biệt là Chèo đã ảnh hưởng đến biên đạo. Ở đó quan niệm về thiên nhiên bao hàm lòng nhiệt thành và ý tưởng về tự do sẽ giải tỏa tính cứng nhắc của truyền thống quân chủ, và – như tôi hy vọng – trở thành một thứ ngôn ngữ thâm kín của cá nhân như trong Ca Trù. Tính đương đại ở đây được thực hiện qua phương thức xử lí chất liệu âm nhạc. Nhịp điệu hình thành nên từ những quãng ngắn, pha trộn và các tốc độ đối nghịch. Còn phần biên đạo thì lại hoàn toàn mang tính chất đương đại như trong các tác phẩm trước đó.

Tác phẩm của chị luôn xuất phát từ âm nhạc gắn liền với các động tác và chuyển động phải không ?

– Tôi lớn lên trong một vũ trụ âm nhạc ; chỉ tiếng Việt thôi đã mang đầy tính nhạc ; ở Việt Nam âm nhạc có một vị trí quan trọng. Nó rất giàu có, đa dạng và phản ánh tính nhạy cảm của dân tộc này. Âm nhạc là một phần trong quá trình sáng tạo của tôi hệt như lời ca, chuyển động và ký ức.

Công trình thẩm mĩ hay tác phẩm nghệ thuật nào có ý nghĩa quan trọng đối với chị, ở châu Âu hay ở Việt Nam ?

– Cái khiến tôi ngạc nhiên và xúc động nhất là tính chất phác, sự giản dị và chân thành trong nền nghệ thuật thôn dã Việt Nam. Nền thẩm mĩ này đối với tôi có một mối liên hệ với Hy Lạp cổ điển, với kiến trúc sân mới của Louvre, với một số tác phẩm nhất định của Malevitch, nếu như chúng ta xuất phát từ tính chất trong sáng của một thứ tình cảm mà người ta sống với nó từ ngày này sang ngày khác trong làng xã Việt Nam. Một vẻ đẹp thật hàm súc và mang tính tương phản, như các études dành cho đàn piano của Ligeti.

Chị vẫn đang làm việc ở Việt Nam dù điều kiện khó khăn. Mục đích mà chị theo đuổi là gì ? Chị có làm theo một đơn đặt hàng nào không ?

– Trước khi trở về Việt Nam, bao nhiêu năm tôi không thấy có sự xuất hiện của Việt Nam trên trường nghệ thuật quốc tế. Tôi không rõ lí do vắng bóng ấy. Điều này khiến tôi phải suy ngẫm và hiểu ra rằng, quá trình thực dân hoá, chiến tranh và cấm vận đã mang đến những hậu quả như thế nào đối với đất nước này : một đất nước muốn giành cho mình nền độc lập, một đất nước tìm cách sinh tồn và không hề có thời gian cho một chút nghỉ ngơi để lấy lại hơi thở, không hề có thời gian để lập dự án cho một cuộc khởi hành nghệ thuật. Công việc của tôi đang mang đến cho các nhà trình diễn và nghệ sĩ Việt Nam khả năng hiện diện ở thế giới phương Tây và bộc lộ một sự nhạy cảm đã bị đè nén trong một thời gian dài. Hoàn cảnh khó khăn của sáng tạo nghệ thuật có căn nguyên ở đây. Bây giờ người ta phải kiên nhẫn dành thời gian để đất nước này xây dựng bản ngã của mình.

Tác phẩm của chị có lẽ là sứ giả văn hoá quan trọng nhất của Việt Nam trên thế giới. Sáng tác của chị dành cho lớp công chúng nào ?

Tôi tin rằng mỗi một nghệ sĩ, mỗi một nhà trình diễn, mỗi một tác phẩm đều là một sứ giả. Tác phẩm của tôi hướng đến một công chúng bằng xương thịt và bằng cả sắc màu.

Liệu công việc của chị có ảnh hưởng gì đến giới nghệ thuật ở Việt Nam?

– Từ khi tôi trở về Việt Nam, công việc của tôi đã gây được một tiếng vang và tạo ra sự liên hệ và tin cậy với trong nước, đã đặt ra những câu hỏi mới trong các thiết chế và môi trường nghệ thuật ở Việt Nam. Và tôi đã có thể tiếp xúc với trí thức và nghệ sĩ từ mọi lĩnh vực, trao đổi với họ. Tôi đã thường xuyên mô tả về bối cảnh hình thành của các đoàn diễn ở Pháp, cả về sáng tạo nghệ thuật đương đại ở châu Âu, trước hết là trong những cuộc trao đổi với các đại diện chính thức của Việt Nam.

*Có những triển vọng nào cho giới nghệ sĩ Việt Nam?
Liệu đã có một trường phái tiên phong ở Việt Nam?*

– Bộ Văn hoá Việt Nam vừa tạo điều kiện cho các nghệ sĩ được phép thành lập các đoàn diễn với cương vị hoàn toàn độc lập. Và các nghệ sĩ hiện đang trong quá trình thực hiện cuộc khởi hành cá nhân của mình trên những hướng đương đại khác nhau. Nghệ thuật tiên phong đang xuất hiện ở Việt Nam.

Bản dịch tiếng Việt của **Trương Hồng Quang**.

(*) Đâu đê của người dịch

Nguồn : Trang chủ của Nhà Văn hoá Thế giới ở Berlin
http://www.hkw.de/deutsch/kultur/1999/vietnam/programm/ta nz/ea_sola_lg.html

Đường chéo của Thuỷ Ea Sola

*Từ cái lân đầu gấp gẽ nghệ thuật Thuỷ Ea Sola qua vở **Hạn hán và con mưa**, tôi đã giữ lại nhiều hình ảnh rất chấn động. Nhưng ngoài ra có một điều khá mơ hồ, chỉ như một thoáng lán cản, đó là cảnh Ea Sola múa theo suốt đường chéo sân khấu, với một em bé lẩn quẩn chung quanh. Từ lúc đó, mỗi lần đi xem Ea Sola tôi lại tự lẩm nhẩm “đường chéo của Ea Sola”, với nhiều lý giải vu vơ cho mình.*

Hôm nay đi nghe Thuỷ Ea Sola nói chuyện (Chiều thứ bảy 16.11 tại thiền đường Khuông Việt) mới vui lòng tin quả có một đường chéo, và con đường đó không thể khác.

Đường chéo là một con đường trong không gian hai kích thước. Mỗi kích thước hiển nhiên có hai chiều : giữa hai chiều ấy là một sức căng, là một biện chứng. Và cái biện chứng đối ấy đã xác định con đường nghệ thuật (và có thể nói thêm, con người nghệ sĩ) của Thuỷ Ea Sola.

Kích thước thứ nhất là truyền thống – đương đại và kích thước thứ hai là ký ức tập thể – ký ức cá nhân. Ea Sola đã đứng ở đâu trong cái không gian đó, và Ea Sola đã đi như thế nào ? Câu trả lời của một người biên đạo múa dĩ nhiên không thể chỉ bằng văn. Tiếc thay vì vậy không thể mô tả lại cho những ai không đi nghe buổi ấy.

Còn về những suy nghĩ và dự phỏng của chị thì có lẽ không tường thuật nào hay hơn bài phỏng vấn mà Ea Sola đã dành cho Nhà văn hoá thế giới Berlin năm 1999. Chúng tôi xin đăng lại qua bản dịch tiếng Việt trên báo mạng Talawas.

H.T.

Tặng thưởng Nguyễn Trường Tộ 2002 :

EA SOLA NGUYỄN THỦY⁷



Ea Sola nói chuyện tại thiền đường Khuông Việt (Orsay, Pháp) ngày 16.11.2002

Tặng thưởng Nguyễn Trường Tộ lần thứ nhất đã được trao cho nữ nghệ sĩ Ea Sola Nguyễn Thủỷ, tác giả và biên đạo các vở ballet *Hạn hán và con mưa*, *Ngày xưa ngày xưa*, *Cánh đồng ám nhạc*, *Thế đáy thế đáy*, *Khúc nguyện cầu*.

Đó là quyết định của Hội đồng giám khảo sau một tháng xét duyệt 5 hồ sơ đề cử và ứng cử. Tặng thưởng này do Quý Tương trợ Việt Nam Canada (QTTVC) thành lập, trị giá khoảng 4000 CAD. Hội đồng giám khảo gồm 8 uỷ viên Ban điều hành và 5 giám khảo thỉnh mời : Phan Huy Lê, Phan Đình Diệu (Việt Nam), Nhật Tiến (Hoa Kì), Nguyễn Tường Bách (Đức), Nguyễn Ngọc Giao (Pháp).

Đánh giá công trình của Ea Sola, nhiều thành viên Hội đồng giám khảo đã có những lời tán thưởng nồng nhiệt. Đơn cử : “*Điều mà tôi trân trọng nhất là chị Ea Sola đã trở về đất nước, giành nhiều thời gian, vượt qua rất nhiều khó khăn để thâm nhập cuộc sống nông thôn, tìm hiểu vốn văn hoá nghệ thuật dân gian để trên cơ sở đó, bằng tất cả trí tuệ, tâm hồn và tài năng sáng tạo của mình, tạo nên những tác phẩm nghệ thuật có giá trị, được công chúng hoan nghênh và đánh giá cao. Cống hiến lớn nhất của chị là đã thể hiện thành công một hướng khai thác và canh tân di sản nghệ thuật ca-vũ-nhạc cổ truyền theo hướng giải quyết sáng tạo mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại. Chị còn tạo nên một phong cách biểu diễn độc đáo, không cần cốt truyện, không cần nhân vật chính-phụ..., sử dụng và phối hợp một cách rất sáng tạo động tác, trang phục, âm nhạc, ánh sáng... gây tác động trực tiếp, sâu sắc đến sự cảm nhận của khán giả. Nội dung mang tính nhân văn cao, nêu lên cuộc sống và số phận của con người trong tất cả đau thương và hi vọng của họ*”.

Với số tiền 4000 CAD của Tặng thưởng đã nhận được, Ea Sola cho biết sẽ sử dụng để “ghi chép và bảo tồn” những công trình quan trọng nhất mà chị đã thực hiện.

QTTVC thông báo : hạn chót gửi hồ sơ đề cử / ứng cử *Tặng thưởng Nguyễn Trường Tộ 2003* là ngày 1.5.2003. Thư từ gửi về Tôn nữ Thị Nga (chủ tịch), QTTVC - Tặng thưởng Nguyễn Trường Tộ, 5732 Esplanade, Montreal, QC, Canada H2T 3A1, Email : qttvc@yahoo.ca và lotusluong@videotron.ca.

Đọc Tuyển Tập Hoàng Phủ Ngọc Tường

Đặng Tiến

Nhà xuất bản Trẻ, phối hợp với công ty văn hóa Phương Nam trong năm 2002 đã nhân nha ấn hành Tuyển Tập Hoàng Phủ Ngọc Tường, trọn bộ bốn cuốn. Sách in đẹp, trên giấy láng, trình bày trang nhã, bìa cứng, đựng trong hộp giấy cứng.

Tập I, 340 trang, thu thập những bài Nhàn Đàm đã đăng rải rác trên báo Thanh Niên.

Tập II, 860 trang, gồm có 31 bút ký rút ra từ 9 tác phẩm đã in từ 1972 đến nay, những ký sự thời thế và chiến tranh pha ít nhiều chính luận, những tác phẩm chủ lực đã làm nên danh phận Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Tập III, 410 trang, gồm những tùy bút ngắn về địa dư, lịch sử, văn học và bằng hữu.

Tập IV, 200 trang, là phần Thơ, bắt đầu bằng bài Rừng Cũ :

Ôi những con đường chỉ một lần qua
Hai mươi năm biết ai còn nhớ

Bài thơ làm giữa Trường Sơn, đã được đài Hà Nội phát thanh đầu năm 1971

* * *

Việc làm của nhà xuất bản Trẻ đáng hoan nghênh và trân trọng giới thiệu, vì nhiều lý do.

Trước hết là vì cá nhân Hoàng Phủ Ngọc Tường. Anh chưa phải là tác giả kinh điển ; anh đã lập thân và lập ngôn trong chiến tranh giải phóng và thống nhất đất nước, một cuộc chiến mà không phải ai cũng tán đồng, về nguyên lý cũng như về kết quả. Hậu quả là những tác giả và tác phẩm “ giải phóng ” chưa được đánh giá đúng mức : có lúc được đề cao quá đáng, lúc khác — nếu không bị nghi kỵ và đố kỵ — thì chìm vào quên lãng. Chưa kể là bản thân Hoàng Phủ Ngọc Tường là nạn nhân của nhiều oan trái, bị một dư luận nào đó liên hệ đến vụ Mậu Thân 1968 ở Huế, mà anh không can dự, vì vắng mặt. Sau đó, anh điều khiển báo Sông Hương, rồi báo Cửa Việt, chủ trương tự do văn nghệ và giao lưu văn hóa, nên báo đã bị đóng cửa, và anh trở thành phản tử khả nghi cho một nguồn quyền lực khác. Nhìn từ phía nào, Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng là con người “ có vấn đề ”. Kể cả từ phía bạn bè.

Từ đó một Tuyển Tập — có thể tạm xem như là Toàn Tập, trong khi chờ đợi — cho ta cái nhìn khá toàn diện về một tác giả, một tác gia, một con người, một địa phương, qua những trân trọng của đất nước từ bốn mươi năm trở lại đây ; nó

làm cơ sở cho cái thương cái ghét, bên ngoài những thành kiến, thị phi và đồn dồn.

Giá trị cơ bản của Tuyển Tập, dĩ nhiên là ở tác phẩm của Hoàng Phủ Ngọc Tường, một ngòi bút lăng mạn và tài hoa, say đắm quê hương, thiết tha với đất nước, tận tụy với văn chương, chung thủy với bạn bè.

Đọc Tuyển Tập Hoàng Phủ Ngọc Tường để thấy những nỗi nênh của nghề, và nghiệp cầm bút — và qua đó — thân phận của người trí thức. Làm sao thủy chung với một lý tưởng trên dòng lịch sử đa đoan, làm sao trọn tình vẹn nghĩa trong cuộc đời đầy phản trắc ; từ những bồng bột, sôi nổi của tuổi trẻ trong chiến đấu đến những băn khoăn trăn trở trong việc xây dựng một xã hội cởi mở, những bài viết của Hoàng Phủ Ngọc Tường phản ánh một thời quá độ gian nan của dân tộc. Tâm hồn cuồng nhiệt của Hoàng Phủ hội đủ những ưu điểm, khuyết điểm và nhược điểm, để con đò lịch sử đưa từ một cực đoan này đến cực đoan kia. Trong trí tưởng của nhiều người, Hoàng Phủ Ngọc Tường là kẻ hành động, là tác nhân của lịch sử, biết đâu rằng anh là nạn nhân, dù là nạn nhân chủ động ; là khách tài hoa, tâm hồn nghệ sĩ anh còn là nạn nhân của mấy chữ nhất phiến tài tình, cho đến một ngày kia, nhận ra rằng : tài hoa cũng chuyện đùa chơi, làm sao thua hết một lời yêu thương.

Về Trịnh Công Sơn, bạn thân của Hoàng Phủ, tôi đã viết “ dù đánh giá sao đi nữa, nhạc Trịnh Công Sơn cũng là sản phẩm của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, trong cả hai mặt tích cực và tiêu cực của chế độ này ”. Nay nhắc lại, để khẳng định và dẫn nhập một ý khác : tác phẩm của Hoàng Phủ Ngọc Tường là sản phẩm của chiến tranh giải phóng trong cả hai mặt khai phá và hạn chế của nó.

Hoàng Phủ Ngọc Tường đã sống dưới chế độ Sài Gòn đến 30 tuổi. Năm 1960, anh tốt nghiệp đại học sư phạm Sài Gòn, dạy Quốc học Huế đến 1966 : đây là thịnh thới của văn chương đô thị miền Nam, mà không thấy anh đăng tải, in ấn gì, trong khi bạn bè đồng lứa và chí hướng đã có sách in như Chứng Nhận của Nguyễn Đắc Xuân, Hoa Cô Độc của Ngô Kha. Bài thơ đầu tiên của Hoàng Phủ được in lại, chắc không phải là đầu tay, là bài Hành Trang, đề ngày lên đường 5/1966, tức là ngày anh thoát ly theo Mặt Trận Giải Phóng. Tập bút ký Ngôi sao trên đỉnh Phu Văn Lâu, nhà xuất bản Giải Phóng in năm 1972 là cuốn sách in đầu tiên, được anh xem như là khai sinh cho sự nghiệp văn học của mình. Hoàng Phủ Ngọc Tường đã sáng tác theo những thói quen của lịch sử nhiều hơn là đòi hỏi cá nhân, nhu cầu nghệ thuật hay tham vọng văn chương. Có thể vì thế, trong văn xuôi, anh không viết gì ngoài bút ký, một thể loại mà chính anh gọi là “ thủ công nghiệp mang tính cách gia công, một sản phẩm văn học thứ cấp , sous-litterature ” trong một bài rất hay về thể ký (tập III, trang 163). Nhưng sự thật không phải vậy, và thật sự anh cũng không nghĩ như thế.

Khi nói rằng sáng tác Hoàng Phủ Ngọc Tường là sản phẩm của chiến tranh giải phóng (không phải của Mặt Trận Giải Phóng) không chỉ căn cứ trên thời điểm, mà chủ yếu là

dựa vào nội dung của tác phẩm. Những trang sách sặc sảo nhất của Hoàng Phủ Ngọc Tường là ký sự hay hồi ký về chiến tranh, dù phần lớn viết vào thời hòa bình, sau 1975, tại thành phố Huế. Trong số các tác giả gốc gác đô thị miền Nam đi theo kháng chiến thời đó, dường như Hoàng Phủ Ngọc Tường là người viết sung mãn, bền bỉ và đều đặn nhất, cho đến ngày anh bị tai biến mạch máu não vào mùa bóng đá thế giới 1998.

Đề tài của tác phẩm Hoàng Phủ Ngọc Tường rộng lớn, đi từ rừng hòn Lạng Sơn đến tận mảnh đất phù sa mũi Cà Mau, từ Nguyễn Trãi đến công chúa Diana; nhưng những bài viết về Huế hay Thuận Hóa quê hương, và hai tỉnh tình nghĩa giáp ranh : Quảng Trị, Quảng Nam là những bút ký hàm súc nhất.

Đặc điểm trong tác phẩm Hoàng Phủ Ngọc Tường là chất trí tuệ, dựa trên vốn kiến thức sâu rộng về địa lý, lịch sử, văn học, kết hợp với lý luận sắc bén, được phô diễn trong hành văn súc tích, say đắm và hào hoa. Tình cảm dành cho đất nước, quê hương, bè bạn, thiên nhiên và nhân đạo vượt ra khỏi khuôn sáo văn chương, trở thành sinh lực lay chuyển tâm tư người đọc.

Hoàn thành văn nghiệp trong những điều kiện lịch sử và xã hội nghiệt ngã, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã tạo cho thể loại bút ký một phong cách riêng, một hơi thở mới, tiếp nối và khai triển kinh nghiệm các bậc thầy của tùy bút là Nguyễn Tuân, Tô Hoài và Võ Phiến.

Mỗi người một cảnh éo le, mỗi tác giả một phiến tài tình, tùy bút của họ sóng sánh thân phận dân tộc, giữa bóng tối và ánh sáng.

Đặng Tiến
23/11/2002

Ghi chú : Sách có bán tại nhà sách Việt, 146 boulevard Vincent Auriol, Paris 13, cùng với nhiều Toàn Tập hay Tuyển Tập : Nguyễn Tuân, Nguyễn Minh Châu, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Văn Xuân, Vương Hồng Sển và nhiều tác giả khác.

Hoa trái quanh tôi

Trong tôi hoa trái rụng đầy,
Từ con chim sẻ lia lây bay hoang.
Một mai chim có về ngần,
E khi sương xuống, lòng toàn bông lau.

Đặng Tiến

* tên một tác phẩm của HPNT

Phạm Duy và Truyền Kiều

Chiều thứ bảy 16/11/2002, tại Đại Học Paris 7 Denis Diderot, nhạc sĩ lão thành Phạm Duy đã trình bày hai nhạc phẩm Minh Họa Kiều I và II, trong khuôn khổ ban Việt Học, nhằm giới thiệu văn chương, nghệ thuật Việt Nam.

Nhạc sĩ Phạm Duy năm nay 81 tuổi, từ Mỹ sang Paris tham dự và dẫn nhập một đêm đại nhạc hội kỷ niệm 60 năm sáng tác của ông : Phạm Duy đã làm bài hát đầu tay năm 1942, phổ nhạc bài thơ Cô Hải Mơ của Nguyễn Bính.

Trước hơn một trăm thính giả, có người đến từ Bỉ hay Thụy Sĩ, Phạm Duy đã cho nghe hai đĩa hát và giải thích tại sao ông chọn Truyền Kiều vì tính cách tiêu biểu. Ông trình bày kỹ thuật làm nhạc, cấu trúc hai nhạc phẩm, đặc biệt nhấn mạnh vào bốn nhạc đoạn do ông sáng tạo : Chiêu Quân, Quảng Lăng, Hán Sở Chiến Trường, và Tư Mã Phượng Cầu mà Nguyễn Du đã dẫn trong Truyền Kiều, nhưng độc giả không rõ là nhạc gì.

Đây là phần sáng tạo mà nhạc sĩ tâm đắc và nhiều thính giả thích thú vì mới mẻ, nhưng cũng có người chê, vì ... không phải là Truyền Kiều.

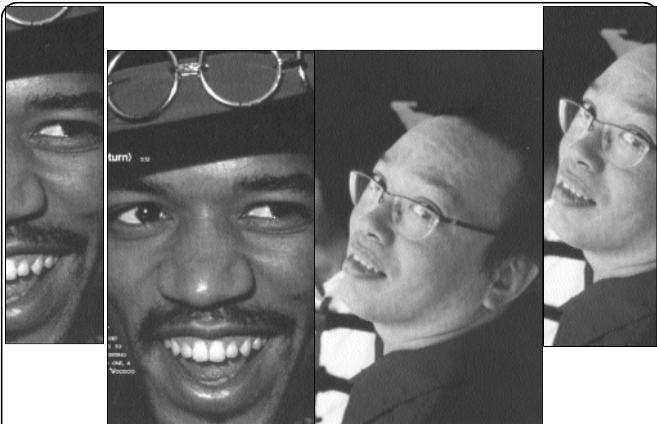
Một cuộc gặp gỡ văn hóa, không có tính cách thương mãi hay tuyên truyền, bao giờ cũng lý thú.

Buổi nói chuyện đã tạo cơ hội gặp gỡ giữa ba tên tuổi lớn lao của ba ngành nghệ thuật : nhạc sĩ Phạm Duy, họa sĩ Lê Bá Đảng, và nhà điện ảnh Đặng Nhật Minh. Ba hành trình khác biệt : Phạm Duy rời Việt Nam trong đợt di tản 1975, để lập nghiệp tại Hoa Kỳ. Lê Bá Đảng, cùng tuổi, đã ra đi từ 1939 trong phong trào lính theta cưỡng bức, và lập nghiệp tại Pháp từ đó. Đặng Nhật Minh sinh ra (1948) và trưởng thành trong khói lửa, sáng tác điện ảnh là một kỹ thuật mới mẻ, kết hợp cả thời gian của âm nhạc và không gian của hội họa, giữa hoàn cảnh khó khăn của quốc nội. Ba hành trình nhắc lại lịch sử của đất nước.

Họ tiếc rằng nhà văn Nguyễn Ngoc từ Hà Nội đến Paris hôm sau, nên đã hụt cuộc họp mặt quân hùng tại Quang Minh Đỉnh ấy.

Mới hay : Trời mùa thu Paris không phải suốt đời làm chia ly, như ai đó, hơn một lần, đã hát.

Ngân Hà



từ
Jimi Hendrix
đến
Nguyễn Lê

Văn Ngọc

Buổi hoà nhạc tưởng niệm Jimi Hendrix, được tổ chức tại rạp hát Victor Hugo, Bagneux (ngoại ô nam Paris), tối thứ Sáu 8-11-02 vừa qua, là một sự kiện đáng ghi nhớ, đánh dấu một thành công mới của Nguyễn Lê.

Chương trình gồm 10 tác phẩm của Jimi Hendrix, từ *Are you Experienced, Purple Haze, đến Voodoo Child*.

Ban nhạc gồm có : Nguyễn Lê, guitar - Michel Alibo, bass - Karim Ziad, dàn trống - Aida Khann - ca sĩ.

Điều mới lạ - so với thời Jimi Hendrix, mà hình ảnh trên sân khấu là tay đàn, miệng hát - là ở đây người hát là một nữ ca sĩ mà phong cách hát khác hẳn với phong cách của Jimi Hendrix ! Cũng như cách chơi guitar điện của Nguyễn Lê, với nhiều "ép phê" điện tử, cũng khác xa với phong cách pop-rock của Jimi Hendrix ! Cách đây 30 năm, biểu diễn ở trên sân khấu với một cây đàn guitar điện cũng đã là tân tiến lắm rồi, bây giờ lại có thêm lầm thử máy móc điện tử cho phép điều khiển được cả bằng chân !

Aida Khann là một giọng nữ hát nhạc jazz-rock khá điêu luyện, với một chất giọng độc đáo. Cách hát của cô vừa năng nổ, sinh động, lại vừa ăn khớp với những "ép phê" âm thanh điện tử của hai cây đàn guitares và dàn trống.

Nhìn chung, phong cách trình diễn của toàn ban nhạc Nguyễn Lê cũng khác xa với phong cách trình diễn của Jimi Hendrix ngày trước. Điều này nói lên những chuyển biến rõ rệt của dòng nhạc pop-rock, ra đời vào những năm 60, để dần dần trở thành dòng nhạc jazz-rock bắt đầu từ những năm 70 trở đi, với những phong cách khác nhau, với ảnh hưởng ngày càng mạnh của những kỹ thuật âm thanh điện tử, cũng như của sự giao lưu giữa các dòng ca nhạc trên thế giới.

Chỉ hơi tiếc là trong một rạp hát không rộng lầm mà ampli lại để quá lớn, nên nhiều khi tiếng nhạc át cả tiếng hát, cũng

như tiếng dàn trống jazz đánh quá mạnh, đôi khi át cả tiếng dàn guitar đi.

Đi nghe nhạc "jazz-rock" có cái thuận lợi và cái thú vị là được tiếp xúc trực tiếp cái không khí trẻ trung, sôi nổi, và ấm cúng của "hiện trường", cũng như được nghe và nhìn thấy các nhạc sĩ chơi "hết mình" trên sân khấu, nhưng ngược lại, có cái bất lợi là khi nhạc đánh to quá - nhất là nhạc điện tử - âm thanh (sono) lại không được điều chỉnh đúng mức, nhiều khi tai thính giả bị no ú, không còn phân biệt được tiếng dàn nào với tiếng dàn nào nữa. Các chất liệu âm thanh bị hoà lẫn thành một chất liệu duy nhất, đó là chất liệu âm thanh điện tử, đôi khi nghe cũng hơi mệt !

Đây có lẽ cũng là một trong những điểm khác nhau quan trọng giữa nhạc jazz-rock, có xu hướng tận dụng âm thanh điện tử, và nhạc jazz cổ điển (New Orleans), hoặc nhạc jazz hiện đại (be-bop, free jazz), thường không cần dùng đến cả micro !

Cũng may, mà khi nghe nhạc thu băng, CD, ở studio, hay thu video trên tivi, không bị hiện tượng đó ! Vì kỹ thuật mixage ngày nay cho phép lọc được âm thanh ngay tại hiện trường, khiến cho nhạc cụ nào chơi solo lúc nào, thì được làm nổi bật lên lúc ấy, tiếng hát cũng vậy.

Nguyễn Lê chơi dàn để tưởng niệm Jimi Hendrix, điều đó thoát nghe tưởng như chỉ là một lẽ tự nhiên, bởi vì từ nhiều năm nay, Nguyễn Lê vẫn hay thích chơi nhạc của Jimi Hendrix, và bởi vì Jimi Hendrix là một cây đàn guitarre điện xuất chúng, mà Nguyễn Lê cũng vậy ! Nhưng có phải chỉ vì Nguyễn Lê sử dụng cùng một nhạc cụ với Jimi Hendrix và hai người có cùng một cách chơi giống nhau, mà Nguyễn Lê đã dành cho Jimi Hendrix những buổi trình diễn nhạc để tưởng niệm người nhạc sĩ tài hoa và yểu mệnh này không ?

Trên thực tế, Jimi Hendrix và Nguyễn Lê có những điểm giống nhau, nhưng cũng có những điểm hoàn toàn khác nhau. Vậy có lẽ cũng nên trả lại cho Jimi Hendrix những gì của Jimi Hendrix, và cho Nguyễn Lê những gì của Nguyễn Lê ?

Dẫu sao, thì việc tưởng niệm Jimi Hendrix như một ca sĩ và một nhạc sĩ thiên tài ở cuối thập niên 60 là một điều đáng làm, và hiện nay, có lẽ không ai tiêu biểu hơn Nguyễn Lê để làm cái việc ấy : không ai gần Jimi Hendrix hơn Nguyễn Lê, cả về tài năng chơi đàn guitarre điện, cả về cách kết hợp tiếng dàn với tiếng hát, và cái gu tìm tòi những âm thanh "diện tử" mới lạ.

Khoảng cách giữa Jimi Hendrix và Nguyễn Lê - nếu có thể tạm gọi như thế - là khoảng cách giữa hai trào lưu, hai phong cách : phong cách pop-rock và phong cách jazz-rock. Ở Nguyễn Lê, phong cách jazz-rock mang đậm ảnh hưởng của nhạc điện tử, với những công cụ máy móc ngày một tân tiến, cho phép tạo ra những âm thanh mới, những "ép phê" mới ; ngoài ra, hẳn nhiên còn có ảnh hưởng của dòng nhạc "world music" nữa, với sự giao lưu qua lại giữa các nền nhạc dân tộc khác nhau.

Tuy nhiên, từ nhạc pop chuyển sang nhạc jazz-rock vào đầu những năm 70 không có một sự đứt quãng, một hố sâu, hay một sự bất ngờ nào cả. Sự chuyển biến đó còn khó nhận biết hơn cả sự chuyển biến từ nhạc jazz New Orleans sang nhạc jazz hiện đại (be-bop, free jazz).

Đáng kể chăng là khoảng cách thời gian hơn 20 năm, giữa

thời của Jimi Hendrix – thời của Woodstock 1969, với cao trào chống chiến tranh Việt Nam ở Mỹ – và thời của Nguyên Lê (kể từ thập niên 80 trở đi) – thời mà những ý tưởng cuồng nhiệt đã nhường chỗ cho những suy ngẫm thầm lặng, mặc dầu chiến tranh vẫn còn đó, ở khắp mọi nơi, và nghèo đói, bất công, cũng hãy còn đó...

Người ta còn nhớ, một trong những hình ảnh cuối cùng của Jimi Hendrix, trên sân khấu Woodstock 1969, với khuôn mặt lạnh lùng, giải khăn đỏ buộc ngang trán, lặng lẽ chơi bản quốc ca Mỹ, với những nốt nhạc kéo dài một cách bi đát, giai điệu bị bóp méo đến độ không còn nhận ra được bài hát quen thuộc này nữa ! Xen lẫn vào đó, là những tiếng đàn tạo nên những âm thanh dữ dội, những tiếng bom đạn xé trời, những hồi còi rú của xe cảnh sát...

Có thể nói đến một khoảng cách về quan niệm nghệ thuật giữa Jimi Hendrix và Nguyên Lê, mặc dầu không có một sự mâu thuẫn gay gắt nào giữa hai nghệ sĩ này.

Từ quan niệm của Jimi Hendrix, coi những solo đàn và solo hát nối tiếp nhau, và có giá trị ngang nhau, đến quan niệm sử dụng tiếng hát trong dàn nhạc của Nguyên Lê ngang hàng với một nhạc cụ, thật ra không có khác nhau mấy. Có khác chăng, chỉ là ở chỗ Jimi Hendrix tự hát những bài hát của mình, tự đệm đàn và chơi solo, còn Nguyên Lê thì sử dụng ca sĩ – như vậy anh cũng có cái thuận lợi là tập trung được hơn vào cây đàn. Cùng lúc, anh cũng đẩy xa hơn cách sử dụng tiếng hát : đặc biệt trong buổi trình diễn vừa qua, người ta thấy tiếng hát của Aida Khann đã hòa quyện với tiếng đàn một cách tuyệt vời. Nguyên Lê đã dành cho tiếng hát một chỗ đứng không thể nào sáng giá hơn. Không còn ai “đệm” ai nữa. Trong quan niệm của Nguyên Lê, rõ ràng tiếng hát có một ưu thế không thể chối cãi được. Anh khai thác từ cái chất giọng của nó, cho đến cái khả năng tạo ra những âm thanh thẩm mỹ mới mẻ, không khác gì một nhạc cụ. Không kể là các điệu bộ và cách di chuyển của người nữ ca sĩ này đã làm cho sân khấu thêm phần sinh động.

Cuối cùng, giữa Jimi Hendrix và Nguyên Lê, có một sự khác nhau nổi bật, đó là sự khác nhau giữa hai tip nghệ sĩ. Một điều, Jimi Hendrix là hiện thân của một thế hệ trẻ Mỹ lớn lên trong một giai đoạn xã hội Mỹ khủng hoảng nghiêm trọng. Bản thân Jimi Hendrix, cũng như các bậc nhạc sĩ jazz đàn anh ngày trước : Charlie Parker, John Coltrane, v.v. đã sống hết mình vì nghệ thuật, nhưng cũng đã chết sớm vì ma tuý. Tôi không kể tên của Charlie Christian, là người mở đường cho guitar jazz hiện đại, mặc dầu Charlie Christian cũng là một thiên tài, cũng đã chết ở tuổi 24, nhưng không phải vì ma tuý, mà vì bệnh lao.

Jimi Hendrix là tip nghệ sĩ bản năng, chơi nhạc và sáng tác nhạc đầy, nhưng không biết đọc nốt nhạc ! Cuộc đời nhạc sĩ của anh thật ngắn ngủi : không quá 5 năm ! Thời gian hoạt động khẩn trương nhất của Jimi Hendrix là giữa những năm 66 và 70, năm anh chết !

Nguyên Lê, ngược lại, là một nghệ sĩ có một quá trình tự đào tạo lâu dài, và có một hành trình văn hoá khác hẳn. Ngay từ những năm 80, trong khi vừa chơi cả nhạc jazz, cả nhạc rock và nhạc funk, anh đã tập chơi đàn bầu và đã có một cái nhìn hướng về những dòng nhạc truyền thống, dân gian, của các

dân tộc, từ Á châu đến Phi châu. Là thành viên của dàn nhạc quốc gia jazz của Pháp (1987-89), anh đã từng chơi với Johnny Griffin, Dee Dee Bridgewater, Michel Portal, Quincy Jones, v.v.

Nói tóm lại, Nguyên Lê có một cái nhìn rất cởi mở và rất “trí thức” về nhạc, đồng thời cũng rất nhân bản. Đưa các giai điệu, nhịp điệu nhạc của các dân tộc vào nhạc Jazz, điều đó không có gì mới lạ. Các vị tiên bối của nhạc jazz hiện đại đã từng làm điều đó, từ Dizzy Gillespie (*Night in Tunisia*) đến John Coltrane (*Africa*).

Điều mới lạ, là Nguyên Lê đã tạo điều kiện cho các dòng nhạc dân gian đó diễn đạt thoải mái trong lòng nhạc jazz. Cũng như, ngược lại, anh đã đem đến cho chúng một luồng gió mới mẻ, khi đưa nhạc jazz vào những bài dân ca Việt Nam, như ở buổi hoà nhạc ở quán Au Duc de Lombard (Paris), hoặc trên những CD mang tên *Moon&Wind* và *Dragonfly*, với ca sĩ Hương Thanh.

Cũng như, trong phần mở đầu buổi tưởng niệm Jimi Hendrix vừa qua, từ hậu bài, Nguyên Lê và ban nhạc của anh đã kín đáo điểm những nốt nhạc đậm và những nét chấm phá rất táo bạo bằng âm thanh điện tử, vào nhạc của Dhafer Youssef – một nhạc sĩ kiêm ca sĩ người Tunisie, tác giả và là người trình diễn những bản nhạc đậm chất dân gian của noi anh xuất thân.

Ngược lại, Dhafer Youssef, sau đó với giọng ca rất đặc biệt của những người dân các vùng sa mạc, hoặc các vùng núi cao, đã nhập vào ban nhạc để làm giàu thêm bởi chất giọng độc đáo của mình cho những bài hát của Jimi Hendrix !

Vận dụng những hiểu biết của mình về những dòng nhạc jazz hiện đại để “xâm nhập” vào các dòng nhạc dân gian, cũng như ngược lại, mở rộng cửa đón nhận những cái hay của các nền nhạc dân gian trên thế giới, đó chính là một trong những khía cạnh đáng chú ý nhất ở tài năng của Nguyên Lê.

Văn Ngọc

Các tác phẩm CD của Nguyên Lê (có bán tại các cửa hàng FNAC)

Nguyên Lê <i>Celebrating Purple Jimi Hendrix</i>	N.L. (2002) ACT
Dragonfly (với Hương Thanh)	Erskine, Lê, Benita (2001) ACT
Bakida	Nguyên Lê (2000) ACT
Moon & Wind (với Hương Thanh)	Nguyên Lê (1999) KB
Angel	Paolo Fresu (1998) BMG
Magrhreb&Friends	Nguyên Lê (1998) ACT
Three Trios	Nguyên Lê (1997) ACT
Tales From Vietnam (với H.T.)	Nguyên Lê (1996) ACT
Million Waves	Nguyên Lê (1995) ACT
Cinemas	Michel Portal (1995) L.Bleu
Sketches	Vince Mendoza (1994) ACT
Any Way	Michel Portal (1993) L.Bleu
Headgames	Andy Emler (1992) L.Bleu
Zanzibar	Nguyên Lê (1992) Musidisc
Mejnoun	Safy Boutella (1991) Indigo
Esimala	Ultramarine (1991) Musidisc
Megaocet	Andy Emler (1990) L.Bleu
Miracles	Nguyên Lê (1989) Musidisc
Dé	Ultramarine (1989) Musidisc
African Dream	O.N.J. (1989) L.Bleu

Thơ Đỗ Quang Nghĩa

I

Ta mang nỗi buồn viễn xứ,
đi trong nỗi buồn mùa thu
nhắc chi những gì quá khứ
sương sa, mưa xuống âm thầm.

II

Trên nỗi buồn lại thêm nỗi buồn nữa
trên lá vàng lại thêm lá vàng nữa
cuộc đời ta ?

III

Ta vẫn yêu mối tình ấy thôi
Ta vẫn đau nỗi buồn ấy thôi
Thu nay có lại như thu trước ?
Non nước bây giờ : năm tháng trôi.

IV

Nghe tiếng chim, mưa tạnh ?
Khoác vội áo ra ngoài.

Lận đận trong mưa thưa
Với dâm lời hát cũ
Trong một chiều xa vợ
Trong một chiều xa con
Trong một chiều xa nước.

Đêm về nghe gió sang.

*

Những nụ cười tưởng chừng vĩnh cửu
Một ngày vùi xuống đất sâu.

Quê hương tưởng không gì chia cắt
Một ngày đã vĩnh viễn xa

Chiều Long Biên đạp xe về phố,
Hà Nội đèn vàng, chỗ sáng chỗ không.
Đồi quang gánh ngoại ô, đồi nón cũ,
Lá rụng xuống đường, gió bắc qua đêm.

... Ngang đời - trôi quá khứ.

*

Và mịt mờ như sương, Chopin
và ngọt ngào bi thương, Chopin

Đâu cũng như quê,
đâu cũng không quê, Chopin.

*

Trăng nhoè ,
nằm trong nỗi của mây
Đêm nhoè ,
nằm trong nỗi của sông
Tiếng chuông nhà thờ còn nguyên trong gió
Em là ánh sao trong nỗi nhớ của anh.

*

Trăng rất mảnh, trong một đêm đầu xuân
sương rất mỏng, trong một đêm đầu xuân
Đường rất nhỏ đưa hồn đi xa ngái :
phố, mưa phùn,
sau một đêm : mùa xuân !

*

Phố cổ vào đêm,
ánh đèn pha chiếu lên nhà thờ lớn.
Những mái nhà lặng lẽ, những bầy chim thôi bay.
Những thế kỷ bên nhau, những vì kèo dầm gỗ.
Những dây leo theo dấu thời gian.

Phố cổ vào đêm, khách quen vào quán.
Hắn, ngu ngơ, làm khách ly hương.

*

Vũ trụ của anh: đoạn sông nhỏ bé,
hoa dại theo mùa, lá lúc thu sang.

Ước mơ : một loài chim trên sóng
những cuối chiều - vỗ cánh - bay lên,
giữa nước xanh, trời xanh, yên vắng.

người ơi, ta nhán...

Người rằng : “ con nhện giăng mùng ”(*)
ta biết nói sao,
đêm ta mơ :

dòng sông thành đường Autobahn (**)
những chiếc ô-tô lao điên cuồng trong tối.

Ai nhớ ai mắt cười da diết
gió đưa mưa vai ướt, bạn về.

Người ơi,
ta nhán :
từ đây,
bao giờ ?

(*) Những câu hát quan họ
(**) Đường ôtô cao tốc ở Đức

(Đỗ Quang Nghĩa, **nhus những mùa thu**)

Cuộc vui ít có

Vũ Trọng Phụng

LTS. Truyện ngắn *Cuộc vui ít có* viết theo lối trào phúng, được Vũ Trọng Phụng sáng tác vào tháng 11-1933 với bút danh Thiên Hư, nhưng chưa được in trong các tuyển tập Vũ Trọng Phụng từ năm 1987 đến nay. Truyện do Deter Zinoman - nhà Việt Nam học người Mỹ - tìm thấy vào tháng 5-2002, đã được đăng lại trên báo Nhân Dân điện tử.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh nhà văn (1912-2002), Diễn đàn xin giới thiệu với bạn đọc truyện ngắn này.

Tôi ở chơi nhà một người bạn ở làng này đã trọn năm hôm, sợ phiên nhiễu mãi người anh em không tiện nên buổi trưa hôm ấy đã định tâm xin phép “xách khăn gói” lên đường.

Giữa lúc khách xin ra đi, chủ nhất định giữ lại, chưa ngủ ra sao, chợt thấy chó sủa vang lên với tiếng người nhà quát chó âm ĩ. Rồi một người đã đứng tuổi, mặt đỏ bừng nhiệt khí của thần rượu bước vào. Bạn tôi quay ra tiếp khách, tôi cũng phải giữ lẽ, lại ngồi xuống ghế, lặng im.

Đây câu chuyện của hai bên :

- Góm, ông anh bạn gì mà cho nó sang mòi năm bảy lượt cũng chả chịu sang cho.

- Tôi đã xin đến chiêu sang mà lại...

Ông khách đó tức khắc hiểu ý, quay lại phía tôi mà rằng :

- Hay là nhân tiện chẳng mấy khi ngài về, mòi ngài dời gót ngọc lại tệ xá xoi chén rượu nhạt mừng cho ông tôi thì chúng tôi lấy làm hân hạnh quá. Thế nào ? Ông anh bảo thế có tiện không ?

Tôi chưa biết đáp ra sao, cũng chưa hiểu đâu đuôi thế nào, bạn tôi đã đỡ lời hộ :

- Vâng, để tôi xin nói với anh tôi. Nhưng dù sao cũng xin cho đến bữa chiêu...

Ông kia ra ý rất hài lòng :

- Vâng, thì đến chiêu. Miễn các ông anh nhận lời cho là đủ. Thật là may quá ! Thôi, thế tôi xin phép...

- Kìa, hãy ngồi chơi uống chén nước đã...

- Thôi tôi phải về thu xếp cho bạn khách ấy trổ tài cống hiến chư vị trong làng đây !

- Cái gì ? Bạn khách nào trổ tài ?

- Kìa, thế ông anh chưa biết à ? Bạn khách làm trò quý thuật mà lại...

- Thế à ? Lời ở đâu về thế ? Sao bảo hát chèo ?

- Không, hát chèo sợ té và thường quá. Nhân tiện có bạn khách đang kiếm ăn ở phủ nên tôi thuê về nhà làm trò cho thêm vui. Này, ôi chà ! Họ lầm cái giỏi lắm !

- Thích nhỉ ! Thế thì nhất ! Nhưng bao giờ ? Họ đã về chưa ?

- Rồi ! Đang sắp sửa đấy... Hay là mòi hai ông anh cùng sang một thê ?

- Thôi được, bác cứ về. Dăm phút nữa chúng tôi đi.

Khi ông ta đi rồi, bạn tôi mới “giới thiệu vắng mặt” đó là ông thủ quỹ, nhà đang có việc mùng vì ông bố ăn khao bảy mươi.

Tôi chưa kịp trách bạn tôi sao đã vội nhận trước khi biết ý tôi thế nào, bạn tôi đã nói chặn :

- Nhận cũng phải. Người ta là người trung hậu tử tế, mình phải nể lời. Vả lại... có ngại gì ? Trước lạ thì sau quen !...

Rồi bạn tôi ra với lấy cái khăn trên mắc áo.

Gần khắp mặt già trẻ lớn bé trong làng tề tựu cả ở sân nhà ông thủ quỹ để chờ sẵn cuộc cầu vui cho mắt.

Các cụ ngồi đao mạo trên những bộ ghế trải chiếu cạp điêu người lớn với trẻ con đứng thành một ô vuông, mấy chú khách thì đang soạn mọi thứ đồ dùng, thỉnh thoảng lại khoan tay lục hòm để vỗ về vuốt ve một con bú rù⁽¹⁾ và một con chó.

Đến lúc đồ lề đã bày ra la liệt đâu đáy rồi, ông thủ quỹ ra giữa sân, đứng cạnh một chú khách cởi trần trùng trực đầu trọc lốc, hai mắt nhỏ tí như mắt lươn nhưng bắp thịt ở ngực với ở tay nổi như những khúc rắn quấn khắp người, rồi ông lên tiếng :

- Thưa các cụ, các ông, các bà đã có lòng yêu đến mừng cho cụ tôi, tôi thật cảm tạ lắm. Đáng lẽ chúng tôi xin hiến các cụ với các quan viên hàng xã một buổi tối xem hát chèo, nhưng vì nghĩ rằng chèo là sự thường và sợ té nên tôi phải mời mấy chú này về trổ tài ở đây. Những chú này có võ nghệ, có nhiều thuật rất tài tình, lại có nội công nữa. Một chú sẽ cầm thiết côn đập vào ngực mình cho mà xem. Rồi chú ta lại lấy dao nhọn đâm vào cánh tay nữa. Xong chú ấy sẽ hiến các cụ các quan một thứ thuốc cao để rít đòn... Các chú sẽ trổ tài về võ nghệ và nội công (ông quay hỏi chú khách), có phải nội công không ?

Chú kia gật đầu :

- Nội koòng, nội koòng, pải !

Một cụ râu ba chòm phán :

- Nếu đích là nội công thì mới thật là giỏi chứ nếu quý thuật là có khố riêng rồi, là không giỏi...

Một cụ khác, có ria mép, thêm :

- Nội công hay không nhưng nếu sau phải lấy thuốc cao rít thì cũng chẳng có gì là phi thường.

Ông thủ quỹ hơi có ý bất mãn :

- Nếu các cụ không tin những nhời tôi tiến dẩn thì cứ việc xem xét cho kỹ lưỡng mọi vật dụng đi. Đây, thiết côn, đây dao, với thuốc cao nữa đây này... Tôi xin cam đoan cuộc này là một cuộc vui ít có.

Một cụ cao niên hơn cả đỡ lời :

- Đây chỉ có cụ Tỳ, cụ Phế là hai vị danh sư thì mới đủ tư cách...

Bạn người làng cũng vội :

- Chính thế, nhân tiện hai cụ xem hộ cả thuốc cao cho chúng con.

Cụ lang Phế, cụ lang Tỳ - hai cụ hoài nghi lúc nãy - cùng với vàng xuống ghế ton ton ra khám xét ngay.

Cụ lang Phế cầm cái thiết côn :

- Cái này không rỗng ruột đấy chứ ? à, không.

Cụ lang Tỳ bĩu môi :

- Không ! Đã chắc là không à ?
- Con dao này có lò xo ở chuôi không ? à, không thật.
- Phải khám kỹ vào chứ !
- Thuốc cao đây à ? Dễ thường không phải...
- Đưa tôi xem nào ! Chả thuốc cao thì còn là...

Cụ Phế thấy ông đồng nghiệp khó chịu, phát gắt :

- Cụ làm lỗi gì thế ? Cụ coi tôi là thằng ngu ư ? Dễ thường chỉ một mình cụ biết nghề thuốc !

- Thế này mà bảo không phải thuốc cao !

- Thôi, tôi chịu ông rồi mà !... ở vùng này chỉ có một ông biết nghề thuốc !

- Biết hay không mặc xác tôi !... Anh không phải cà...

- Thì việc gì anh phải khoe giỏi ? Đám ma nhà chi Hai Vòm lăn đường mè mới ngày hôm kia... Anh bốc thuốc tài hơn tôi thật chứ lại !...

- A a ! ... Nhưng bà cụ mẹ chị ta thọ đã ngoài sáu mươi rồi. Anh muốn đổ tại tôi ư ? Thôi sao anh không nhắc đến chuyện con đĩ Chất anh bốc có hai thang mà lăn ra chết ?

- Hai thang ? Hai thang ? Đứa nào ngoa ngôn thì giờ đánh nhé ? Ai bảo nó sốt lại đi ăn chuối tiêu vào !... Hai thang à ? Thế anh chỉ bán có một gói thuốc đau bụng mà thằng nhiêu Toét suýt bỏ mạng thì sao ? Thế mà cũng đòi là lang ! Lang thế mấy lúc mà tù một gông ! Lang băm ấy à !

- Lang băm ? Có lẽ !... Nhưng không làm đọa thai người nào thì thôi !

- À ! Anh này to gan nhỉ ? Nói nốt đi, nói nốt đi xem nào ?

- Chứ lại sợ à ? Sẽ nói tại tòa sứ cho mà xem...

- Nay không phải dọa... Quan tinh sẽ trói anh lại có ngày. Dễ không có người đau mắt nhò anh đánh mộng rồi nổ con ngươi ra đấy ư ?

- Số nó mù thì ai biết làm thế nào ? Anh có muốn tôi nói rõ tên thằng bé sai suyễn mà anh cứ bốc mãi thuốc chữa dạ dày không ?

- Anh là thằng khốn nạn nhé. Cả nhà chánh hội Bầu mắc ghẻ ruồi mà anh dám nấu cho nó thuốc tim la anh quên rồi à ?

(Cả nhà chánh hội Bầu kéo nhau ra về)

- Thế còn nhà trưởng Toe thì sao ? Nó hôi nách mà chưa mãi bằng lá ô nhĩ trong sáu tháng giờ à ?

(Trưởng Toe đẩy ba người ngã, đổ mặt chạy)

- Sáu tháng ? Thế trong hai năm sao anh không chữa cho tan cái hạch ở háng cô Thoa đi ?

(Cô Thoa trước khi chạy, kêu to : Đô khốn nạn !)

- Anh có muốn tôi kể đến cái mụ góa chồng mà ngày nào anh cũng lại đốt ngải cứu ở mông đít không ?

- Anh không sợ tôi réo tên con bé mới mười lăm tuổi mắc bệnh đau tức mà anh cứ lấy rượu thuốc để anh xoa vú nó à ? Lang gì ? Dê già thì có ! ...

Người xem bỏ chạy gần hết. Chỉ còn hai anh giai làng tuổi còn lắc cắc, bò lăn ra giữa sân không dậy được, vì cười...

Chú khách giơ hai tay lên giờ :

- Tiu nà ma cái lỗ phô ! Ngổ ti về cái nội koòng !...

Trong mấy chục năm giờ, thật chỉ có độc một lần này tôi xem được một " cuộc vui ít có ".

VŨ TRỌNG PHUNG

(*) Con bú rù (dù) : con khỉ.

Đi hết đường mưa

PHẠM HẢI ANH

Anh đâu buồn mà chỉ tiếc
Em không đi hết những ngày đắm say
- lời bài hát -

San về. Bà dì ruột mừng cười như mếu, chốc chốc lai trách : " Sao về không báo trước ! ". San nhìn dì nhỏ thó, búi tóc bạc lát lèo sau gáy, tất tả dọn dẹp chỗ cho mình. Trong một lúc chợt không nghĩ tới Vũ. Trong một lúc rưng rưng sao mình quên nơi này quá lâu.

San ra bể múc nước mưa rửa mặt. Bé cạn. Tay San không quen, cái gầu cao su đậm bờm xuống mặt nước, vọng vào thành bể âm âm. San vục nước định uống, suýt chạm môi vào mấy con nòng nọc. Buồng tay, nước văng tung toé. Con nòng nọc giẫy giụa trên nền gạch. San ngắt cái lá chanh, vớt nó lên, thận trọng mang ra ao thả. San nhớ Ngần, Lượng. Ba đứa làm hàng ăn sát sinh nhiều, ngày rằm tháng bảy mua ốc sống phóng sinh. Tháp hương cúng xá tội, tàn cong vút, lòng thành giờ đã chứng giám. Ngần bàn hay bót lại nửa chỗ ốc, sẵn bếp luộc ăn chơi. Nước mắm gừng, lá chanh thơm, ốc nóng, ớt cay. Ngần nhóm bếp ba lần, cuối cùng chỉ còn vỏ ốc đổ vào thùng rác. Những con ốc kém may mắn.

Ngân từ quê lên, mới đầu chỉ đứng phụ bếp, sau chuyển lên chạy bàn. Ngân có cặp chân thon dài, thẳng khít tuyệt đẹp, nhưng phải cái nhiều sẹo. Ngân đi tất đen che kín, mặc váy ngắn, trông hấp dẫn. Ngân mê Lượng. Lượng đàn ngọt, tóc dài rủ rủ rất nghệ sĩ. Lượng cũng chạy bàn, khi ránh rồi chơi đàn phục vụ khách. Đi làm ở đây chỉ có San hay mặc áo dài, tóc buông mượt ngang lưng. Nhiều khi đứng ghi thực đơn, thấy gáy mình nhợt nhạt, San quay lại gấp cái nhìn Lượng nóng bỏng. Lượng hay hát bài Thời hoa đỏ. " Dưới màu hoa như lửa cháy khát khao, bước dọc trên con đường vắng năm nao, chỉ có tiếng ve sôi ồn ào, chẳng chịu cho lòng mình yên chút nào... Mỗi mùa hoa đỏ về, hoa như mưa rơi rơi, cánh mỏng manh tan tác đổ tươi... ". Mỗi lần nghe Lượng hát, San lại hình dung ra con đường đến trường phủ kín những dàn hoa tigôn màu máu. San hái cả nón hoa thả xuống hồ Tây, ngắm vạt hoa như lửa cháy bênh bông loang trên mặt nước. Những chuyện đó San không bao giờ kể cho Lượng. Lượng cũng không bao giờ hỏi. Chỉ hát và ngắm San từ sau lưng. Suốt ba năm như thế. Rồi San lấy chồng, làm đám cưới ngay tại quán ấy. Lượng không đến dự. Ngân cũng đã thôi làm. Ngân chửa hoang, phải về quê đẻ. Hình như đứa con ấy của Lượng.

San tựa lưng vào gốc ổi già. Cành ổi ngả xoài trên mặt ao phủ kín bèo. Giống ổi đào, ruột chín đỏ như son, hạt chi chít khó ăn nhưng thơm sực nức. Đến mùa, hương thơm sóng sánh ba gian nhà, những giấc trưa cũng đượm mùi ổi chín. Vũ..., mà thôi, không nên nhớ đến Vũ. Vũ chưa từng tham dự vào cuộc sống này của San. Đã thèm biết bao được chỉ cho Vũ thấy, căn nhà cổ này, rằng ổi bị quên lãng này, cả tiếng cá đớp nước khe khẽ dưới mặt ao bèo. Vũ hứa anh sẽ đến. Và không đến.

Ngân thế nào cũng không được. Bà dì nhất định bắt con gà duy nhất làm cơm đái San. Con gà bị ghì chặt cả chân lẫn cánh, nầm ngoeo cổ. Bàn tay già héo kề con dao sát cái cổ gà đã vật trại lông, đường gân máu pháp phông khiếp đám. Dì lẩm bẩm khấn : “ Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát. Tao hoá kiếp cho mày kiếp này. Kiếp sau mày lên làm người, đừng oán. ” Con dao khía mạnh. Máu phun phè phè vào chiếc bát sành kê phía dưới, đỏ bầm. San thảng thốt kéo tay dì. Con gà vùng ra, chạy điên cuồng. Cái cổ bị cứa dở ngúc ngắc, máu tuôn nhuộm ướt bộ lông nó, rải thành vệt sấm nhảy nhảy trên sân. Những con gà bán sẵn trong quầy hàng. Không còn giọt máu nào trong những thớ thịt đông lạnh của chúng. Không có chút thèm sống nào lộ ra trên những cuống họng đứt lìa đó. Và San cũng không một thoảng sám hối hay khát thèm nào khi mua chúng, nấu, ăn rồi quẳng vào thùng rác những mẩu thừa. Vũ..., Vũ sẽ nói gì khi nhìn thấy cảnh này? Mà thôi, đã bảo là đừng nhớ tới Vũ.

Bữa cơm không có thịt. Con gà chắc đã chết vùi đâu đó. Một cái chết đau đớn, chậm chạp. Bà dì nhắc đi nhắc lại thế nào cũng tìm thấy, nó chẳng chạy đi đâu xa được. Để chiều nay gọi cái Ri về thăm San rồi sai nó đi tìm. San cười ngượng nghịu, thấy mình vô duyên. Biết thế đừng kéo tay dì, cứ để mọi chuyện như tự nó vốn thế. Chồng San nói em làm gì cũng nửa vời. Nửa đời để đắn đo, nửa kia để ân hận. Rút cục còn lại được bao nhiêu cho mình. Lúc đó hai người đang đứng dưới chân thác nước. Dòng thác chảy vắt từ đỉnh núi cao ngất phía trên. Nắng soi qua những hạt nước trong vắt ánh lên bảy sắc cầu vồng. Những chùm hoa dài ướt đẫm run rẩy bám trên vách đá. Phía dưới, biển và trời trộn vào nhau xanh thẳm, hun hút. Nếu dang rộng cánh tay, San sẽ bay bổng vào khoáng xanh vô tận đó. Không bao giờ trở lại, không bao giờ còn phải bận tâm vì những toan tính nửa vời... Nhưng San đứng bất động. Gió thổi tóc bay cuồng loạn. Thác nước phông lên, màn nước trắng mềm mại vờn múa như tà vách cưới của người trình nữ đẹp nhất thế gian. Khi yêu nhau anh bảo San là Giáng Tiên bê cành mẫu đơn để lụy cho Từ Thức. Anh không tưởng tượng ra Giáng Tiên ngày ngày tất bật chờ búp gạo tiên, đêm về cùng anh trên chiếu chăn nhâu nhĩ mô hôi. Giáng Tiên không sống được ở cõi trần. Nàng trinh nữ chết trong đêm hợp cẩn đầu tiên. Chỉ còn người đàn bà trần thế muốn cùng anh chia sẻ muối mặn gừng cay, những lo toan tiền nhà, tiền điện. Nhưng anh chỉ yêu Giáng Tiên. Chàng Từ Thức không biết mình tìm gì, mất gì khi Đào Nguyên đóng cửa và quê cũ cũng chẳng còn. Trước mặt San, dòng thác vẫn ào ào tuôn chảy. Triệu triệu hạt ngọc trai lớn nhỏ lao mình xuống vỡ tan thành bụi nước li ti. Đã chảy và tan vỡ như thế cả nghìn năm rồi.

Buổi chiều, cái Ri qua. San vẫn giữ tấm ảnh Ri hồi bé. Tóc cắt ngắn, mặt tròn vạnh, miệng cười hớn hở phô hàm răng nhô đều như bắp non. Người phụ nữ trước mặt San không còn vẻ gì như thế. San nhìn đôi dép lê nhựa dưới chân Ri, nhìn mói tóc kẹp dí cầu thả, nhìn gương mặt sạm nắng, vạc từng nét nhợt nhạt... Trong một giây ấy, San hiểu tất cả đã khác đi nhiều lắm. Không còn San và Ri những ngày đi mót dòng dòng. Cánh đồng lúa ngâm sữa ngát hương, muôn muôn bay rào rào. Ri bắt nhanh lấm, xiên thành xâu, nướng lửa rơm thơm cháy nước miếng, bao giờ cũng nhường San con to nhất, béo múp. Ri nắm chặt tay San chạy thực mạng trên con đường làng gỗ ghè ngang cầu Tủng lấm ma. Ri cười khanh khách thấy San

ngắn ngơ ngắm đám rau cần mọc lô nhô dưới đáy nước. San còn nhớ nước trong lầm, con kênh chở cả mây trời, rau cần xanh mướt mướt ngọt ngon vờn trong mây... Ri ngày ấy không phải là Ri như bây giờ và San cũng thế. Ngón tay San nuột nà, quần áo, giày dép San, cả hương thơm thoang thoảng từ mái tóc... chúng thuộc về một cuộc đời khác, nằm ngoài tưởng tượng của Ri. Không có cách nào vượt qua và chia sẻ. Ri lúng búng mây câu hỏi thăm, đi quanh sân tìm ra con gà chết rất nhanh rồi theo dì vào bếp đun đun nấu nấu. Dì vẫn đun bếp rom. Căn bếp tối, ngọn lửa ấm sáng bập bùng. San tủ té hỏi chuyện Ri. Ri bảo Ri làm ruộng, khi nông nhàn thì buôn hàng xá. Chở mấy chục cân gạo, đạp xe từ quê ra thành phố giao lẻ từng nhà, đi như thế, một ngày bảy mươi cây số, kiếm được mười mấy nghìn, cũng tạm đủ ăn. “ Nhà quê chúng em đâu tắt mặt tối khổ lầm chẳng được như chị đâu! ”, Ri nói rồi thở dài. San cũng thở dài. Đoạn trường ai có qua cầu mới hay.

Bữa ăn tối có đĩa thịt gà rắc lá chanh. Cỗ cánh nấu măng. Hai mẹ con dì thay nhau tiếp thịt đầy bát San. San ăn dè dặt, hình ảnh con gà bị cắt tiết vẫn lớn vởn. Dì ấy nay bảo cơm nhà quê chẳng có gì ngon. San có thèm gì nói cho dì biết để mai ra chợ điếm sớm. Nếu Vũ ở đây chắc sẽ cười những lo âu lầm cảm của dì. Vũ coi thường miếng ăn uống, chuyện xác thịt. Với Vũ, chẳng có gì tồn tại ngoài những tâm hồn lớn cùng tần số gặp nhau, hút nhau làm nổ tung cả vũ trụ. Trong những cú Big Bang đó, mối lo về miếng thịt của bà dì thật túm mủn. San nhớ đến Phú. Phú đeo vàng nặng trĩu, đến nhà hàng San làm thường xuyên, trả từng tập tiền lớn bắt San đếm. Mắt Phú đăm đuối ngắm San, ngắm tiền. Còn Quang nữa, những đêm hè Hà Nội ve kêu nôn nao, ghì San dưới vòm cây nhãn, cái hôn chiếm đoạt ướt đẫm, tuyệt vọng, làm San ngạt thở... Những người đàn ông đi qua đời San. Rốt cuộc không một ai để ý đến gốc khuất này. Không ai cùng San trở về. Không ai chi chút dành cho San cái phần ngon quý nhất mà mình có. Như dì. Mà San chỉ là đứa cháu chọt tat về để mai lại ra đi. Cuộc rượt đuổi không có tận cùng.

Mưa. Mưa nhà quê khi trời chiều nhập khoạng. Vườn chuối lá già rách toị tả, lá non run rẩy rung lên đón mưa. Mưa đậm xiên xuống mặt ao. Những vòng sóng chằng chịt giao nhau, có nỗi niềm nào loang rộng mãi chẳng thể nào thu lại. San đã ngắm mưa như thế này bao nhiêu lần. Mùa hè năm ấy bão to, San cũng ngồi bên cửa sổ này, sướng điên lên nhìn những trái bưởi bị gió giật rụng đầy quanh gốc cây. Lúc ấy San không hiểu sao được nhiều bưởi thế mà dì lại thở dài. Rồi lần San và Ri tắm mưa bắt cá rô rạch cạn. Vắng bên tai San như còn cả tiếng cười lanh lanh của cái ngày rất xa xưa ấy. Và những lần ngắm mưa khi tuổi lớn, bâng khuâng đợi một cái gì không rõ. Mưa phùn cẩm cẩm trên đường về một mình ảm đạm. Vòm cây không đủ che tóc ướt. Chiếc lá còn xanh rơi ngang đường khẽ như tiếng thở dài. Cũng mưa ấy rắc xuân lên nụ đào Nhật Tân ngày gặp Vũ. Mùi khói pháo thơm lan trong mưa lộc đêm giao thừa. Mưa trên sóng hồ Tây cái buổi chiều San nói lời tạ từ. Những cụm bèo vật vã, trôi nổi trong mưa. Bèo mây tan hợp.... Mưa. Giây phút này San thèm biết bao nhiêu một vòng tay ấm. San, nửa đời đắn đo, nửa đời nuối tiếc. Cũng có lần muốn trao hết. Nhưng chẳng có ai nên dành gửi vào hư không.

Amsterdam, tháng năm mưa 2001

Phạm Hải Anh

Đọc **SECRETS**

Hồi ức của Daniel Ellsberg 1

Trần Hữu Dũng

Đối với nhiều người Việt ở thế hệ nào đó thì tên Daniel Ellsberg không xa lạ. Ellsberg của *Pentagon Papers*,² của phong trào phản chiến, “người nguy hiểm nhất nước Mỹ” dưới mắt Nixon và Kissinger ... Hồi ức của Ellsberg sẽ làm nhiều người đọc bàng khuông hồi tưởng đến những kỷ niệm trong quá khứ của chính mình.

Quyển sách đóng ngoặc khoảng thời gian từ 1964 (chính vào thời điểm xảy ra sự cố vịnh Bắc bộ) đến 1972 (khi Ellsberg được toà bãi miễn tội tiết lộ “ bí mật quốc gia”), viết với một giọng văn chừng mực, từ tốn, cấu trúc cân đối, không gì có thể xem là “giật gân” kiểu câu khách rẻ tiền. Hầu như trên mỗi trang là những sự kiện quen thuộc, những nhân vật quen thuộc, những địa danh quen thuộc. Quá quen thuộc. Và đó chính là một thất vọng tương đối lớn cho người đọc : hồi ức này không có một phát giác lịch sử nào mới.

Tuy nhiên, người viết hồi ký (dù là một nhân vật lịch sử) không có bốn phận của một sử gia. Xem hồi ký, người đọc có hai mục đích (ngoài việc giải khuây) : muốn biết thêm về cuộc đời tác giả, hoặc muốn biết thêm về những sự kiện lịch sử mà tác giả đã đích thân chứng kiến. Giá trị một quyển hồi ký có thể chỉ ở chỗ nó cung cấp những tư liệu của chỉ một người, những tư liệu mà sử gia chuyên nghiệp có thể dùng để đan thêu một tấm tranh toàn cảnh. Nhìn từ góc độ ấy, hồi ức của Ellsberg có nhiều điều thú vị. Đối với người đọc này, nó cho thấy có một sự nhất quán giữa hành động và tư tưởng của Daniel Ellsberg, nhà lý thuyết.

Ngay từ khi còn ở đại học, Ellsberg đã là một ngôi sao sáng trong giới nghiên cứu về thuyết quyết định (decision theory) và thuyết trò chơi (game theory), với nhiều đóng góp lớn. Đề tài luận án tiến sĩ kinh tế (Harvard 1962) của ông là “Rủi ro, Mơ hồ, và Quyết Định” (Risk, Ambiguity, and Decision), trong đó khám phá quan trọng nhất là “nghịch lý Ellsberg”,³ cho đến nay vẫn còn là đề tài nghiên cứu và giảng dạy. Nhờ như vậy, rồi đọc hồi ức của ông, người đọc sẽ không ngạc nhiên với cái ám ảnh của Ellsberg về vai trò của thông tin trong quyết định và trong thương thuyết, đối xử. Đối với ông, đại họa là khi sĩ quan chiến trường báo cáo lão với chỉ huy, chỉ huy phúc trình lão với bộ trưởng, bộ trưởng báo cáo lão với tổng thống, tổng thống tuyên bố lão với dân. Và theo Ellsberg thì tình trạng đó xảy ra chỉ vì ai cũng viện cớ là phải giữ bí mật, do đó ông cho rằng bật mí những bí mật đó thì các quyết định (vô tình sai lầm, hoặc cố ý lừa bịp) dựa trên những dữ kiện bịa đặt sẽ không thể có.

Hệ luận của sự quan trọng của thông tin là quan trọng của sự am tường quá khứ và lịch sử. Ellsberg thảng thốt khi thấy Kissinger không hề tò mò về chính sách Mỹ đối với Việt Nam trước ngày Kissinger tham gia vào chính phủ Nixon. Nói cách

khác, những hành động của Ellsberg sau này có thể được xem như hậu quả của một động lực trí thức và một lương tâm đạo đức, không chỉ là cho Việt Nam. Nếu như không có chiến tranh Việt Nam, nhưng nếu phải đương đầu với chiến tranh hạt nhân chẳng hạn, thì Ellsberg có lẽ cũng sẽ tiết lộ bí mật như thế. Sự nhất quán ấy làm người đọc này ngạc nhiên.

Vì cho rằng thông tin là quan trọng, không những cho dân chúng nhưng còn chính cho những người làm chính sách, Ellsberg nghĩ rằng một khi dân chúng Mỹ biết rõ sự thật về Việt Nam thì họ sẽ có những quyết định đúng (tức là đòi hỏi Mỹ phải rút ra khỏi Việt Nam). Nhưng sự việc đã xảy ra không như ông trù tính : dư luận dân chúng Mỹ hầu như không bị ảnh hưởng gì bởi nội dung những thông tin mà *Pentagon Papers* cung cấp cho họ. Như vậy, vai trò thông tin trong những quyết định “hợp lý” (rational decision) có thể là không quan trọng như Ellsberg tưởng. Hoặc là con người thường có những quyết định phi lý, hoặc là, trên thực tế, quyết định không chỉ dựa vào thông tin mà còn dựa vào tình cảm và những cảm tính “bất hợp lý” khác.

Quyển hồi ức này sẽ không làm ai thay đổi ý kiến về vai trò của Ellsberg trong chiến tranh Việt Nam. Nhìn lại, hầu như mọi người (kể cả Ellsberg, ngay từ 1973) đều công nhận rằng *Pentagon Papers* đã không có ảnh hưởng trực tiếp đến cách chiến tranh ấy kết thúc, thậm chí ảnh hưởng của nó đến phong trào phản chiến cũng là không đáng kể : phong trào này đã có từ trước Ellsberg, và ngay trong (và sau) thời kỳ ông hoạt động phản chiến thì còn rất nhiều người đóng góp hơn ông, hi sinh hơn ông, dù ít được biết đến như ông. Sự thực là thế. Ngay trong chừng mực mà Ellsberg đã có ảnh hưởng, ảnh hưởng đó không ở chỗ ông ta phơi trần sự lừa dối của chính quyền Mỹ, nhưng ở chỗ ông làm Nixon chột dạ, dùng những thủ đoạn phi pháp để bôi lọ tên tuổi ông, nhằm bưng bít bí mật. Chính những phản ứng cuồng dại ấy của Nixon đã khiến chiến tranh Việt Nam kết thúc như cách đã thấy.

Nhìn từ một góc cạnh thì có sự nhất quán giữa hành động Ellsberg và lý thuyết Ellsberg. Nhưng từ những góc cạnh khác thì Ellsberg là một người đầy mâu thuẫn và phức tạp, tuyệt thông minh, lâm tình cảm, và khá bốc đồng. Ông sống nhiều dòng đời, song song và tương phản. Một dòng đời trong thâm cung bộ máy quốc phòng Mỹ, và một dòng đời giữa phong trào phản chiến chống lại bộ máy đó. (Còn có thể kể thêm một dòng đời thứ ba, liên hệ đến phái nữ, hình như cũng “bận rộn” khác thường). Trong mỗi dòng đời ấy ông đi từ thái cực này sang thái cực khác. Từ hùng hổ hiếu chiến sang phản chiến hiếu hòa, từ tôn sùng John Wayne sang trọng vọng Martin Luther King. Ellsberg cũng nhiều cảm tính và hay bốc đồng. Chẳng hạn như ông ta nổi hứng xin theo Lansdale qua Việt Nam chỉ vì mấy hôm trước thấy cô bạn gái hơi thân mật với người khác. Hoặc là trở thành phản chiến vì nghe tiếng nói lúi lo của một cô gái Ấn Độ có khuôn mặt xinh đẹp.

Nhiều người (như Tom Wells⁴) cho rằng Ellsberg đã luôn bị chấn loạn tâm thần là do một sự đè nén tâm lý nào đó (ẩn ức tình dục, phản chống gia đình), và cũng có khá nhiều dữ kiện ủng hộ phần nào giả thuyết ấy.⁵ Song, theo ý người đọc sách này, sự khủng hoảng đó không nhất thiết phải là tính Freud, nhưng có thể, như đã nói ở trên, do chính cái ý muốn “logic-hoa”, hiện thực hoá cái vũ trụ lý thuyết của ông.⁶

Rốt cuộc, Ellsberg tự coi mình như một con cờ do chính

ông nắm, trong bàn cờ do chính ông xếp. Dùng một hình ảnh khác : Ellsberg nhìn mình như một diễn viên cẩn thiết (nếu không là chính) trong tấn tuồng lịch sử, đa số chung quanh là phụ diễn mà hành động sẽ tuỳ vào chỗ đứng, cách đi của diễn viên Ellsberg. Thiên chức lịch sử mà Ellsberg tự gán cho mình, lầm lúc quá lố đến độ buồn cười. Chẳng hạn như ông cố tình dàn dựng cho con trai 14 tuổi của mình tham gia lén lút photocopy *Pentagon Papers* để cậu ta có những kỷ niệm dự phần vào lịch sử !

Ellsberg cũng không để ý (hoặc không muốn viết) về người khác. Ellsberg lập di lập lại là ông ta sẵn sàng vào tù sau khi công khai hoá *Pentagon Papers*, nhưng ông không cho đọc giả biết là vợ ông (Patricia Marx, xuất thân từ một gia đình khá giả), đã nói trước là sẽ sẵn sàng trả tiền luật sư biện hộ cho ông. Ellsberg cũng chỉ nói phớt qua vai trò của Anthony Russo mà theo nhiều người là quan trọng không kém Ellsberg. Có thể chặng chính sự im lặng này là nói nhiều hơn cả về con người ông ? Nhiều bí mật vẫn còn ẩn kín trong quyền "Bí mật" của Ellsberg.

Trần Hữu Dũng

Dayton, 11/2002

1. *Secrets : A Memoir of Vietnam and the Pentagon Papers*, 2002, New York : Viking, 498 trang, 29,95 đô la Mỹ.
2. Tưởng cũng nên nhắc lại : *Pentagon Papers* là bộ tài liệu trên 7000 trang, tối mật, về lịch sử chính sách Mỹ đối với Việt Nam từ 1945 đến 1968, đúc kết theo chỉ thị của Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Robert McNamara.
3. Có thể mô tả nghịch lý này bằng một trò chơi như sau : Giả dụ trước mặt bạn là hai bình đựng bi. Mỗi bình có 100 hòn, đỏ hoặc đen. Bạn được cho biết bình thứ nhất có 50 hòn đỏ, 50 hòn đen. Tỷ lệ đỏ đen trong bình thứ hai thì bạn không được biết. Bạn có thể bốc, nhưng không được nhìn khi bốc, một hòn bi từ một trong hai bình. Nếu bốc đúng bi đỏ, bạn sẽ được 100 đô la. Bạn sẽ bốc từ bình nào ? Ellsberg phát giác rằng, dù không có lý do để tiên nghiệm cơ may bốc được bi đỏ ở bình này là cao hơn ở bình kia, đa số chúng ta sẽ chọn bốc từ bình thứ nhất. Chẳng những thế, giả sử người chủ cuộc sẽ bảo : "Như vậy là bạn nghĩ rằng bình ấy có nhiều bi đỏ phải không? Thế thì bây giờ tôi sẽ cho bạn 100 đô la nếu bạn bốc được bi đen". Vì bạn đã chọn bình thứ nhất để bốc bi đỏ, nếu đúng lý, bạn sẽ chọn bình thứ hai nếu muốn được bi đen. Nhưng Ellsberg lại phát giác là đa số chúng ta cũng lại chọn bốc từ bình thứ nhất ! Theo Ellsberg, "nghịch lý" này chứng tỏ con người thích có thông tin chắc chắn hơn là mơ hồ, đến độ có những lựa chọn trái luật xác suất, và không nhất quán.
4. Tom Wells, 2001, *Wild Man : The Life and Times of Daniel Ellsberg*, New York : Palgrave
5. Chính vì nghĩ thế mà Nixon đã cho bộ hạ lén vào phòng mạch bác sĩ tâm thần của Ellsberg để trộm hồ sơ của ông. Nhóm bộ hạ này sau này là thủ phạm trong vụ Watergate, đưa đến sự từ chức của Nixon.
6. Người điểm sách không thể cầm lòng khoác áo "phân tâm học" tài tử. Tại sao những nhà lý thuyết trò chơi (như Nash, Harsanyi, Ellsberg) lại hay bị chấn loạn thần kinh ? Có thể chặng vì họ bị rơi vào cái "mê hồn trận", cẩn phòng với bốn bức tường gương, của lý thuyết ấy ? Cái "nguy" của thuyết này là nó cuốn hút người lập thuyết vào vũ trụ biệt lập của nó, rồi khi thực tế ngoài đời không trăng đen, không "lô gic" như trong thuyết thì người ấy bị giằng co xâu xé, lâm vào khủng hoảng (như Nash), hoặc cảm thấy tự mình phải ra tay "điều chỉnh" thực tế để nó ăn khớp với lý thuyết (như Ellsberg).

Có thể liên lạc với những nền văn minh trong dải Ngân Hà không ?

Nguyễn Quang Riệu

Diễn Đàn : Chúng tôi vừa nhận được cuốn : *Bầu trời tuổi thơ*, do tác giả, nhà thiên văn Nguyễn Quang Riệu, có nhã ý gửi tặng. Độc giả *Diễn Đàn* hẳn đã quen thuộc tác giả phổ biến khoa học N. Q. Riệu, với một văn phong cực kỳ sáng sủa và giản dị, qua nhiều lần *ĐĐ* giới thiệu trên mặt báo này. Nhưng hình như ông là người cũng cực kỳ cầu toàn. Lần này, vẫn trên những đề tài quen thuộc, ông lại chắp bút lần nữa với cõi gắng giản dị dễ hiểu hơn nữa. Sách đặt tên "Bầu trời tuổi thơ", chắc hẳn nhằm đến đối tượng là các em học sinh cỡ U-15, như bây giờ đã thành lối nói quen thuộc. Xin trích đăng hai trong số hơn 40 tiết (100 trang) của sách . Như thường lệ sách in rất đẹp với nhiều ảnh thiên văn màu rất mới.

Tìm mua tại : Galeries de la Maison du Vietnam, 28 rue des Bernardins, Paris 5.

31. Có thể liên lạc với những nền văn minh trong dải Ngân Hà không ?

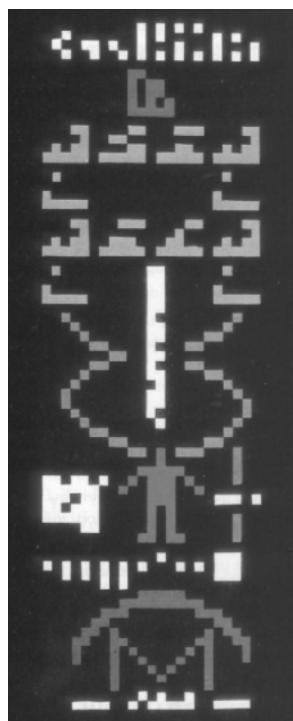
Nếu có những nền văn minh ở bên ngoài Trái Đất, họ có thể dùng nhiều phương tiện để bộc lộ sự hiện diện của họ. Tuy nhiên, những tín hiệu ánh sáng không truyền xa được, vì dễ bị hấp thụ bởi bụi trong Ngân Hà. Liên lạc trên những bước sóng vô tuyến là phương tiện thích hợp nhất. Sóng vô tuyến không những truyền trong không gian với vận tốc ánh sáng, mà còn không bị hấp thụ bởi khí và bụi trong Ngân Hà. Vì thế tín hiệu vô tuyến có thể phát ra rất xa. Sự liên lạc vô tuyến giữa những nền văn minh tiên tiến, nếu có trong Ngân Hà và trong các thiên hà khác, phải được thực hiện trong một khoảng thời gian vừa phải, so với tuổi thọ trung bình của những "người" tương tự như loài người trên Trái Đất. Nếu không muốn phải đợi tới quá 60 năm mới nhận được hồi âm, ta phải liên lạc trong một vùng có bán kính khoảng 30 năm - ánh sáng xung quanh Trái Đất (tín hiệu truyền đi trong 30 năm ; ta cần thêm 30 năm nữa để nhận được trả lời).

Nhưng trong một không gian nhỏ hẹp như thế, trung bình chỉ có vài trăm hệ sao, số hệ sao quá ít ỏi để hi vọng tìm thấy "người".

Ngày 16 tháng 11 năm 1974, các nhà thiên văn đã dùng kính thiên văn vô tuyến có đường kính 300 mét, tại Poctô Ricô (Porto Rico, Mĩ), để phát một thông điệp vô tuyến trong đó có những thông tin về Hệ Mặt Trời và con người trên Trái Đất (Hình 37). Mục tiêu là một tổ sao trong Ngân Hà cách Trái Đất 25 nghìn năm - ánh sáng. Tín hiệu phải truyền trong 25 nghìn năm mới đạt tới đích. Nếu có "người" trên một hành tinh của một hệ sao nào trong tổ sao đó muốn trả lời, thông điệp hồi âm cũng phải mất 25 nghìn năm mới tới Trái Đất.

Liệu bấy giờ, các nhà thiên văn hậu thế có đọc lại sách sử để còn đón nhận hồi âm không ?

Nếu muốn thu tín hiệu phát ra bởi một nền văn minh trong dải Ngân Hà, ta cần phải biết tần số của bức xạ. Cũng như trên máy thu thanh hay máy truyền hình, ta phải bắt đúng kênh mới thu được âm và hình. đương nhiên ta không biết tần số phát tín hiệu của những nền văn minh ở bên ngoài Trái Đất. Có đề án dùng những kính thiên văn vô tuyến được trang bị để dò hàng tỉ kênh và quan sát hàng nghìn ngôi sao, nhằm phát hiện những nền văn minh trong Vũ trụ. Cho tới nay, các nhà thiên văn chưa thu được một tín hiệu nào.



Hình 37 : Ngày 16 tháng 11 năm 1974, các nhà khoa học dùng kính thiên văn vô tuyến có đường kính 300 mét đặt trên miệng một núi lửa đã tắt, tại Arecibo (Puerto Rico, Mỹ), để phát một thông điệp về hướng một tổ sao, cách Trái Đất 25 nghìn năm - ánh sáng. Thông điệp chứa 1679 bit (thường được ký hiệu bằng số 0 và số 1), với mục đích truyền một số thông tin liên quan đến con người trên Trái Đất tới tổ sao mà các nhà khoa học cho rằng có hành tinh có "người" ở. Con số 1679 là tích số của hai số nguyên tố 73×23 và gợi ý là họ phải đặt những bit trên 73 dòng, mỗi dòng có 23 bit. Nếu những "người" ở hành tinh khác nhận được thông điệp và sắp xếp những bit theo thứ tự, thì họ sẽ vẽ ra được những hình ảnh trong thông điệp. Những hình màu xanh lá cây và xanh da trời tượng trưng những thành phần trong tế bào. Hình một người đang tay vẽ bằng màu đỏ.

Mặt Trời và 9 hành tinh vẽ bằng màu vàng và kính thiên văn bằng màu tím. Thông điệp phải truyền trong 25 nghìn năm mới tới đích. Nếu có một nền văn minh nào trong tổ sao muốn trả lời, ta phải đợi thêm 25 nghìn năm nữa mới nhận được hồi âm.

(Hình Arecibo observatory and Cornell University).

32. Tìm kiếm những hành tinh ở bên ngoài Hệ Mặt Trời

Cũng như nhân loại sống trên hành tinh Trái Đất trong Hệ Mặt Trời, sinh vật ở bên ngoài Hệ Mặt Trời, nếu có, cũng chỉ có thể tồn tại trên những hành tinh. Do đó, sự phát hiện những hành tinh ở bên ngoài Hệ Mặt Trời là một trong những hướng nghiên cứu ưu tiên và là bước đầu trong công việc tìm kiếm sự sống ở bên ngoài Trái Đất.

Cho tới những năm gần đây, các nhà thiên văn chỉ quan sát được những hành tinh trong Hệ Mặt Trời. Bởi vì sự phát hiện những hành tinh trong những hệ sao rất phức tạp. Ánh sáng yếu ớt của hành tinh bên cạnh ngôi sao bị át bởi ánh sáng gay gắt của ngôi sao. Giả sử có những nhà thiên văn trên một hành tinh trong hệ sao gần nhất - chỉ cách Hệ Mặt Trời khoảng 4 năm - ánh sáng - muốn quan sát Trái Đất và những hành tinh trong Hệ Mặt Trời. Đối với họ, Mặt Trời hiện ra trên bầu trời như một ngôi sao. Họ không thể nhìn thấy Trái Đất và các

hành tinh khác quay xung quanh ngôi sao Mặt Trời. Hành tinh Mộc, hành tinh lớn nhất trong hệ Mặt Trời, cũng chỉ sáng bằng một phần tám lần Mặt Trời. Tim kiếm hành tinh trong một hệ sao có thể ví như muốn nhìn thấy một con đom đóm bay ngay cạnh ngọn đèn pha xe hơi.

Vì không quan sát được trực tiếp các hành tinh trong các hệ sao, các nhà thiên văn đành tìm cách phát hiện nhiễu loạn của quỹ đạo của ngôi sao, gây ra bởi sự hiện diện của hành tinh đồng hành. Cũng như hai người nhảy múa quay và di chuyển khi gần nhau, khi xa nhau, ngôi sao và hành tinh trong hệ sao quay xung quanh nhau, làm ngôi sao nhích đi nhích lại khi gần, khi xa một cách định kì. Do đó vận tốc của ngôi sao cũng thay đổi theo một chu kỳ, bạn đồng hành của ngôi sao càng lớn thì vận tốc của ngôi sao càng thay đổi nhiều. Sự thay đổi vận tốc của một ngôi sao, dù nhỏ đến đâu, cũng tiết lộ được sự hiện diện của thiên thể đồng hành. Dùng kỹ thuật đo lường công phu và quan sát liên tục, các nhà thiên văn có thể đo chính xác vận tốc của ngôi sao. Nếu vận tốc thay đổi, tức là ngôi sao không đứng một mình mà có khả năng có bạn đồng hành. Dựa trên kết quả quan sát, các nhà thiên văn "cân" được thiên thể gây ra nhiễu loạn và xác định được khoảng cách giữa thiên thể đồng hành và ngôi sao. Tùy theo khối lượng đo được, họ có thể nhận ra bạn đồng hành là một ngôi sao hay một hành tinh. Tới nay, hàng chục hành tinh có khối lượng lớn, từ một tới bảy lần khối lượng của hành tinh Mộc, đã được phát hiện trong những hệ sao trong dải Ngân Hà.

Tuy nhiên, các nhà thiên văn chưa tìm thấy những hành tinh nhỏ như Trái Đất, vì chúng quá nhẹ nên không làm nhiễu quỹ đạo và vận tốc của ngôi sao một cách đáng kể. Với những thiết bị ngày càng hiện đại, họ hi vọng sẽ phát hiện được những hành tinh giống Trái Đất.

Không phải ngôi sao nào cũng có hành tinh quay xung quanh. Các nhà thiên văn ước lượng khoảng 10 phần trăm trong số hàng trăm tỷ sao trong Ngân Hà là loại sao giống Mặt Trời và có khả năng có hành tinh.

Oxi và nước là những yếu tố cần thiết cho sự sống. Sự hiện diện của oxi và nước cùng những phân tử khác chứa oxi, chẳng hạn ôdôn (ôdôn gồm có 3 nguyên tử oxi), trên những hành tinh có thể là dấu hiệu của sự sống.

Nguyễn Quang Riệu

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépot légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 5 €

Địa chỉ bưu điện:
BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):
diendan@wanadoo.fr
<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Đại diện các nước: xin coi thẻ lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)